

**Cẩm nang hướng dẫn quy trình thủ tục liên quan đến các
Công ước và Khuyến nghị Lao động Quốc tế**

**Vụ Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế
Văn phòng Lao động Quốc tế tại Geneva, 2012**

Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế 2012
Xuất bản lần đầu năm 2012

Các ấn phẩm của Văn phòng Lao động Quốc tế được hưởng quyền tác giả theo Nghị định thư số 2 của Công ước Toàn cầu về Bản quyền. Tuy nhiên, các trích dẫn ngắn từ các ấn phẩm này có thể được sao chép mà không cần xin phép, với điều kiện có trích nguồn cụ thể. Để được quyền tái bản hoặc dịch thuật, đề nghị đăng ký tới Bộ phận

Xuất bản (Quyền và Cho phép xuất bản), Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ hoặc đăng ký qua hộp thư điện tử pubdroit@ilo.org. Văn phòng Lao động Quốc tế luôn khuyến khích việc đăng ký này.

Các thư viện, viện nghiên cứu hoặc những người sử dụng khác đã đăng ký với các Tổ chức Quyền Sao chép, có thể sao chép theo giấy phép được cấp cho họ về mục đích này. Truy cập website: www.ifrro.org để tìm hiểu thêm về Tổ chức Quyền Sao chép tại mỗi quốc gia.

ISBN 978-92-2-126637-2 (bản in)

ISBN 978-92-2-126638-9 (bản pdf trên trang web)

Bản dịch của ấn bản lần thứ nhất 2012

Ấn bản này áp dụng theo thông lệ của Liên hợp quốc, và cách trình bày tài liệu không có ngụ ý thể hiện bất kỳ quan điểm nào về vai trò của Tổ chức Lao động Quốc tế về tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, vùng hoặc lãnh thổ hoặc chủ quyền của họ, hay liên quan đến sự phân định biên giới hoặc giới hạn của các khu vực đó.

Trách nhiệm về các quan điểm trình bày trong các bài báo, nghiên cứu, và các đóng góp khác có ký tên hoàn toàn thuộc về các tác giả, và ấn phẩm không cấu thành sự ủng hộ của Tổ chức Lao động Quốc tế với các quan điểm trình bày trong đó.

Việc nêu tên các công ty, sản phẩm thương mại hay quy trình không ám chỉ sự ủng hộ của Tổ chức Lao động Quốc tế, và việc không nêu tên một công ty, sản phẩm thương mại hoặc quy trình không phải là tín hiệu của sự không ủng hộ.

Các ấn phẩm giấy hoặc điện tử của ILO có thể tìm thấy tại các hiệu sách lớn hoặc các Văn phòng Lao động Quốc tế tại địa phương ở rất nhiều quốc gia, hoặc có thể gửi theo đường bưu phẩm từ Đơn vị phụ trách các ấn phẩm của ILO, Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ. Các danh mục hoặc danh sách ấn phẩm mới được cấp miễn phí tại địa chỉ trên, hoặc theo email: pubvente@ilo.org

Truy cập website của chúng tôi tại: www.ilo.org/publns.

Văn phòng Lao động Quốc tế tại Việt Nam in bản dịch này

Mục lục

Trang

Giới thiệu.....	1
I. Thông qua các tiêu chuẩn lao động quốc tế.....	2
Bản chất và cơ sở điều lệ ILO của các Công ước và Khuyến nghị.....	2
Đưa một vấn đề vào chương trình nghị sự Hội nghị.....	2
Quy trình thảo luận kép.....	2
Quy trình thảo luận đơn.....	4
Sửa đổi các Công ước và Khuyến nghị.....	4
Bãi bỏ hoặc Thu hồi các Công ước và Khuyến nghị.....	5
Ngôn ngữ.....	5
Xem xét các trường hợp đặc biệt.....	5
Phương cách tạo sự linh hoạt.....	6
Công ước và Khuyến nghị có vai trò như những tiêu chuẩn tối thiểu.....	7
Tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	7
II. Trình lên cơ quan có thẩm quyền.....	8
Nghĩa vụ dựa trên điều lệ ILO.....	8
Biên bản ghi nhớ của Hội đồng Quản trị.....	9
Thủ tục của Văn phòng Lao động Quốc tế.....	11
Tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	12
Trao đổi với các tổ chức đại diện và ý kiến nhận được từ các tổ chức đó.....	12
Tóm tắt.....	12
Sự hỗ trợ của Văn phòng.....	12
III. Phê chuẩn Công ước và chấp nhận các nghĩa vụ.....	13
Quy trình thủ tục.....	13
Hình thức trao đổi thông tin về việc phê chuẩn.....	13
Các tuyên bố bắt buộc phải đưa vào hoặc kèm theo văn kiện phê chuẩn.....	13
Các tuyên bố không bắt buộc phải đưa vào hoặc kèm theo văn kiện phê chuẩn.....	15
Các tuyên bố không bắt buộc về phạm vi của Công ước.....	16
Phê chuẩn Nghị định thư.....	17
Không chấp nhận bảo lưu.....	17
Đăng ký phê chuẩn và chấp nhận nghĩa vụ.....	17
Có hiệu lực.....	18
Nghĩa vụ phát sinh khi phê duyệt.....	18
Lồng ghép vào luật pháp quốc gia.....	18
Tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	18

Vùng lãnh thổ không phải chính quốc	19
Ảnh hưởng của việc rút khỏi ILO.....	19
Thông tin về phê chuẩn.....	19
IV. Báo cáo về Công ước đã được phê chuẩn.....	20
Nghĩa vụ báo cáo	20
Hệ thống báo cáo.....	20
Báo cáo chi tiết.....	24
Báo cáo tóm tắt.....	25
Giới thiệu quy trình thủ tục theo dõi riêng.....	25
Tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	25
Chuyển báo cáo tới các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	26
Ý kiến của các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	26
Quy trình thủ tục của ILO đối với yêu cầu báo cáo.....	26
Tóm tắt.....	27
Các chu kỳ báo cáo điều 22 theo đề xuất.....	28
Sắp xếp các Công ước theo nhóm chu kỳ báo cáo 3 năm hoặc 5 năm phục vụ mục đích báo cáo (thứ tự a,b,c trong tiếng Anh).....	28
V. Báo cáo về các Công ước không được phê chuẩn và các Khuyến nghị –.....	30
Tuyên bố năm 1998 và 2008.....	30
Nghĩa vụ báo cáo về Công ước không được phê chuẩn.....	30
Nghĩa vụ báo cáo về các Khuyến nghị.....	30
Liên Bang.....	30
Lựa chọn Công cụ Báo cáo.....	30
Theo dõi Tuyên bố năm 1998 của ILO.....	31
Theo dõi Tuyên bố năm 2008 của ILO.....	31
Mẫu báo cáo.....	32
Quy trình thủ tục của ILO đối với yêu cầu báo cáo.....	32
Tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	32
Chuyển báo cáo tới các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	32
Tóm tắt.....	33
VI. Cơ chế giám sát thường xuyên đối với việc thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ các Công ước và Khuyến nghị.....	34
Các cơ quan giám sát thường xuyên.....	34
A. Ủy ban Chuyên gia.....	34
B. Ủy ban Hội nghị về việc Áp dụng các Tiêu chuẩn.....	37
VII. Vai trò của các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	40
Chuyển báo cáo và thông tin tới các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	40
Tham vấn với các tổ chức đại diện.....	40
Tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động gửi ý kiến.....	41

Tham gia Hội nghị.....	41
VIII. Giải thích Công ước và Khuyến nghị.....	42
Giải thích của Tòa án Công lý Quốc tế.....	42
Quan điểm không chính thức của Văn phòng Lao động Quốc tế.....	42
Giải thích của các cơ quan giám sát.....	42
IX. Sửa đổi các Công ước và Khuyến nghị.....	44
Bản chất của việc sửa đổi Công ước.....	44
Phương pháp và hệ quả của việc sửa đổi Công ước.....	44
Sửa đổi Khuyến nghị.....	45
X. Bãi ước Công ước.....	46
Điều kiện Bãi ước.....	46
Tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.....	46
Hình thức truyền thông việc bãi ước.....	46
Quy trình thủ tục của ILO.....	47
Hệ quả của việc bãi ước.....	47
XI. Quy trình thủ tục đặc biệt.....	48
A. Kháng nghị về sự tuân thủ các Công ước đã được phê chuẩn.....	48
Các quy định theo Điều lệ của ILO.....	48
Quy trình thủ tục xem xét giải quyết kháng nghị.....	48
B. Khiếu nại về việc tuân thủ các Công ước đã phê chuẩn.....	49
Các quy định chính theo Điều lệ của ILO.....	49
Các quy định khác theo Điều lệ của ILO.....	49
Quy trình thủ tục của Ủy ban Điều tra.....	50
C. Khiếu nại về vi phạm quyền tự do hiệp hội.....	50
1. Ủy ban về Tự do Hiệp hội thuộc Hội đồng Quản trị.....	50
2. Ủy ban Điều tra và Hòa giải về Tự do Hiệp hội.....	52
D. Không thực hiện việc trình Công ước và Khuyến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền.....	53
Điều khoản của Điều lệ ILO.....	53
XII. Hỗ trợ của Văn phòng Lao động Quốc tế về các tiêu chuẩn lao động quốc tế.....	54
Tiêu chuẩn lao động quốc tế và hợp tác kỹ thuật.....	54
Dịch vụ tư vấn phi chính thức.....	54
Liên hệ trực tiếp.....	54

Phụ lục

	<i>Page</i>
I. Kế hoạch hành động về các tiêu chuẩn lao động quốc tế.....	57
II. Các nguồn thông tin.....	59
III. Tên chính thức của các Công ước đã được Hội nghị Lao động Quốc tế thông qua, 1919– 2011.....	61

Giới thiệu

Cuốn cẩm nang này mô tả Quy trình thủ tục hoạt động của Tổ chức Lao động Quốc tế về việc thông qua và triển khai các Công ước và Khuyến nghị của ILO. Ấn bản này xem xét việc điều chỉnh hệ thống giám sát các tiêu chuẩn lao động quốc tế mà Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động Quốc tế đã quyết định tính đến kỳ họp tháng 3 năm 2012.¹

Cuốn cẩm nang này được thiết kế nhằm mục đích trước hết là để giúp các nhà quản lý của chính phủ các nước thực hiện nghĩa vụ theo Điều lệ ILO về các tiêu chuẩn lao động quốc tế, qua việc ban hành các điều khoản dựa trên Quy trình thủ tục cần tuân thủ cũng như dựa trên thông lệ của ILO để các điều khoản này có hiệu lực. Ngoài ra, các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động cũng có thể sử dụng cẩm nang này, và những tổ chức này có vai trò riêng trong các Quy trình thủ tục này.

Chức năng của Văn phòng Lao động quốc tế là cung cấp thông tin và đào tạo cho cán bộ của các chính phủ cũng như các tổ chức sử dụng lao động và người lao động về tất cả các khía cạnh của Quy trình thủ tục mô tả trong Cẩm nang này. Một phần của công việc này được thực hiện thông qua các hội thảo tổ chức tại các khu vực, tại trụ sở của ILO ở Geneva, tại Trung tâm Đào tạo Quốc tế của ILO ở Turin (Italy), và tại các Nước thành viên, cũng như thông qua các phái đoàn tư vấn không chính thức của các cán bộ Vụ Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế và các chuyên gia về tiêu chuẩn trong lĩnh vực này. Văn phòng Lao động Quốc tế chịu trách nhiệm giải thích rõ hơn bất kỳ vấn đề nào được giải quyết trong phạm vi này theo yêu cầu của các chính phủ hoặc các tổ chức. Cuốn cẩm nang này được phát hành, Văn phòng Lao động quốc tế hỗ trợ và tư vấn thêm trên cơ sở hiểu biết rằng theo Điều lệ ILO, Văn phòng không có Cơ quan chuyên trách nào phụ trách việc giải thích Điều lệ hoặc Văn kiện mà Hội nghị thông qua.

Phụ lục I của cuốn Cẩm nang này gồm kế hoạch hành động cần thiết để thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Phụ lục II liệt kê các tài liệu sẵn có liên quan đến các Công ước và Khuyến nghị của ILO. Phụ lục III liệt kê tên rút gọn của tất cả các Công ước mà có thể phát sinh yêu cầu báo cáo như đề cập trong bảng.

¹ Xem tài liệu GB.313/LILS/5

I. Thông qua các tiêu chuẩn lao động quốc tế

Bản chất và cơ sở điều lệ ILO của các Công ước và Khuyến nghị

1. Công ước là những văn kiện mà việc phê chuẩn sẽ tạo nên các nghĩa vụ pháp lý. Các khuyến nghị thì không đưa ra để phê chuẩn, mà chỉ cung cấp định hướng chính sách, pháp luật và thực hành. Cả hai loại văn kiện này được Hội nghị Lao động Quốc tế thông qua,² và điều 19 của Điều lệ ILO đã nêu rõ:

1. Khi Hội nghị đã quyết định thông qua những đề xuất về một nội dung trong chương trình nghị sự, thì Hội nghị cũng sẽ quyết định hình thức của đề xuất là: (a) một Công ước Quốc tế, hay (b) một Khuyến nghị để phù hợp với hoàn cảnh, nếu chủ đề hay khía cạnh được giải quyết không được cho là phù hợp để áp dụng một Công ước tại thời điểm đó.

2. Trong bất kỳ trường hợp nào nói trên, dù áp dụng công ước hay khuyến nghị, cũng đều cần biểu quyết theo đa số, nghĩa là ít nhất hai phần ba các đại biểu có mặt ủng hộ quyết định cuối cùng của Hội nghị về việc áp dụng Công ước hay Khuyến nghị.

Đưa một nội dung vào chương trình nghị sự của Hội nghị

2. Chương trình nghị sự của Hội nghị được Hội đồng Quản trị sắp xếp (Điều lệ ILO, điều 14). Trong trường hợp đặc biệt khẩn cấp hoặc các tình huống đặc biệt khác (ví dụ trường hợp dự thảo Nghị định thư đang được xem xét) thì Hội đồng Quản trị có thể quyết định nêu một câu hỏi cho Hội nghị với ý định áp dụng thảo luận đơn (Điều 34(5), Trình tự Tác nghiệp (SO)); nhưng ngoài ra cũng có thể áp dụng thảo luận kép (nghĩa là thảo luận tại hai kỳ Hội nghị) (SO,³ điều 34(4)). Hội đồng Quản trị có thể quyết định đưa ra câu hỏi cho hội nghị kỹ thuật trừ bị (Điều lệ ILO, điều 14(2); SO, các điều 34(3) và 36). Bản thân Hội nghị cũng có thể đưa một nội dung nào đó vào chương trình nghị sự cho kỳ họp sau nếu hai phần ba đại biểu có mặt biểu quyết đồng ý (Điều lệ ILO, điều 16(3)).

Quy trình thủ tục thảo luận kép

3. Sau đây là các bước trong *thảo luận kép (Phụ lục I)*:⁴
 - (a) Văn phòng Lao động Quốc tế xây dựng một báo cáo về luật và thông lệ tại các nước, cùng với một bảng hỏi. Báo cáo và bảng hỏi yêu cầu các chính phủ phải tham vấn hầu hết các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động trước khi hoàn thành câu trả lời. Báo cáo và bảng hỏi phải được chuyển tới các chính phủ ít nhất là 18 tháng trước kỳ Hội nghị phù hợp (SO, điều 39(1)).
 - (b) Để đưa các câu trả lời của các chính phủ vào báo cáo, các câu trả lời đó cần được gửi đến Văn phòng Lao động Quốc tế ít nhất 11 tháng trước kỳ họp thích hợp (xem SO, điều 39(2)). Trong trường hợp của các nước liên bang và các nước cận biên dịch bảng hỏi sang ngôn ngữ của quốc gia đó, thì họ sẽ được gia hạn thời gian này, thay vì 7 tháng thì sẽ có 8 tháng để chuẩn bị câu trả lời nếu chính phủ đó yêu cầu.

² Đôi khi các Nghị định thư là các phiên bản không đầy đủ hoặc không bắt buộc hoặc là các sửa đổi của các Công ước trước đây

³ Trình tự tác nghiệp Hội nghị Lao động Quốc tế, lồng ghép Trình tự tác nghiệp phù hợp của Hội đồng Quản Trị

⁴ Giới hạn thời gian thông thường cho các bước trong Quy trình Thủ tục này có thể khác nhau, có thể một câu hỏi được đưa vào chương trình (1) dưới 18 tháng trước khi mở một kỳ họp mà tại đó cuộc thảo luận đầu tiên được thực hiện, hoặc (2) dưới 11 tháng giữa 2 kỳ liên quan (SO, điều 39(5) và (8)).

- (c) Văn phòng chuẩn bị thêm một báo cáo về cơ sở của các câu trả lời đã nhận được, chỉ ra các câu hỏi chính để Hội nghị sẽ xem xét. Thường báo cáo này được gửi đến các chính phủ chậm nhất là 4 tháng trước kỳ họp phù hợp (SO, điều 39(3)).
- (d) Các báo cáo này được Hội nghị xem xét – thường là trong ủy ban – và nếu Hội nghị quyết định vấn đề này là phù hợp đối với một Công ước hoặc Khuyến nghị thì hội nghị sẽ thông qua các kết luận và quyết định: hoặc là đưa vấn đề vào chương trình nghị sự kỳ tiếp theo hoặc yêu cầu Hội đồng Quản trị đưa vào chương trình nghị sự cho kỳ họp sau nữa (SO, điều 39(4)(a), (b)).
- (e) Dựa trên cơ sở của các câu trả lời và thảo luận ban đầu tại Hội nghị, Văn phòng Lao động Quốc tế dự thảo các Công ước hoặc Khuyến nghị và chuyển tới với các Chính phủ trong vòng hai tháng sau khi kết thúc Kỳ hội nghị (SO, điều 39(6)).⁵
- (f) Đến đây chính phủ lại phải tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động và có ba tháng để gợi ý các sửa đổi và đưa ra góp ý (SO, điều 39(6)).
- (g) Trên cơ sở các câu trả lời tiếp theo của chính phủ, chuyển báo cáo hoàn thiện gồm có văn bản Công ước hoặc Khuyến nghị đã sửa đổi tới chính phủ ít nhất ba tháng trước kì Hội nghị, và các câu trả lời này sẽ được thảo luận tại hội nghị đó (SO, điều 39(7)).
- (h) Hội nghị quyết định xem cuộc thảo luận thứ hai dựa trên các Công ước hay Khuyến nghị do Văn phòng Lao động Quốc tế dự thảo và xem xét các Công ước hoặc dự thảo đó như thế nào – thường là ủy ban sẽ xem xét đầu tiên. Mỗi điều khoản của một Công ước hay Khuyến nghị sẽ được đưa ra Hội nghị để thông qua và do vậy các dự thảo đã được thông qua sẽ được chuyển đến Ban Dự thảo để hoàn thiện.⁶ Văn bản văn kiện mà Ban dự thảo đã phê duyệt được trình lên Hội nghị để thông qua lần cuối theo điều 19 của Điều lệ ILO (xem đoạn 1 ở trên và SO, điều 40).
- (i) Nếu Hội nghị phản đối một Công ước trong báo cáo của một ủy ban, thì Hội nghị vẫn có thể chuyển lại Công ước đó cho ủy ban để sửa thành Khuyến nghị (SO, điều 40(6)).
- (j) Nếu một Công ước không đạt được số lượng biểu quyết đa số (2/3 đại biểu có mặt) mà chỉ đạt được tỷ lệ đa số giản đơn, thì Hội nghị quyết định có chuyển Công ước đó về Ban soạn thảo để soạn lại thành Khuyến nghị hay không (SO, điều 41).

Quy trình thủ tục thảo luận đơn

4. Dưới đây là các bước trong *thảo luận đơn*:⁷

- (a) Văn phòng Lao động Quốc tế chuẩn bị một báo cáo tóm tắt về luật và thông lệ tại các nước, cùng với bảng hỏi với mục đích chuẩn bị các Công ước hoặc khuyến

⁵ Nếu hai kỳ họp cách nhau dưới 11 tháng, Hội đồng Quản trị hoặc Cán bộ Hội đồng Quản trị có thể phê duyệt một chương trình giảm khoảng cách thời gian (SO, điều 39(8)). Đồng thời Hội đồng Quản trị cũng đề nghị các nước đóng góp ý kiến cho các Công ước và Khuyến nghị được đề xuất, Văn phòng Lao động quốc tế tham vấn với Liên hợp quốc và các cơ quan chuyên ngành khác về bất kỳ điều khoản nào được đề xuất mà có ảnh hưởng đến các hoạt động của họ và thu thập đóng góp ý kiến của họ trước khi Hội nghị và chính phủ trả lời (SO, điều 39bis).

⁶ Xem SO, điều 6

⁷ Giới hạn thời gian thông thường cho các giai đoạn trong Quy trình thủ tục này có thể khác nhau nếu câu hỏi được đưa vào chương trình này ít hơn 26 tháng trước khi mở phiên họp mà có cuộc thảo luận này, và chương trình giảm khoảng cách thời gian có thể được Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ Hội đồng phê duyệt (SO, điều 38(3))

ngợi, ⁸ để chuyển tới các chính phủ chậm nhất là 18 tháng trước kỳ hội nghị thích hợp. Các chính phủ được yêu cầu tham vấn hầu hết các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động (SO, điều 38(1)).⁹

- (b) Câu trả lời của chính phủ cần phải được gửi đến Văn phòng Lao động Quốc tế chậm nhất là 11 tháng trước kỳ họp phù hợp (SO, điều 38(1)).
- (c) Dựa trên các câu trả lời của chính phủ, một báo cáo cuối cùng gồm văn bản các Công ước hoặc Khuyến nghị ¹⁰ được chuyển đến các chính phủ ít nhất là 4 tháng trước khi mở kỳ Hội nghị (SO, điều 38(2)).
- (d) Nếu câu hỏi đã được xem xét trong một hội nghị kỹ thuật trừ bị, Văn phòng có thể hoặc là gửi báo cáo tóm tắt và bảng hỏi đến các chính phủ theo quyết định của Hội đồng Quản trị (xem (a) và (b) ở trên); hoặc là dựa vào công việc của hội nghị kỹ thuật trừ bị, soạn thảo một báo cáo hoàn thiện (xem (c) ở trên – SO, điều 38(4)).
- (e) Xem xét lần cuối và thông qua các Công ước và Khuyến nghị theo quy trình thủ tục thảo luận đơn theo khoản 3(h) đến (j) ở trên.

Sửa đổi các Công ước và Khuyến nghị

Quy trình thủ tục riêng cho việc sửa đổi các Công ước và Khuyến nghị được nêu trong điều 43–45 của Trình tự tác nghiệp. Tuy nhiên, chúng cơ bản cũng giống như những quy trình thủ tục miêu tả trong các khoản 3 và 4 ở trên, và trong thực tế, các điều tham khảo trong Trình tự tác nghiệp vẫn giữ nguyên. Từ năm 1995 đến 2002, Hội đồng quản trị rà soát toàn bộ các tiêu chuẩn của ILO được thông qua trước năm 1985, trừ các Công ước cơ bản và quản trị, để xem chúng có cần phải được sửa đổi không. Kết quả của việc rà soát đó là: 71 Công ước – gồm cả các Công ước cơ bản và những công ước được thông qua sau năm 1985 – đã được đánh giá là “cập nhật” (GB.283/LILS/WP/PRS/4). Hội đồng Quản trị tiếp tục cập nhật các Công ước và Khuyến nghị và hiện nay có 82 Công ước “cập nhật” và được khuyến nghị xúc tiến tích cực.

Bãi bỏ hoặc thu hồi các Công ước hoặc Khuyến nghị

6. Tại kỳ họp thứ 85 (tháng 6 năm 1997), Hội nghị đã thông qua những sửa đổi đối với Điều lệ của Tổ chức trong đó bổ sung thêm khoản 9 vào điều 19 ¹¹ và sửa đổi đối với Trình tự tác nghiệp của Hội nghị (điều 11 mới và điều 45bis mới của Trình tự tác nghiệp). Một công ước không còn được sử dụng nữa “nếu cho thấy Công ước đó đã mất mục đích hoặc không còn đóng góp vào việc đạt được các mục tiêu của Tổ chức” (điều 19, khoản 9, của Điều lệ – hiện nay, chỉ thiếu một phê chuẩn để điều khoản có hiệu lực). Tại kỳ họp thứ 270 (Tháng 11, 1997), Hội đồng Quản trị sửa đổi Trình tự Tác nghiệp bằng cách thông qua điều 12bis mới về việc thiết lập Quy trình thủ tục để đưa một nội dung vào chương trình nghị sự của Hội nghị về việc bãi bỏ hoặc thu hồi các văn kiện. Quy trình thủ tục bãi

⁸ Hoặc là nghị định thư.

⁹ Khi đề nghị chính phủ đóng góp ý kiến đối với các Công ước và Khuyến nghị, Văn phòng Lao động quốc tế tham vấn với Liên hợp quốc và các cơ quan chuyên môn khác đối với bất kỳ điều khoản đề xuất nào mà có ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan đó và thu thập bất kỳ đóng góp ý kiến nào mà họ đóng góp tại Hội nghị cũng như các câu trả lời của chính phủ (SO, điều 39bis)

¹⁰ Hoặc là nghị định thư.

¹¹ Xem Văn kiện sửa đổi của Điều lệ ILO, 1997 (và truy cập website <http://www.ilo.org/public/english/bureau/leg/amend/index.htm>).

bỏ một Công ước áp dụng đối với các Công ước đã có hiệu lực. Việc thu hồi được áp dụng với các Công ước chưa có hiệu lực và các Khuyến nghị. Việc bãi bỏ hoặc thu hồi có sự đảm bảo quy trình như nhau, chỉ có một điều khác là Hội nghị có thể tiến hành thu hồi một văn kiện, dựa trên các điều khoản của Trình tự Tác nghiệp, không cần phải đợi đến khi những sửa đổi điều lệ có hiệu lực.¹²

Ngôn ngữ

7. Văn bản gốc của Công ước và Khuyến nghị bằng tiếng Anh và tiếng Pháp¹³ được thông qua. Văn phòng Lao động Quốc tế có thể cung cấp bản dịch chính thức và các chính phủ liên quan xem xét và xác nhận tính xác thực (SO, điều 42).¹⁴

Các trường hợp đặc biệt được xem xét

8. Điều 19 của Điều lệ ILO cũng nêu:

3. Trong khi xây dựng bất kỳ một Công ước hay Khuyến nghị nào cho việc áp dụng chung thì Hội nghị cũng cần quan tâm thích đáng đến các nước mà ở đó có các điều kiện khí hậu, sự phát triển chưa toàn diện của tổ chức lao động, những hoàn cảnh đặc biệt khác khiến các điều kiện việc làm có sự khác biệt lớn, và sẽ gợi ý những điều chỉnh (nếu có) mà hội nghị cho rằng có thể cần thiết để phù hợp với hoàn cảnh của những nước đó.

Vì lý do này, luật và các báo cáo thực tiễn cũng như các bảng hỏi (do Văn phòng Lao động Quốc tế chuẩn bị theo như khoản 3 và khoản 4 ở trên) yêu cầu các chính phủ nêu những điểm đặc biệt của quốc gia mình mà có thể khiến cho việc áp dụng các văn kiện có thể gặp khó khăn; và gợi ý những cách giải quyết vấn đề này. Các đại biểu của người sử dụng lao động, người lao động và chính phủ tại hội nghị cũng có thể chú ý đến các điều kiện quốc gia đặc biệt cần phải xem xét khi dự thảo các tiêu chuẩn mới.

Phương cách tạo sự linh hoạt

9. Rất nhiều phương cách đã được Hội nghị sử dụng để đảm bảo tính linh hoạt của các tiêu chuẩn lao động quốc tế.¹⁵ Ví dụ:
 - (a) Các điều khoản đặt ra các tiêu chuẩn được điều chỉnh cho phù hợp với các nước được nêu tên. Những điều khoản này gần đây chưa được Hội nghị sử dụng;
 - (b) Thông qua Công ước đặt ra các nguyên tắc cùng với (hoặc là sau đó được bổ sung bởi) một Khuyến nghị đưa ra hướng dẫn về các chi tiết kỹ thuật và thực tiễn về việc thực hiện;
 - (c) Định nghĩa các tiêu chuẩn bằng từ ngữ thông thường – ví dụ, điều chỉnh các mục đích của chính sách xã hội – và tùy vào điều kiện và thực tiễn của mỗi quốc gia mà quyết định các phương thức áp dụng phù hợp (luật, quy định, thỏa thuận tập thể...),

¹² Tại kỳ họp thứ 88 (Tháng 5-tháng 2000), Hội nghị quyết định thu hồi các công ước 31, 46, 51, 61 và 66. Tại kỳ họp thứ 90 (tháng 6, 2002), Hội nghị quyết định thu hồi 20 Khuyến nghị (số 1, 5, 11, 15, 37, 38, 39, 42, 45, 50, 51, 54, 56, 59, 63, 64, 65, 66, 72 và 73) và tại Kỳ họp thứ 92 (Tháng 6, 2004) thu hồi 16 Khuyến nghị khác (số 2, 12, 16, 18, 21, 26, 32, 33, 34, 36, 43, 46, 58, 70, 74 và 96).

¹³ Và các nghị định thư.

¹⁴ Ngoài ra xem các điều khoản cuối cùng của các Công ước và các Nghị định thư.

¹⁵ Xem tài liệu GB.244/SC/3/3 (Nov. 1989) và các điều khoản về tính linh hoạt trong phạm vi và áp dụng các nghĩa vụ trong *Cẩm nang dự thảo các văn kiện ILO*, 2005.

thường là sau khi tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động;

- (d) Chia Công ước ra thành các Phần hoặc các điều, và tại thời điểm phê chuẩn công ước thì chỉ cần chấp nhận nghĩa vụ của một số điều/phần, các nghĩa vụ còn lại có thể được dồn lại thực hiện trong tương lai như pháp luật xã hội khi có khả năng thực hiện;
- (e) Chia các Công ước ra thành các phần tự chọn, phạm vi và mức độ nghĩa vụ khác nhau tùy vào việc chấp nhận phần nào;
- (f) Các điều khoản cho phép (đôi khi là tạm thời) chấp nhận một tiêu chuẩn thấp hơn cụ thể tại các nước mà ở đó, ví dụ, không có luật pháp về vấn đề đó trước khi phê chuẩn hoặc nền kinh tế hay cơ sở hành chính hoặc y tế còn chưa phát triển đầy đủ;
- (g) Các điều khoản cho phép loại trừ, ví dụ, các nhóm nghề hoặc doanh nghiệp cụ thể hoặc các vùng mà dân số thưa thớt hoặc chưa phát triển;
- (h) Các điều khoản cho phép chấp nhận từng nghĩa vụ về người lao động trong các ngành kinh tế cụ thể;
- (i) Các điều khoản được thiết kế để theo kịp những tiến bộ về khoa học y tế bằng cách đề cập đến việc biên tập tác phẩm tham chiếu gần đây nhất, hoặc luôn rà soát một vấn đề theo như những hiểu biết hiện nay;
- (j) Thông qua một Nghị định thư không bắt buộc đối với một Công ước, hoặc là bằng cách tạo điều kiện phê chuẩn bản thân Công ước với độ linh hoạt cao hơn, hoặc mở rộng các nghĩa vụ của Công ước;
- (k) Các điều khoản trong một Công ước mà trong đó sửa đổi một phần một Công ước trước đây, bằng cách đưa vào các nghĩa vụ không bắt buộc và hiện đại hơn, đồng thời cho phép Công ước được đưa ra để phê chuẩn ở dạng chưa sửa đổi.

Các Công ước và Khuyến nghị có vai trò như những tiêu chuẩn tối thiểu

10. Điều 19 của Điều lệ cung cấp thêm:

8. Hội nghị không được thông qua các Công ước hoặc Khuyến nghị, hoặc các nước thành viên không được phê chuẩn bất kỳ Công ước nào mà được cho là ảnh hưởng đến bất kỳ luật, quyết định, phong tục hoặc thỏa thuận nào mà đảm bảo điều kiện tốt hơn cho người lao động so với những gì được quy định trong Công ước hoặc Khuyến nghị này.

Tham vấn với các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động

- 11.** Ngoài các điều khoản của Trình tự Tác nghiệp đề cập trong khoản 3 và 4 ở trên, Điều 5(1)(a) trong Công ước Tham vấn Ba bên (Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế) năm 1976 (số 144) và Khoản 5(a) của Khuyến nghị Tham vấn Ba bên (Các hoạt động của Tổ chức Lao động Quốc tế) năm 1976 (số 152), quy định rằng cần tổ chức tham vấn với đại diện người sử dụng lao động và người lao động về các câu trả lời bằng hỏi của chính phủ liên quan đến các nội dung trong chương trình Hội nghị và góp ý của chính phủ về văn bản đề xuất thảo luận.

II. Trình lên các cơ quan chức năng

Nghĩa vụ theo điều lệ ILO

12. Các công ước trở thành có hiệu lực cho bất kỳ Quốc gia nào khi đăng ký phê chuẩn đầy đủ với Tổng giám đốc ILO. Tuy nhiên, tất cả các nước thành viên đều có nghĩa vụ trình Công ước và Khuyến nghị¹⁶ tới các cơ quan chức năng của quốc gia. Các điều khoản có liên quan tại điều 19 của Điều lệ ILO như sau:

5. Trong trường hợp một Công ước:

- (a) Công ước sẽ được chuyển tới tất cả các Nước thành viên để phê chuẩn;
- (b) Mỗi nước Thành viên, trong vòng một năm từ khi kết thúc kỳ Hội nghị, hoặc nếu nước đó không thể thực hiện trong vòng một năm do những hoàn cảnh đặc biệt, thì vào một thời điểm phù hợp càng sớm càng tốt và không quá 18 tháng kể từ khi kết thúc kỳ Hội nghị, có trách nhiệm trình Công ước lên cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề đề cập trong Công ước, để ban hành luật hoặc hành động khác;
- (c) Các thành viên sẽ báo cáo với Tổng giám đốc Tổ chức Lao động Quốc tế về biện pháp áp dụng theo điều này để trình Công ước lên cơ quan được cho là có thẩm quyền, đặc điểm của cơ quan có thẩm quyền, và hành động mà họ thực hiện;

...

6. Trong trường hợp của một Khuyến nghị:

- (a) Khuyến nghị sẽ được chuyển tới tất cả các Thành viên để họ xem xét nhằm ban hành luật pháp quốc gia để các Khuyến nghị đó có hiệu lực hoặc không có hiệu lực;
- (b) Mỗi nước Thành viên, trong vòng một năm từ khi kết thúc kỳ Hội nghị, hoặc nếu nước đó không thể thực hiện trong vòng một năm do những hoàn cảnh đặc biệt, thì vào một thời điểm phù hợp càng sớm càng tốt và không quá 18 tháng kể từ khi kết thúc kỳ Hội nghị, có trách nhiệm trình Khuyến nghị lên cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề đề cập trong Khuyến nghị, để ban hành luật hoặc hành động khác;
- (c) Các thành viên sẽ báo cáo với Tổng giám đốc Tổ chức Lao động Quốc tế về biện pháp áp dụng theo điều này để trình Khuyến nghị lên cơ quan được cho là có thẩm quyền, đặc điểm của cơ quan có thẩm quyền, và hành động mà họ thực hiện;

...

7. Trong trường hợp là nước liên bang, áp dụng các điều khoản sau đây:

- (a) Đối với các Công ước và Khuyến nghị mà chính phủ liên bang cho là phù hợp với hệ thống hiến pháp hành động liên bang của mình, thì nghĩa vụ của nước liên bang cũng giống như các nước không phải là nước liên bang;
- (b) Đối với các Công ước và Khuyến nghị mà chính phủ liên bang cho là phù hợp với hệ thống hiến pháp toàn phần hoặc một phần, để có hành động ở các tỉnh

¹⁶ Và các Nghị định thư có thể cấu thành các sửa đổi một phần của các Công ước, và do vậy có thể đồng hóa với các Công ước

hoặc bang trực thuộc chứ không phải là hành động của toàn liên bang, thì chính phủ liên bang có trách nhiệm:

- i. Dựa vào Điều lệ ILO và Hiến pháp của các bang hoặc các tỉnh, thực hiện thu xếp hiệu quả để trình các Công ước và Khuyến nghị đó lên cơ quan có thẩm quyền của liên bang, của bang hoặc tỉnh trước 18 tháng kể từ khi kết thúc kỳ Hội nghị, để ban hành luật pháp hoặc có hành động khác;
 - ii. Tùy vào sự thống nhất của các chính quyền bang hoặc tỉnh có liên quan, thu xếp tham vấn định kỳ giữa các cơ quan liên bang với các cơ quan của bang và tỉnh nhằm xúc tiến hành động có điều phối tại nước liên bang để các điều khoản trong Công ước và Khuyến nghị đó có hiệu lực;
 - iii. Báo cáo với Tổng giám đốc Tổ chức Lao động Quốc tế về biện pháp áp dụng theo điều này để trình các Công ước và Khuyến nghị đó lên cơ quan được cho là có thẩm quyền, đặc điểm của cơ quan có thẩm quyền, và hành động mà họ thực hiện.¹⁷
- ...

Biên bản ghi nhớ của Hội đồng quản trị

13. Để xúc tiến trình bày thông tin do chính phủ cung cấp một cách đồng bộ cũng như để các biện pháp thực hiện phù hợp với các điều khoản trích dẫn trong khoản 12 ở trên, Hội đồng Quản trị đã áp dụng *Biên bản ghi nhớ về nghĩa vụ trình các Công ước và Khuyến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền*. Hội đồng Quản trị đã thông qua Biên bản ghi nhớ sửa đổi vào tháng 3 năm 2005.¹⁸ Biên bản ghi nhớ đã nhắc lại các điều khoản trong Điều lệ ILO có liên quan và trích dẫn các đoạn trích từ các báo cáo của Ủy ban Chuyên gia về việc Áp dụng các Công ước và Khuyến nghị¹⁹ và của Ủy ban Hội nghị về việc Áp dụng các Tiêu chuẩn²⁰ dự kiến để làm rõ mục đích và mục tiêu của việc trình báo, bản chất của nghĩa vụ trình báo và một loạt các yêu cầu thông tin. Biên bản ghi nhớ cũng nhắc lại yêu cầu cần tổ chức các cuộc tham vấn ba bên về nghĩa vụ trình lên quốc hội các văn kiện được Hội nghị thông qua. Nội dung của Biên bản ghi nhớ²¹ như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU CỦA VIỆC TRÌNH BÁO

- (a) Mục đích chính của việc trình báo là nhằm xúc tiến các biện pháp tại quốc gia để thực hiện các Công ước và Khuyến nghị. Ngoài ra, trong trường hợp của các Công ước, thì Quy trình thủ tục này cũng nhằm mục đích xúc tiến việc phê chuẩn.
- (b) Các chính phủ hoàn toàn tự do đề xuất bất kỳ hành động nào mà họ cho là phù hợp với các Công ước hoặc Khuyến nghị. Mục đích của việc trình báo là khuyến khích mỗi nước thành viên có quyết định nhanh chóng và có trách nhiệm đối với các văn kiện mà Hội nghị đã thông qua.
- (c) Nghĩa vụ trình báo là một thành tố cơ bản của hệ thống tiêu chuẩn của ILO. Một mục đích của nghĩa vụ này từ trước đến nay là các văn kiện được thông

¹⁷ Ngoài ra, điều 35, đoạn 4, của Điều lệ ILO nêu rõ: “Khi chủ đề của Công ước thuộc thẩm quyền tự quản của bất kỳ lãnh thổ mà không phải là chính quốc thì Nước thành viên chịu trách nhiệm về quan hệ quốc tế của lãnh thổ đó sẽ trình Công ước lên Chính quyền của lãnh thổ đó càng sớm càng tốt để chính quyền đó ban hành pháp luật hoặc thực hiện hành động khác...”.

¹⁸ GB.292/LILS/1(Rev.) và GB.292/10(Rev.), phụ lục I

¹⁹ Ở khía cạnh này, xem đoạn 58–60 dưới đây.

²⁰ Ở khía cạnh này, xem đoạn 61–63 dưới đây

²¹ *Biên bản ghi nhớ về nghĩa vụ trình lên các cơ quan có thẩm quyền, ILO, Geneva 2005.*

qua tại Hội nghị được đưa đến công chúng để họ được biết thông qua việc trình lên một cơ quan quốc hội.

- (c) Nghĩa vụ trình báo tăng cường mối quan hệ giữa Tổ chức và các cơ quan có thẩm quyền và thúc đẩy đối thoại ba bên ở cấp quốc gia.

II. BẢN CHẤT CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

- (a) Cơ quan có thẩm quyền là cơ quan mà, theo Hiến pháp của mỗi quốc gia, có quyền lực lập pháp hoặc thực hiện hành động khác để triển khai các Công ước và Khuyến nghị.
- (b) Cơ quan quốc gia có thẩm quyền thường là cơ quan lập pháp.
- (c) Thậm chí trong những trường hợp mà, theo các điều khoản của Hiến pháp của nước thành viên, khi ngành hành pháp cũng nắm quyền lập pháp, thì điều này vẫn thống nhất với tinh thần của các khoản tại điều 19 của Điều lệ ILO và của thông lệ thu xếp đánh giá các văn kiện mà Hội nghị thông qua bởi một cơ quan khảo sát, nếu có. Thảo luận trong hội đồng khảo sát, hoặc ít nhất là thông tin của hội đồng khảo sát, có thể cấu thành một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá toàn diện một câu hỏi và trong khả năng cải thiện biện pháp được áp dụng ở cấp quốc gia để các văn kiện thông qua tại Hội nghị có hiệu lực. Đối với các Công ước, điều đó có thể dẫn đến một quyết định liên quan đến việc phê chuẩn.
- (d) Nếu không có cơ quan quốc hội, việc thông báo cho một cơ quan tư vấn mang lại khả năng có thể đánh giá đầy đủ về các vấn đề được giải quyết tại Hội nghị. Quy trình này đảm bảo rằng các văn kiện được phổ biến rộng rãi đến công chúng, đó là một trong những mục đích của nghĩa vụ trình báo.

III. PHẠM VI NGHĨA VỤ TRÌNH BÁO

- (a) Điều 19 của Điều lệ ILO quy định nghĩa vụ trình lên các cơ quan có thẩm quyền *tất cả* các văn kiện được thông qua tại Hội nghị, không có ngoại lệ và không phân biệt giữa Công ước và Khuyến nghị.
- (b) Các chính phủ hoàn toàn có quyền tự do quyết định tính chất các đề xuất khi trình văn kiện và quyết định hiệu lực mà họ cho là phù hợp đối với các văn kiện thông qua tại Hội nghị. Nghĩa vụ trình báo các văn kiện không ám chỉ bất kỳ nghĩa vụ nào về đề xuất phê chuẩn Công ước hoặc chấp nhận Khuyến nghị.

IV. HÌNH THỨC TRÌNH

- (a) Do điều 19 của Điều lệ ILO rõ ràng nhằm mục đích đạt được một quyết định từ các cơ quan có thẩm quyền, nên việc trình các Công ước và Khuyến nghị lên các cơ quan này nên luôn đi cùng hoặc kèm theo một tuyên bố hoặc đề xuất thể hiện quan điểm của chính phủ về hành động sẽ được thực hiện đối với các văn kiện.
- (b) Điểm tất yếu cần ghi nhớ: (a) rằng tại thời điểm trình hoặc sau khi trình Công ước và Khuyến nghị lên các cơ quan lập pháp, các chính phủ cần: hoặc là đề cập biện pháp nào có thể được áp dụng để các văn kiện này có hiệu lực, hoặc đề xuất rằng sẽ không thực hiện hành động nào hoặc cần hoãn quyết định lại; và (b) rằng nên có một cơ hội để đưa vấn đề vào thảo luận trong ngành lập pháp.

V. GIỚI HẠN THỜI GIAN

- (a) Để các cơ quan quốc gia có thẩm quyền có thể cập nhật các tiêu chuẩn được thông qua tại cấp quốc tế mà có thể đòi hỏi hành động của mỗi quốc gia để các tiêu chuẩn đó có hiệu lực ở cấp quốc gia, thì việc trình báo cần được thực hiện

càng sớm càng tốt và trong bất kỳ trường hợp nào cũng phải nằm trong giới hạn thời gian quy định theo điều 19 của Điều lệ ILO.

- (b) Theo các điều khoản chính thức của điều 19 của Điều lệ ILO, việc trình các văn kiện thông qua tại Hội nghị đến các cơ quan có thẩm quyền cần phải được thực hiện trong vòng một năm, hoặc trong những trường hợp ngoại lệ, thì không quá 18 tháng kể từ khi kết thúc kỳ Hội nghị. Điều khoản này áp dụng với cả chính phủ phi liên bang và liên bang; trong trường hợp liên bang, thời hạn 18 tháng chỉ áp dụng với các Công ước và Khuyến nghị mà Chính phủ liên bang cho là phù hợp với hành động của các bang hoặc tỉnh trực thuộc. Để biết chắc chắn các Nước thành viên đã tôn trọng các giới hạn thời gian, Ủy ban cho là nên đề cập ngay trình quyết định của Hội nghị lên các cơ quan có thẩm quyền trong thông tin báo cáo lên Tổng giám đốc ILO.

VI. NGHĨA VỤ CỦA LIÊN BANG

Đối với Liên Bang, Ủy ban muốn chỉ ra rằng theo điều 19 của Điều lệ ILO, khoản 7(b)(i), khi hành động của các bang hoặc tỉnh trực thuộc được xem là “phù hợp”, thì Chính phủ phải sắp xếp hiệu quả để trình các Công ước và Khuyến nghị thông qua tại Hội nghị lên “các cơ quan chức năng” của các bang/tỉnh trực thuộc để ban hành pháp luật hoặc hành động khác.

VII. THAM VẤN BA BÊN

- (a) Đối với những quốc gia đã phê chuẩn Công ước Tham vấn Ba bên (Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế), 1976 (Số 144), cần phải tổ chức tham vấn hiệu quả về các đề xuất gửi lên các cơ quan chức năng khi trình các văn kiện mà Hội nghị đã thông qua (Điều 5, khoản 1(b), của Công ước số 144).
- (b) Các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động phải được tham vấn trước. Hiệu quả của việc tham vấn tiền giả định rằng đại diện của người sử dụng lao động và người lao động có sẵn trước đầy đủ tất cả các yếu tố cần thiết để xác định quan điểm của họ trước khi Chính phủ đi đến một quyết định cuối cùng.
- (c) Các thành viên chưa phê chuẩn Công ước số 144 có thể tham khảo các điều khoản liên quan trong Công ước đó và những điều khoản trong Khuyến nghị Tham vấn Ba bên (Các hoạt động của Tổ chức Lao động Quốc tế), năm 1976 (số 152).
- (d) Tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động cần thể hiện quan điểm của họ về hành động cần được thực hiện đối với các văn kiện mới một cách độc lập. Các cơ quan nhà nước, đối tác xã hội và các nghị sỹ cần đối thoại tại thời điểm hoàn thành Quy trình thủ tục trình báo.

VIII. TRUYỀN THÔNG TỚI CÁC TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- (a) Theo điều 23, khoản 2, của Điều lệ ILO, thông tin chuyên đến Tổng giám đốc về việc trình báo các cơ quan có thẩm quyền cũng đồng thời cần được chuyển đến các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động.
- (b) Khoản này được thiết kế để giúp các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động thể hiện ý kiến của riêng họ về hành động đã hoặc sẽ được thực hiện đối với các văn kiện đang xem xét.

Quy trình thủ tục của ILO

-
14. (a) Bản sao các Công ước và Khuyến nghị được gửi cho các chính phủ, ngay sau khi được Hội nghị thông qua, qua một công văn nhắc nhở nghĩa vụ trình báo theo Điều 19 của Điều lệ ILO. Biên bản ghi nhớ của Hội đồng Quản trị được đi kèm với công văn này. Đồng thời các bản sao tương tự của các tài liệu này cũng được gửi đến các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động tại quốc gia.
 - (b) Một năm sau khi kết thúc kỳ Hội nghị mà tại đó các văn kiện đã được thông qua, thì cần gửi thư nhắc – kèm theo một bản sao của Biên bản ghi nhớ - đến tất cả các chính phủ chưa cung cấp thông tin được yêu cầu.
 - (c) Sau 18 tháng kể từ khi kết thúc kỳ Hội nghị liên quan và thông tin vẫn chưa được cung cấp thì cần tiếp tục gửi thư nhắc.
 - (d) Khi trả lời yêu cầu của Ủy ban Chuyên gia, khi Văn phòng Lao động Quốc tế nhận được thông tin về việc trình các văn kiện lên các cơ quan chức năng, Văn phòng kiểm tra xem thông tin và tài liệu được yêu cầu trong Biên bản ghi nhớ của Hội đồng Quản trị - bao gồm các câu trả lời cho bất kỳ ý kiến nào hoặc yêu cầu trực tiếp của Ủy ban Chuyên gia hoặc ý kiến của Ủy ban Hội nghị – đã được cung cấp hay chưa. Nếu thông tin và tài liệu đó chưa được cung cấp, theo quy trình các bước hành chính, Văn phòng sẽ yêu cầu chính phủ có liên quan gửi những thông tin và văn bản còn thiếu. Nội dung thông tin cung cấp được các cơ quan giám sát có trách nhiệm kiểm tra lại.

Tham vấn với các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động

15. Điều 5, khoản 1(b), của Công ước số 144 và Khoản 5(b) của Khuyến nghị số 152 quy định về tham vấn với các đại diện của các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động về các đề xuất cần phải trình lên các cơ quan có thẩm quyền cùng với việc trình báo các Công ước và Khuyến nghị. Phần V của bảng hỏi ở cuối Biên bản ghi nhớ sửa đổi yêu cầu các chính phủ có liên quan xác nhận xem các tham vấn trước đã diễn ra chưa và, nếu phù hợp, thì nêu cả bản chất của các cuộc tham vấn đó.

Trao đổi với các tổ chức đại diện và ý kiến từ các tổ chức đó

16. Điều 23, khoản 2, của Điều lệ ILO quy định rằng tất cả các chính phủ cần phải gửi cho các tổ chức này bản sao của thông tin cung cấp theo điều 19; và theo Phần VI của bảng hỏi ở cuối Biên bản Ghi nhớ của Hội đồng Quản trị, các chính phủ phải báo cáo với Văn phòng Lao động Quốc tế những thông tin đã được trao đổi với các tổ chức. Biên bản ghi nhớ cũng yêu cầu các chính phủ đề cập đến bất kỳ ý kiến nào nhận được từ các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động về hiệu lực của áp dụng hoặc sẽ áp dụng đối với các văn kiện đã được trình báo.

Tóm tắt

17. Điều 23, khoản 1, của Điều lệ ILO quy định rằng bản Tóm tắt thông tin cung cấp theo điều 19 phải được trình bày trước cuộc họp tiếp theo của Hội nghị. Bảng Tóm tắt đó được đưa vào phụ lục của *Báo cáo III (Phần 1A)*.

Sự hỗ trợ của Văn phòng

- 18.** Các chính phủ và các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động, nếu yêu cầu, sẽ nhận được thông tin và tài liệu nghiên cứu từ Văn Phòng Lao động Quốc tế trong đó có trình bày cách thức mà các nước thực hiện nghĩa vụ trình báo.

III. Thông qua Công ước và chấp nhận các nghĩa vụ

Quy trình thủ tục

19. Điều 19 của Điều lệ ILO nêu rõ:

5.

...

- (d) Nếu Nước thành viên đạt được sự đồng thuận của cơ quan có chức năng liên quan đến vấn đề này, thì nước đó sẽ báo cáo việc chính thức phê chuẩn Công ước đến Tổng giám đốc và sẽ triển khai hành động cần thiết để các điều khoản của Công ước đó có hiệu lực.

Hình thức báo cáo về việc phê chuẩn

20. Điều lệ ILO không có yêu cầu cụ thể nào về hình thức báo cáo. Mỗi quốc gia sẽ có điều khoản và thông lệ theo hiến pháp riêng. Tuy nhiên, để được đăng ký, một văn kiện phê duyệt cần phải:²²

- (a) Xác định rõ Công ước được phê chuẩn;
- (b) Là một văn bản gốc (in trên giấy, không phải bản gửi qua fax hoặc bản phô tô) do một người có thẩm quyền ký thể hiện sự tham gia của Quốc gia (Như Chủ tịch nước, Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao hoặc Bộ Lao động);
- (c) Thể hiện rõ ý định của Chính phủ rằng quốc gia sẽ bị ràng buộc bởi Công ước liên quan và những nhiệm vụ của quốc gia đó trong việc hoàn thành các điều khoản của Công ước, tốt nhất là có tham khảo cụ thể điều 19(5)(d) của Điều lệ ILO.

Các tuyên bố bắt buộc phải đưa vào hoặc kèm theo văn kiện phê chuẩn

21. Một số Công ước đòi hỏi *tuyên bố* được đưa vào văn kiện phê chuẩn hoặc trong một văn bản đính kèm. Nếu Văn phòng Lao động Quốc tế không nhận được *tuyên bố* thì việc phê chuẩn sẽ không thể được đăng ký. Trong một số trường hợp, một *tuyên bố* bắt buộc sẽ xác định phạm vi nghĩa vụ được chấp thuận hoặc đưa ra các tiêu chí mô tả căn bản. Trong tất cả các trường hợp này, nội dung *tuyên bố* cần phải được xem xét trước khi chuẩn bị văn kiện phê chuẩn và các chỉ số miêu tả cần thiết hoặc là được đưa vào hoặc là được đính kèm văn kiện phê chuẩn. Các Công ước có liên quan được thông qua tính đến kỳ Hội nghị thứ 101 của Hội nghị (2012) và được đưa ra để phê chuẩn như sau:²³

- (i) Công ước số 102: An sinh Xã hội (Tiêu chuẩn tối thiểu), 1952 – Điều 2(b);
- (ii) Công ước số 115: Bảo vệ Phóng xạ, 1960 – Điều 3, khoản 3(c);

²² Một văn kiện phê chuẩn trong những điều khoản này nhất thiết phải được báo cáo tới Tổng giám đốc của ILO, để việc phê chuẩn có hiệu lực trong luật *quốc tế*. Nếu điều này không được thực hiện, có thể một Công ước được một Nước xem là “đã phê duyệt” trong hệ thống pháp lý *trong nước*, nhưng nó sẽ không có hiệu lực trong hệ thống pháp lý *quốc tế*. Một văn kiện phê chuẩn do vậy có thể phải bao gồm tuyên bố sau: “Chính phủ nước ... tới đây phê chuẩn Công ước... và đảm trách, cùng với điều 19, đoạn 5(d), của Điều lệ ILO, để hoàn thành nghĩa vụ trong lĩnh vực này” và do một người có thẩm quyền ký thể hiện sự tham gia của quốc gia.

²³ Cũng cần phải chú ý rằng Công ước về Vận chuyển Hàng hóa bằng đường biển (các Tiêu chuẩn tối thiểu), năm 1976 (số 147), không được đưa ra để phê chuẩn bởi các nước chưa đáp ứng được yêu cầu để phê chuẩn được thực hiện theo Điều 5, đoạn 1, trừ phi họ thực hiện được yêu cầu theo Điều 5, đoạn 2.

- (iii) Công ước số 118: Đối xử Bình đẳng (An sinh Xã hội), 1962 – Điều 2, khoản 3;²⁴
- (iv) Công ước số 123: Tuổi lao động tối thiểu (công việc dưới mặt đất, trong hầm mỏ), 1965 – Điều 2, khoản 2;
- (v) Công ước số 128: Trợ cấp cho người khuyết tật, Người già và tiền tuất, 1967 – Điều 2, khoản 2;
- (vi) Công ước số 132: Ngày nghỉ được hưởng lương (sửa đổi), 1970 – Điều 3, khoản 2 và 3, và Điều 15, khoản 2;
- (vii) Công ước số 138: Tuổi lao động tối thiểu, 1973 – Điều 2;
- (viii) Công ước số 146: Thuyền viên nghỉ phép có hưởng lương, 1976 – Điều 3, khoản 2 và 3;
- (ix) Công ước số 160: Thông kê Lao động, 1985 – Điều 16, khoản 2;
- (x) Công ước số 165: An sinh xã hội (Thuyền viên) (Chỉnh sửa), 1987 – Điều 4;
- (xi) Công ước số 173: Bảo vệ những Yêu sách của Người lao động (trong trường hợp Người sửa dụng lao động mất khả năng thanh toán), 1992 – Điều 3, khoản 1;
- (xii) Công ước số 183: Bảo vệ Thai sản, 2000 – Điều 4, khoản 2;
- (xiii) MLC – Công ước Lao động Hàng hải, 2006 (MLC, 2006) – Tiêu chuẩn A4.5, khoản 10.

²⁴ (a) Khi một nước thành viên phê duyệt Công ước này, thì nước đó cũng cần báo cáo tới Văn phòng Lao động Quốc tế xác nhận về Điều 2, đoạn 1, rằng nước đó có “pháp luật hoạt động hiệu quả cho toàn bộ công dân của nước đó trong lãnh thổ nước đó” trong nhánh hoặc các nhánh an sinh xã hội mà nước này chấp nhận nghĩa vụ của Công ước. Một xác nhận tương tự cũng cần được thực hiện trong trường hợp khai báo chấp nhận thêm nghĩa vụ theo Điều 2, đoạn 4. (b) Mỗi nước thành viên chấp nhận các nghĩa vụ của Công ước trong *bất kỳ* nhánh nào của an sinh xã hội mà có luật pháp quy định loại chế độ đề cập tại Điều 2, đoạn 6(a) hoặc (b), thì tại thời điểm phê chuẩn phải chuyển tới Văn phòng Lao động Quốc tế một *tuyên bố* đề cập các chế độ đó. Theo Điều 2, đoạn 7, quy định cần có tuyên bố ngay sau khi công bố chấp nhận nghĩa vụ của Công ước theo Điều 2, đoạn 4, hoặc trong vòng ba tháng sau khi thông qua luật pháp có liên quan. Mặc dù những *tuyên bố* này là bắt buộc, nhưng đó là để phục vụ cho mục đích thông tin, và nếu không có những tuyên bố đó thì cũng không làm mất hiệu lực của việc phê chuẩn hoặc công bố.

Các tuyên bố không bắt buộc phải đưa vào hoặc kèm theo văn kiện phê chuẩn

22. Trong trường hợp một số Công ước (và Nghị định thư), chỉ cần có *Tuyên bố* khi Nước phê chuẩn muốn áp dụng các trường hợp loại trừ, ngoại lệ hoặc điều chỉnh được phép. Trong trường hợp này *tuyên bố* phải được đưa vào hoặc đính kèm văn kiện phê chuẩn: nếu Văn phòng Lao động Quốc tế nhận được văn kiện phê chuẩn mà không có *tuyên bố* đủ tư cách, thì việc phê chuẩn sẽ được đăng ký đầy đủ và giữ nguyên như vậy, sẽ không thể có loại trừ, ngoại lệ hay điều chỉnh. Các Công ước liên quan được thông qua tính đến kỳ họp thứ 101 của Hội Nghị (2012) vẫn còn được đưa ra để phê chuẩn²⁵ bao gồm:
- (i) Công ước số 77: Khám sức khỏe cho người trẻ tuổi (nghề Công nghiệp), 1946 – Điều 9, khoản 1;
 - (ii) Công ước số 78: Khám sức khỏe cho người trẻ tuổi (nghề phi công nghiệp), 1946 – Điều 9, khoản 1;
 - (iii) Công ước số 79: Việc làm đêm của người trẻ tuổi (nghề phi công nghiệp), 1946 – Điều 7, khoản 1;
 - (iv) Công ước số 81: Thanh tra Lao động, 1947 – Điều 25, khoản 1; Nghị định thư số 1995 – Điều 2, khoản 1;
 - (v) Công ước số 90: Việc làm đêm của người trẻ tuổi (công nghiệp) (Sửa đổi), 1948 – Điều 7, khoản 1;
 - (vi) Công ước số 97: Di cư để làm việc (Sửa đổi), 1949 – Điều 14, khoản 1;
 - (vii) Công ước số 102: An sinh xã hội (Tiêu chuẩn tối thiểu), 1952 – Điều 3, khoản 1;
 - (viii) Công ước số 106: Nghỉ hàng tuần (trong Thương mại và Văn phòng), 1957 – Điều 3, khoản 1;
 - (ix) (a) Công ước số 110: Đồn điền, 1958 – Điều 3, khoản 1(b);
(b) Nghị định thư cho Công ước số 110 – Điều 1;
 - (x) Công ước số 119: Che chắn máy móc, 1963 – Điều 17, khoản 1;
 - (xi) Công ước số 121: Trợ cấp tai nạn lao động, 1964 – Điều 2, khoản 1, and Điều 3, khoản 1;
 - (xii) Công ước số 128: Trợ cấp người khuyết tật, người già và tiền tuất, 1967 – Điều 4, khoản 1, Điều 38 và Điều 39;
 - (xiii) Công ước số 130: Chăm sóc Y tế và Trợ cấp ốm đau, 1969 – Điều 2, khoản 1, Điều 3, khoản 1, và Điều 4, khoản 1;
 - (xiv) Công ước số 138: Tuổi lao động tối thiểu, 1973 – Điều 5, khoản 2;
 - (xv) Công ước số 143: Lao động di cư (Các điều khoản bổ sung), 1975 – Điều 16, khoản 1;

²⁵ Công ước về Bảo hiểm Ốm đau (Công nghiệp), 1927 (Số 24) và Công ước về Bảo hiểm Ốm đau (Nông nghiệp), 1927 (số 25) được điều chỉnh bởi Công ước về Chăm sóc Y tế và Chế độ trợ cấp ốm đau, 1969 (Số 130).

-
- (xvi) Công ước số 148: Môi trường làm việc (Ô nhiễm không khí, Tiếng ồn và Độ rung), 1977 – Điều 2;
- (xvii) Công ước số 153: Giờ làm việc và Thời gian nghỉ ngơi (Giao thông trên đường), 1979 – Điều 9, khoản 2;
- (xviii) Công ước số 168: Xúc tiến việc làm và Bảo vệ chống Thất nghiệp, 1988 – Điều 4, khoản 1, và Điều 5, khoản 1 và 2;
- (xix) Công ước số 173: Bảo vệ những Yêu sách của Người lao động (trong trường hợp Người sử dụng lao động mất khả năng thanh toán), 1992 – Điều 3, khoản 3;
- (xx) Công ước số 185: Hồ sơ Nhận dạng Thuyền viên (Sửa đổi), 2003 – Điều 9.

Các tuyên bố không bắt buộc về phạm vi của Công ước

23. Đối với tất cả các trường hợp đề cập tại đoạn 21 và 22 ở trên, một nước Thành viên đã sử dụng phương án giới hạn phạm vi áp dụng Công ước thì sau đó có thể điều chỉnh, hủy bỏ hoặc thu hồi giới hạn đó: việc này được thực hiện thông qua một *tuyên bố, hoặc khai báo tiếp theo về việc bãi ước trong một báo cáo theo Điều 22 của Điều lệ ILO*,²⁶ mỗi trường hợp có thể tùy theo từng công ước. Ngoài ra, các công ước sau đây cung cấp *tuyên bố* về mở rộng phạm vi áp dụng Công ước của Quốc gia liên quan có thể tại thời điểm phê chuẩn hoặc tại bất kỳ thời điểm nào sau đó:²⁷

- (i) Công ước số 129: Thanh tra lao động (Nông nghiệp), 1969 – Điều 5, khoản 1;
- (ii) Công ước số 146: Thuyền viên nghỉ phép có hưởng lương, 1976 – Điều 2, khoản 4, 5 và 6;
- (iii) Công ước số 172: Điều kiện Lao động (Khách sạn và nhà hàng), 1991 – Điều 1, khoản 2 and 3;
- (iv) Nghị định thư năm 1996 đến Công ước số 147: Vận chuyển hàng hóa trên biển (Tiêu chuẩn tối thiểu), 1976 – Điều 3;
- (v) Công ước số 176: An toàn Sức khỏe trong Hàm mỏ, 1995 – Điều 2;
- (vi) Công ước số 181: Cơ quan Dịch vụ Việc làm Tư nhân, 1997 – Điều 2, khoản 7;
- (vii) Công ước số 183: Bảo vệ Thai sản, 2000 – Điều 2, khoản 7;
- (viii) Công ước số 184: An toàn và Sức khỏe trong ngành Nông nghiệp, 2001 – Điều 3;
- (ix) Công ước số 188: Việc làm trong đánh bắt thủy sản, 2007 – Điều 2 và 3.

Phê chuẩn Nghị định thư

24. Một nghị định thư là một văn kiện sửa đổi một phần của Công ước. Công ước được đưa ra để phê duyệt bởi một Quốc gia mà đã ràng buộc bởi hoặc đã phê duyệt và bị ràng buộc bởi một Công ước có liên quan. Hai Nghị định thư đến nay đã được hội nghị thông qua và mang lại sự linh hoạt hơn một cách hiệu quả đối với lần lượt hai công ước sau:

²⁶ Để xem các báo cáo, xem dưới đây, đoạn 34-39.

²⁷ Ở đây không bao gồm các trường hợp mà *quyết định* của một nước thành viên dẫn đến hệ quả là mở rộng nghĩa vụ của một Công ước, mặc dù không có điều khoản nào về một *tuyên bố* chính thức như trường hợp Công ước số 111, Điều 1, đoạn 1 (b).

(i) P089 – Nghị định thư năm 1990 cho Công ước số 89: Việc làm ban đêm (Phụ nữ) đã sửa đổi, 1948;

(ii) P110 – Nghị định thư năm 1982 cho Công ước số 110: Đồn điền, 1958.

Ba Nghị định thư khác mở rộng nghĩa vụ theo các Công ước mà các nghị định thư này sửa đổi một phần:

(iii) P081 – Nghị định thư 1995 cho Công ước số 81: Thanh tra Lao động, 1947;

(iv) P147 – Nghị định thư 1996 cho Công ước số 147: Vận chuyển hàng hóa trên biển (Tiêu chuẩn tối thiểu), 1976;

(v) P155 – Nghị định thư 2002 cho Công ước số 155: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, 1981.

Không chấp nhận bảo lưu

25. Các Công ước bao gồm các điều khoản đảm bảo tính linh hoạt (xem đoạn 8 và 9 ở trên), bao gồm một số điều giúp các nước phê chuẩn hạn chế hoặc đủ năng lực thực hiện nghĩa vụ phải đảm đương khi phê chuẩn (đoạn 21–24). Tuy nhiên, không giới hạn về nghĩa vụ Công ước ngoài những gì đã được nêu cụ thể (nghĩa là không *bảo lưu*).²⁸

Đăng ký phê chuẩn và chấp nhận nghĩa vụ

26. Các điều khoản cuối cùng của tất cả các Công ước chứa các Điều về đăng ký phê chuẩn bởi Tổng Giám đốc, việc thông báo tới các nước thành viên và báo cáo chi tiết đến Tổng thư ký Liên hợp quốc để được đăng ký theo Điều 102 của Hiến chương Liên hợp quốc. Tất cả việc phê chuẩn được báo cáo tới Hội đồng Quản trị và thông báo đến các nước thành viên qua việc công bố trong *Bản tin chính thức*. Các tuyên bố và các đạo luật khác chấp thuận hoặc sửa đổi các nghĩa vụ đề cập trong đoạn 21–24 ở trên cũng được giải quyết bằng cách đó.

Có hiệu lực

27. Mỗi Công ước đều có một điều khoản quy định về hiệu lực thi hành. Thông thường, từ năm 1928, các Công ước có hiệu lực 12 tháng kể từ khi đăng ký phê chuẩn lần thứ hai và tại các quốc gia thì 12 tháng sau khi phê chuẩn, Công ước sẽ có hiệu lực. Một số Công ước về hàng hải và Công ước khác có các điều khoản khác nhau. Ví dụ, để có hiệu lực, Công ước về Lao động Hàng Hải (MLC), 2006, phải được ít nhất 30 nước thành viên phê chuẩn, đạt tổng tỷ lệ 33% toàn bộ lượng hàng hóa chở bằng thuyền trên toàn thế giới. Nếu một Công ước chưa có hiệu lực, nó không thể có hiệu lực trong luật quốc tế.

Nghĩa vụ phát sinh khi phê duyệt

28. Nghĩa vụ theo Điều 19, khoản 5(d), của Điều lệ ILO là “thực hiện hành động có thể cần thiết để điều khoản có hiệu lực” đối với một Công ước được phê duyệt.²⁹ Điều này có nghĩa là sẽ đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ trong thực tế, cũng như để các điều khoản đó có hiệu lực trong luật hoặc các văn bản khác khác theo thông lệ quốc gia (như quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc thỏa ước tập thể).

²⁸ Xem biên bản ghi nhớ mà ILO đã gửi tới Tòa án Công lý Quốc tế trong Trường hợp Tội Diệt chủng (ILO, *Bản tin chính thức*, Vol. XXXIV (1951), pp. 274–312).

²⁹ Về việc chấm dứt các nghĩa vụ theo một Công ước đã phê chuẩn thông qua *bãi ược*, xem đoạn 75–79 dưới đây.

Lồng ghép vào luật pháp quốc gia

- 29.** Ở một số nước, Điều lệ ILO đưa hiệu lực của luật quốc gia vào các Công ước được phê chuẩn. Trong những trường hợp đó, sẽ vẫn cần áp dụng những biện pháp cụ thể:
- (a) nhằm xóa bỏ bất kỳ xung đột nào giữa các điều khoản của Công ước với luật pháp cũng như thông lệ quốc gia trước đây;
 - (b) nhằm mang lại hiệu lực cho bất kỳ điều khoản nào của Công ước mà không thể *tự thân thực thi* (nghĩa là các điều khoản đòi hỏi phải có nguồn lực được liệt kê trong luật pháp hoặc quy định quốc gia hoặc được các cơ quan chức năng quyết định, hoặc đòi hỏi sự sắp xếp hành chính đặc biệt);
 - (c) nhằm mô tả các hình phạt, nếu thích hợp;
 - (d) nhằm đảm bảo rằng tất cả những người và cơ quan quan tâm (VD: người sử dụng lao động, người lao động, thanh tra lao động, tòa án, hoặc các cơ quan hành chính khác) được thông tin về việc lồng ghép Công ước vào luật pháp quốc gia và trong hướng dẫn nếu cần thiết.

Tham vấn với các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động

- 30.** Khoản 5(c) Khuyến nghị số 152 quy định về việc tham vấn đại diện các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động, tùy vào thông lệ quốc gia, về việc chuẩn bị và thực hiện các biện pháp pháp lý và biện pháp khác để các Khuyến nghị và Công ước có hiệu lực – đặc biệt là khi đã được phê chuẩn. Điều này đặc biệt áp dụng với các biện pháp thực hiện điều khoản về tham vấn và hợp tác với đại diện người sử dụng lao động và người lao động.

Vùng lãnh thổ không phải chính quốc

- 31.** Điều 35 của Điều lệ ILO quy định về các tuyên bố mà các nước thành viên phải đưa ra về việc áp dụng Công ước đối với Vùng lãnh thổ không chính quốc thị mà họ chịu trách nhiệm về quan hệ quốc tế cho vùng lãnh thổ đó.³⁰

Ảnh hưởng của việc rút khỏi ILO

- 32.** Điều 1, khoản 5 (câu cuối cùng), của Điều lệ ILO quy định:

... Khi một nước Thành viên đã phê chuẩn bất kỳ một Công ước Lao động quốc tế nào,... việc ra khỏi (Tổ chức) sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực tiếp theo trong khoảng thời gian mà Công ước có quy định đối với tất cả các nghĩa vụ phát sinh hoặc có liên quan.

Thông tin về phê chuẩn

³⁰ Năm 1964, Hội nghị đã thông qua một văn kiện sửa đổi Điều lệ ILO để thay thế Điều 35 bằng các điều khoản mới đối với các vùng lãnh thổ không phải là chính quốc được đưa vào Điều 19. Văn kiện sửa đổi chưa có hiệu lực.

-
- 33.** Văn phòng Lao động Quốc tế công bố báo cáo tại Hội nghị ³¹ liệt kê sự phê chuẩn theo Công ước và theo Nước thành viên. Thông tin được cập nhật thường xuyên về phê chuẩn và bãi ước cũng được công bố tại website của Văn phòng Lao động Quốc tế.

IV. Báo cáo về Công ước đã được phê chuẩn

Nghĩa vụ báo cáo

- 34.** Điều 22 của Điều lệ ILO quy định: ³²

Mỗi nước thành viên đồng ý gửi báo cáo thường niên lên Văn phòng Lao động Quốc tế về các biện pháp mà nước đó đã áp dụng để mang lại hiệu lực cho các điều khoản của các Công ước mà nước đó là thành viên. Các báo cáo này sẽ được xây dựng theo mẫu và sẽ bao gồm những chi tiết theo như Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu.

³¹ Báo cáo III (phần 2).

³² Nghĩa vụ theo Điều 22 về báo cáo việc áp dụng các Công ước đã phê chuẩn khác với các nghĩa vụ khác được trình bày trong từng Công ước riêng, đòi hỏi thông tin (như số liệu thống kê hoặc báo cáo thanh tra lao động) phải được cung cấp thường xuyên tới Văn phòng Lao động Quốc tế. Nghĩa vụ theo từng Công ước có tính độc lập và không bị tác động bởi sự thay đổi tại Điều 22 Hệ thống báo cáo mô tả ở đây.

Hệ thống báo cáo

35. Tháng 11 năm 2001 và tháng 3 năm 2002, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt một Hệ thống báo cáo mới, có hiệu lực từ năm 2003 trong giai đoạn 5 năm.³³ Chu kỳ báo cáo về Công ước được phê chuẩn: hoặc là 2 năm đối với các Công ước cơ bản và quản trị, hoặc 5 năm đối với tất cả các Công ước khác, trừ khi có yêu cầu cụ thể phải báo cáo theo chu kỳ ngắn hơn. Tháng 3 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã thảo luận khả năng kéo dài chu kỳ báo cáo từ 2 đến 3 năm cho cả các công ước cơ bản và quản trị nhằm giảm gánh nặng cho các chính phủ, Văn phòng Lao động Quốc tế và Ủy ban Chuyên gia. Chu kỳ báo cáo mới này có hiệu lực từ năm 2012.³⁴ Ngoài ra, một Hệ thống báo cáo trực tuyến, hiện nay đang trong giai đoạn thí điểm, đã được triển khai cho công tác báo cáo năm 2012 đối với một số lượng hạn chế các nước thành viên.

- (a) *Báo cáo chi tiết.* Báo cáo chi tiết sẽ được dự thảo theo mẫu báo cáo đã được Hội đồng Quản trị ILO phê duyệt cho mỗi Công ước.³⁵ Các Quốc gia Thành viên được yêu cầu cung cấp một báo cáo *chi tiết* theo sáng kiến riêng của họ nếu đã có những thay đổi lớn trong việc áp dụng Công ước đã phê chuẩn (ví dụ, việc áp dụng nhiều luật mới hoặc những thay đổi khác ảnh hưởng đến việc áp dụng một Công ước). Báo cáo chi tiết cũng được yêu cầu trong các trường hợp sau:
- (i) Khi Ủy ban Chuyên gia hoặc Ủy ban Hội nghị yêu cầu rõ ràng (Ủy ban Chuyên gia yêu cầu Báo cáo chi tiết thông qua footnote (chú thích) trong một ý kiến hoặc yêu cầu trực tiếp của Ủy ban Hội nghị khi thông qua các kết luận của Ủy ban);
 - (ii) Một quốc gia phải gửi báo cáo *chi tiết* đầu tiên trong năm tiếp theo sau khi Công ước có hiệu lực.
- (b) *Báo cáo tóm tắt.* Các báo cáo tiếp theo được yêu cầu định kỳ dựa trên một trong các cơ sở sau, với hiểu biết rằng Ủy ban Chuyên gia có thể yêu cầu Báo cáo chi tiết ngoài chu kỳ báo cáo thường xuyên:

³³ Các Văn bản GB.282/LILS/5 tháng 11 năm 2001 và GB.283/LILS/6 tháng 3 năm 2002.

Về Hệ thống báo cáo, Hội đồng quản trị quyết định vào tháng 11 năm 2001:

- (a) Duy trì chu kỳ báo cáo 2 năm và 5 năm, với các Công ước được trình bày trong mỗi nhóm;
- (b) Cải thiện việc phân nhóm các Công ước cơ bản và ưu tiên theo tên nước theo thứ tự a-b-c để phục vụ cho mục đích báo cáo;
- (c) Cải thiện việc sắp xếp tất cả các Công ước khác theo nhóm chủ đề phục vụ mục đích báo cáo;
- (d) Dừng báo cáo chi tiết về các Công ước cơ bản và Công ước ưu tiên trừ phi có những thay đổi, hoặc khi các cơ quan giám sát yêu cầu;
- (e) Dừng yêu cầu tự động đối với việc gửi báo cáo chi tiết nếu chính phủ không thực hiện được nghĩa vụ gửi một báo cáo tóm tắt;
- (f) Dừng yêu cầu tự động gửi báo cáo chi tiết lần thứ hai.

Nhằm thực hiện các quyết định của mình, vào tháng 3 năm 2002, để phục vụ cho mục đích báo cáo, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc phân nhóm theo chủ đề các Công ước cần báo cáo theo chu kỳ 5 năm và các nhóm Công ước theo chu kỳ 2 năm và 5 năm phục vụ các mục đích báo cáo.

³⁴ Tài liệu GB.310/LILS/3/2, đoạn 11–14.

³⁵ Để biết nội dung báo cáo *chi tiết*, xem đoạn 36 dưới đây.

-
- (i) *Chu kỳ 3 năm.* Các báo cáo được yêu cầu tự động theo chu kỳ 3 năm cho 12 Công ước sau, đây được coi là những *Công ước quản trị hoặc Công ước cơ bản*.³⁶ Yêu cầu báo cáo được chia thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất bao gồm một yêu cầu báo cáo của các nước với tên nước bắt đầu bằng các chữ cái từ A đến F. Nhóm thứ hai gồm các nước với tên nước bắt đầu bằng chữ cái từ G đến N. Cuối cùng, nhóm thứ ba gồm các nước có tên bắt đầu từ O - Z.

Các Công ước cơ bản:

- „ *Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể*: Công ước số 87 và 98;
- „ *Xóa bỏ lao động cưỡng bức*: Công ước số 29 và 105;
- „ *Bình đẳng về cơ hội và đối xử*: Công ước số 100 và 111;
- „ *Lao động trẻ em*: Công ước số 138 và 182.

Các Công ước về quản trị:

- „ *Chính sách việc làm*: Công ước số 122;
- „ *Thanh tra lao động*: Công ước số 81 và 129;
- „ *Tham vấn ba bên*: Công ước số 144.

- (ii) *Chu kỳ 5 năm.* Các báo cáo tóm tắt³⁷ cần phải nộp 5 năm 1 lần đối với các Công ước khác, phù hợp với sự sắp xếp theo chuyên đề. Đối với các nhóm Công ước nhất định với số văn kiện lớn, các Nước được yêu cầu cung cấp *Báo cáo tóm tắt* theo đúng thứ tự a-b-c như thứ tự đối với các Công ước cơ bản và Công ước quản trị:

- „ *Tự do Hiệp hội (nông nghiệp, Vùng lãnh thổ không phải chính quốc)*: Công ước số 11, 84 và 141;
- „ *Quan hệ lao động*: Công ước số 135, 151 và 154;
- „ *Bảo vệ trẻ em và người trẻ tuổi*: Công ước số 5, 6, 10, 33, 59, 77, 78, 79, 90, 123 và 124;
- „ *Xúc tiến việc làm*: Công ước số 2, 88, 96, 159 và 181;
- „ *Đào tạo và Hướng nghiệp*: Công ước số 140 và 142;
- „ *An ninh việc làm*: Công ước số 158;
- „ *Chính sách xã hội*: Công ước số 82 và 117;
- „ *Tiền lương*: Công ước số 26, 94, 95, 99, 131 và 173;
- „ *Thời gian làm việc*: Công ước số 1, 14, 30, 47, 52, 89, 101, 106, 132, 153, 171 và 175;
- „ *Người lao động với trách nhiệm gia đình*: Công ước số 156;

³⁶ Hội đồng Quản trị có thể rà soát các Công ước theo định kỳ và cần có báo cáo theo chu kỳ ba năm

³⁷ Để biết nội dung báo cáo *tóm tắt*, xem đoạn 37 dưới đây.

- „ Lao động di cư: Công ước số 97 và 143;
- „ An toàn Vệ sinh lao động: Công ước số 13, 45, 62, 115, 119, 120, 127, 136, 139, 148, 155, 161, 162, 167, 170, 174, 176, 184 và 187;
- „ An sinh xã hội: Công ước số 12, 17, 18, 19, 24, 25, 42, 44, 102, 118, 121, 128, 130, 157 và 168;
- „ Bảo vệ Thai sản: Công ước số 3, 103 và 183;
- „ Quản trị lao động: Công ước số 63, 85, 150 và 160;
- „ Thuyền viên: Công ước số 7, 8, 9, 16, 22, 23, 53, 55, 56, 58, 68, 69, 71, 73, 74, 92, 108, 133, 134, 145, 146, 147, 163, 164, 165, 166, 178, 179, 180 và 185;
- „ Ngư dân: Công ước số 112, 113, 114, 125 và 126;
- „ Lao động bốc dỡ hàng cho tàu thuyền: Công ước số 27, 32, 137 và 152;
- „ Người thuộc bộ lạc và bản địa: Công ước số 107 và 169;
- „ Các nhóm lao động cụ thể: Công ước số 110, 149, 172 và 177.

Công ước Lao động Hàng hải (MLC), 2006, Công ước Lao động trong nghề đánh bắt, 2007 (số 188), và Công ước Lao động giúp việc gia đình, 2011 (số 189), chưa có hiệu lực. Công ước MLC, 2006 có hiệu lực vào ngày 20 tháng 8 năm 2013.

- (c) *Báo cáo đột xuất*. Báo cáo đột xuất về việc áp dụng một Công ước đã được phê chuẩn được yêu cầu trong các trường hợp sau:
- (i) Khi Ủy ban Chuyên gia, theo sáng kiến riêng của mình hoặc sáng kiến của Ủy ban Hội nghị về việc Áp dụng các Tiêu chuẩn, yêu cầu;
 - (ii) Khi Ủy ban Chuyên gia được mời xem xét công việc theo dõi thủ tục tố tụng theo Điều 24 hoặc 26 của Điều lệ ILO hoặc trước Ủy ban về Tự do Hiệp hội;³⁸
 - (iii) Khi đã nhận được các ý kiến từ các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động cấp quốc gia hoặc quốc tế và Ủy ban Chuyên gia cho rằng báo cáo chi tiết được đảm bảo căn cứ vào các câu trả lời của chính phủ hoặc căn cứ vào thực tế là chính phủ chưa trả lời;
 - (iv) Khi không có báo cáo nào được cung cấp hoặc không có câu trả lời nào đối với các góp ý của các cơ quan giám sát (nếu thường xuyên không trả lời hoặc trả lời rõ ràng không đầy đủ, thì Ủy ban Chuyên gia có thể kiểm tra vấn đề dựa trên thông tin có sẵn).
- (d) *Miễn báo cáo*. Tùy vào các điều kiện và sự đảm bảo an toàn đặt ra bởi Hội đồng Quản trị,³⁹ một số Công ước không yêu cầu báo cáo, đặc biệt là các công ước đã không còn được sử dụng nữa.⁴⁰

³⁸ Về khía cạnh này, xem đoạn 80–89 dưới đây

³⁹ Vào tháng 3 năm 1996, Hội đồng Quản trị đã xác nhận việc đình chỉ yêu cầu báo cáo đối với các Công ước nhất định mà không còn được sử dụng, tùy vào điều kiện và sự bảo vệ được thiết lập tại Kỳ họp lần thứ 229 (Tháng 2–Tháng 3 năm 1985). Đoạn 4 của tài liệu GB.229/10/9 có nội dung như sau:

- (a) Nếu các hoàn cảnh thay đổi mang lại tầm quan trọng mới cho bất kỳ Công ước nào, Hội đồng Quản trị có thể lại yêu cầu nộp Báo cáo chi tiết về việc áp dụng các Công ước đó.

Báo cáo chi tiết

36. Một Báo cáo *chi tiết* sẽ được dự thảo theo mẫu báo cáo đã được Hội đồng Quản trị ILO phê duyệt cho mỗi Công ước. Mẫu báo cáo đặt ra các điều khoản quan trọng về Công ước, thông tin cần phải cung cấp về Công ước. Mẫu này bao gồm các câu hỏi cụ thể đối với một số điều khoản quan trọng, được thiết kế để hỗ trợ trong việc chuẩn bị thông tin, giúp các cơ quan giám sát đánh giá đúng cách áp dụng Công ước. Mẫu một báo cáo điển hình cũng bao gồm các câu hỏi về các vấn đề sau đây:

- (a) *Các luật, quy định...* Tất cả luật có liên quan hoặc các quy định tương tự cần được liệt kê và cung cấp các bản sao – trừ khi điều này đã được thực hiện.
- (b) *Loại trừ, ngoại lệ hoặc những hạn chế khác được cho phép.* Một số Công ước cho phép một số nhóm dân số, các hoạt động kinh tế hoặc các vùng địa lý nhất định được miễn áp dụng, nhưng đòi hỏi các quốc gia định áp dụng các hạn chế đó phải đề cập trong *báo cáo Điều 22 lần thứ nhất của mình* mức độ mà quốc gia đó phải viện đến các biện pháp trên. Do vậy, báo cáo đầu tiên rất cần thiết phải đề cập khía cạnh này, nếu không thì họ sẽ không thể áp dụng các hạn chế. Những Công ước đó cũng có thể đòi hỏi phải đưa thông tin vào các báo cáo Điều 22 sau đó phải thể hiện mức độ hiệu lực dù sao cũng được đưa vào Công ước đối với những người, hoạt động và các vùng được loại trừ.
- (c) *Thực hiện Công ước.* Thông tin chi tiết cần được cung cấp về *mỗi Điều* của các điều khoản nghĩa vụ hoặc các biện pháp khác áp dụng công ước đó. Một số Công ước đòi hỏi đưa thông tin chi tiết vào các báo cáo (về việc áp dụng thực tế các Công ước hoặc những Điều nhất định hoặc áp dụng trong những trường hợp loại trừ).
- (d) *Hiệu lực của việc phê chuẩn.* Thông tin được yêu cầu đối với bất kỳ điều khoản hiến pháp nào mà khiến Công ước có hiệu lực trong luật pháp quốc gia và bất kỳ biện pháp bổ sung nào được áp dụng để Công ước có hiệu lực.⁴¹
- (e) *Góp ý từ các cơ quan giám sát.* Nếu Ủy ban Chuyên gia hoặc Ủy ban Hội nghị về việc Áp dụng các Tiêu chuẩn đã góp ý hoặc yêu cầu thông tin, báo cáo cần phải đề cập hành động sẽ thực hiện và cung cấp thông tin được yêu cầu.
- (f) *Thực thi.* Các chính phủ có trách nhiệm chỉ định các cơ quan chịu trách nhiệm về việc quản trị và thực thi các luật, quy định... có liên quan và cung cấp thông tin về

-
- (b) Các tổ chức của Người sử dụng lao động và người lao động vẫn được tự do trình bày các ý kiến về các vấn đề gặp phải trong lĩnh vực của Công ước có liên quan. Theo Quy trình thủ tục đã được thiết lập, những ý kiến này được Ủy ban Chuyên gia về Áp dụng các Công ước và Khuyến nghị xem xét, và Ủy ban có thể yêu cầu những thông tin (gồm một báo cáo chi tiết) mà Ủy ban cho là cần thiết.
 - (c) Trên nền tảng thông tin tại các báo cáo tổng hợp hoặc tại các loại văn bản khác (ví dụ như văn bản pháp lý), Ủy ban Chuyên gia có thể tự do góp ý bất cứ khi nào và yêu cầu thông tin liên quan tới việc áp dụng các Công ước có liên quan, bao gồm khả năng yêu cầu báo cáo chi tiết.
 - (d) Quyền viện dẫn các điều khoản hiến pháp liên quan đến sự đại diện và khiếu nại (Điều 24 và 26) từ các Công ước liên quan vẫn không bị ảnh hưởng.

⁴⁰ 25 Công ước sau đây không còn được sử dụng nữa và không cần các báo cáo thường xuyên đối với các công ước này nữa: Các công ước số 4, 15, 20, 21, 28, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 48, 49, 50, 60, 64, 65, 67, 86, 91 và 104. Việc sử dụng các Công ước này không ảnh hưởng gì đến các hệ thống luật pháp của các nước thành viên đã phê chuẩn công ước. Các Công ước sau đây không cần phải báo cáo theo Điều 22 của Điều lệ ILO – Các công ước đã thu hồi: Công ước số 31, 46, 51, 61 và 66; Các Công ước chưa có hiệu lực: Công ước số 54, 57, 70, 72, 75, 76, 93 và 109; và các Công ước về các Điều cuối cùng: Công ước số 80 và 116.

Ngoài ra, việc giám sát Công ước số 83 được thực hiện trong bối cảnh rà soát các Công ước được liệt kê trong mục lục của văn kiện này.

⁴¹ Xem đoạn 29 ở trên

các hoạt động của các cơ quan đó. Bản sao báo cáo của các cơ quan đó có thể được đính kèm hoặc – nếu các bản sao đó đã được cung cấp – thì có thể được đề cập đến.

- (g) *Các quyết định pháp luật hoặc hành chính.* Các chính phủ được yêu cầu cung cấp bản sao hoặc bản tóm tắt của các quyết định có liên quan.
- (h) *Hợp tác kỹ thuật.* Các Chính phủ được đề nghị liệt kê các biện pháp được thực hiện theo sự trợ giúp hoặc tư vấn qua các dự án hợp tác kỹ thuật của ILO.
- (i) *Ghi nhận chung.* Các Chính phủ được yêu cầu đưa ra đánh giá chung về cách áp dụng Công ước, với trích dẫn từ bất kỳ báo cáo, dữ liệu thống kê chính thức nào về lao động thuộc đối tượng quy định của luật pháp hoặc các thỏa ước tập thể, các chi tiết về vi phạm pháp luật, truy tố...
- (j) *Ý kiến của các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động.* Thông tin đầy đủ cần được cung cấp kèm theo bất kỳ câu trả lời nào của chính phủ.⁴²
- (k) *Gửi các bản sao báo cáo tới các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động.* Cần cung cấp tên của các tổ chức để gửi các báo cáo.⁴³

Báo cáo tóm tắt

37. Các báo cáo này sẽ chỉ bao gồm:

- (a) *Trả lời các ý kiến đóng góp của các cơ quan giám sát:* câu trả lời đầy đủ chi tiết cho bất kỳ câu hỏi nào được nêu trong các góp ý (góp ý và yêu cầu trực tiếp) của Ủy ban Chuyên gia về việc áp dụng Công ước.
- (b) *Luật, quy định...:* thông tin về việc có thay đổi nào trong luật pháp và thực tiễn ảnh hưởng đến việc áp dụng Công ước hay không và về bản chất và hệ quả của những thay đổi đó (nếu có sự thay đổi lớn, cần cung cấp báo cáo *chi tiết*).
- (c) *Thực hiện Công ước:* Thông tin thống kê hoặc thông tin khác và các trao đổi được liệt kê bởi Công ước có liên quan (bao gồm các thông tin cần thiết về bất kỳ sự loại trừ nào được cho phép).
- (d) *Chuyển bản sao các báo cáo tới các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động:* liệt kê các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động để chuyển các bản sao báo cáo tóm tắt tới đó.
- (e) *Ý kiến của các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động:* Văn bản thể hiện bất kỳ ý kiến nào của các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động, nơi đã nhận được bản sao báo cáo tóm tắt, nếu những ý kiến đóng góp này chưa được chuyển đến Văn phòng, và các góp ý của Chính phủ đối với các ý kiến nhận được từ các tổ chức này.

Giới thiệu quy trình thủ tục theo dõi riêng

⁴² Xem đoạn 41 dưới đây.

⁴³ Xem đoạn 40 dưới đây.

38. Tại kỳ họp thứ 93 của Hội nghị vào tháng 6 năm 2005, Ủy ban Hội nghị về việc Áp dụng các Tiêu chuẩn, với sự hỗ trợ của Văn phòng Lao động Quốc tế, đã quyết định tăng cường theo dõi các trường hợp mà các nước thành viên hoàn toàn không tuân thủ báo cáo và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, nhằm xác định các giải pháp phù hợp cho mỗi trường hợp. Mỗi năm, báo cáo của Ủy ban Hội nghị liệt kê các trường hợp cụ thể không tuân thủ quy định báo cáo, đặc biệt là:

- Không cung cấp báo cáo trong vòng hai năm trở lên về việc áp dụng các Công ước đã được phê chuẩn;
- Không cung cấp những báo cáo đầu tiên về việc áp dụng các Công ước đã phê duyệt;
- Không cung cấp thông tin trả lời góp ý của Ủy ban Chuyên gia;
- Không nộp cho cơ quan chức năng các văn kiện đã được Hội nghị thông qua trong vòng ít nhất là 7 kỳ họp;
- Không cung cấp báo cáo trong vòng 5 năm qua về các Công ước và Khuyến nghị chưa phê chuẩn.

Tham vấn với các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động

39. Điều 5, khoản 1(d), của Công ước số 144 và Khoản 5(e) của Khuyến nghị số 152 quy định về tham vấn đại diện các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động về các câu hỏi phát sinh từ các báo cáo về các Công ước đã được phê chuẩn.

Chuyển báo cáo tới các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động

40. Theo Điều 23, khoản 2, của Điều lệ ILO, bản sao của tất cả các báo cáo về việc áp dụng các Công ước đã được phê chuẩn cần được chuyển đến các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động. Điều này có thể được thực hiện hoặc là trước khi hoàn thiện báo cáo, thu thập các góp ý chưa được xem xét, hoặc là tại thời điểm mà các báo cáo được gửi tới ILO. Ở bất kỳ hoàn cảnh nào, khi chuyển các báo cáo tới ILO, các chính phủ cần phải đề cập các tổ chức mà họ đã liên hệ. Các tổ chức này có thể đưa ra bất kỳ ý kiến nào mà họ mong muốn về việc áp dụng các Công ước đã được phê chuẩn.

Ý kiến của các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động

41. Chính phủ có thể nhận ý kiến trực tiếp từ một tổ chức, về việc thực hiện một Công ước đã phê chuẩn hoặc luật pháp có liên quan. Các ý kiến có thể liên quan hoặc không liên quan cụ thể với một báo cáo nào của chính phủ. Toàn bộ các chi tiết – thường bao gồm một bản mô tả các ý kiến – cần được gửi trong báo cáo của chính phủ, cùng với câu trả lời của chính phủ, nếu có. Hoặc Văn phòng Lao động Quốc tế có thể nhận các ý kiến trực tiếp từ một tổ chức: Trong trường hợp này, Văn phòng sẽ ghi biên nhận và chuyển một bản đến chính phủ liên quan, để chính phủ đó có thể trả lời.

Quy trình thủ tục của ILO đối với yêu cầu báo cáo ⁴⁴

⁴⁴ Quy trình thủ tục cho việc *kiểm tra* các báo cáo được mô tả tại đoạn 59 dưới đây.

42. (a) Thư yêu cầu báo cáo về việc áp dụng các Công ước đã phê duyệt được gửi tới các chính phủ vào tháng 2 hàng năm, cùng với một danh sách các Công ước đến kỳ hạn phải có *báo cáo chi tiết và báo cáo tóm tắt*; Mẫu báo cáo được Hội đồng Quản trị thông qua đối với *Báo cáo chi tiết*; các bảng hỏi ngắn đối với *Báo cáo tóm tắt*; bản sao các ý kiến và các yêu cầu trực tiếp của Ủy ban Chuyên gia cho các trả lời đã đến hạn; bản sao của bất kỳ thảo luận nào của từng trường hợp đến kỳ hạn báo cáo đến Ủy ban Hội nghị về việc Áp dụng các Tiêu chuẩn; và các ghi chú hướng dẫn về các vấn đề cần được xem xét trong việc chuẩn bị các báo cáo. Các bản sao của các yêu cầu báo cáo và các góp ý có liên quan của Ủy ban Chuyên gia cũng được gửi tới các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.
- (b) Theo quyết định của Hội đồng Quản trị, các báo cáo cần được chuyển đến Văn phòng muộn nhất là từ 1/6-1/9 hàng năm.⁴⁵ Lờ nhắc được gửi tới các chính phủ không nộp báo cáo đúng thời hạn, và vấn đề có thể được nêu với các đại biểu chính phủ tại kỳ họp tháng 6 của Hội nghị. Các văn phòng ILO trong nước và các chuyên gia về tiêu chuẩn tại văn phòng trong nước cũng có thể được đề nghị hỗ trợ bằng cách liên lạc với các chính phủ có liên quan.
- (c) Để đáp ứng yêu cầu của Ủy ban Chuyên gia, khi Văn phòng nhận được các báo cáo của chính phủ, Văn phòng cần kiểm tra xem các báo cáo đó có thông tin và tài liệu nào trả lời bất kỳ ý kiến nào hoặc yêu cầu trực tiếp nào của bản thân Ủy ban Chuyên gia hoặc ý kiến của Ủy ban Hội nghị hay không. Nếu các báo cáo đó không trả lời, bất kỳ bản chất của vấn đề là gì, Văn phòng sẽ đề nghị chính phủ liên quan cần chú ý trả lời. Văn phòng cũng cần viết thư cho các chính phủ liên quan khi các báo cáo không đi kèm với các bản sao các văn bản pháp luật có liên quan, dữ liệu thống kê hoặc tài liệu khác về vấn đề này và nếu những tài liệu này không sẵn có để truy cập, thì yêu cầu các chính phủ gửi các tài liệu đó. Các cơ quan giám sát chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin được cung cấp.

Tóm tắt

43. Theo Điều 23, khoản 1, của Điều lệ ILO, tóm tắt của các báo cáo về việc áp dụng các Công ước đã được phê chuẩn cũng được đưa ra trước cuộc họp của Hội nghị. Tóm tắt được trình bày ở dạng viết tắt và bảng biểu trong *Báo cáo III (Phần 1A)*. Ngoài ra, Văn phòng (thông qua ban thư ký của Ủy ban về Áp dụng các Tiêu chuẩn) sao chép Báo cáo về Công ước được phê chuẩn đã sẵn sàng để tham vấn tại Hội nghị, nếu cần thiết.

⁴⁵ Các chính phủ có thể chuyển các báo cáo của họ cùng một lúc hoặc theo từng đợt. Các báo cáo cần bao hàm cả giai đoạn tính đến thời điểm mà các báo cáo được chuyển đi.

Các chu kỳ báo cáo điều 22 theo đề xuất

Sắp xếp các Công ước⁴⁶ theo nhóm theo chu kỳ báo cáo ba năm và năm năm để phục vụ mục đích báo cáo

(theo thứ tự a-b-c bằng tiếng Anh)

2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
		Chu kỳ báo cáo ba năm (Các Công ước Cơ bản và Quản trị) cho các báo cáo điều 22 (gia hạn từ 2-3 năm)					
Tự do hiệp hội và thương lượng tập thể C.87, C.98 (các nước K-Z)	Tự do hiệp hội và thương lượng tập thể C.87, C.98 (các nước A-J)	C.87, C.98 (các nước O-Z) (FPRW)	C.87, C.98 (các nước A-F) (FPRW)	C.87, C.98 (các nước G-N) (FPRW)	C.87, C.98 (các nước O-Z) (FPRW)	C.87, C.98 (các nước A-F) (FPRW)	C.87, C.98 (các nước G-N) (FPRW)
Bình đẳng cơ hội và đối xử C.100, C.111 (các nước K-Z)	Bình đẳng cơ hội và đối xử C.100, C.111 (các nước A-J)	C.100, C.111 (các nước A-F) (FPRW)	C.100, C.111 (các nước G-N) (FPRW)	C.100, C.111 (các nước O-Z) (FPRW)	C.100, C.111 (các nước A-F) (FPRW)	C.100, C.111 (các nước G-N) (FPRW)	C.100, C.111 (các nước O-Z) (FPRW)
Lao động cưỡng bức C.29, C.105 và Lao động trẻ em C.138, C.182 (các nước từ A-J)	Lao động cưỡng bức C.29, C.105 và Lao động trẻ em C.138, C.182 (các nước từ K-Z)	C.29, C.105, C.138, C.182 (các nước G-N) (FPRW)	C.29, C.105, C.138, C.182 (các nước O-Z) (FPRW)	C.29, C.105, C.138, C.182 (các nước A-F) (FPRW)	C.29, C.105, C.138, C.182 (các nước G-N) (FPRW)	C.29, C.105, C.138, C.182 (các nước O-Z) (FPRW)	C.29, C.105, C.138, C.182 (các nước A-F) (FPRW)
Tham vấn ba bên C.144 (các nước K-Z)	Tham vấn ba bên C.144 (các nước A-J)	C.144 (các nước G-N) (Đối thoại xã hội)	C.144 (các nước A-F) (Đối thoại xã hội)	C.144 (các nước O-Z) (Đối thoại xã hội)	C.144 (các nước G-N) (Đối thoại xã hội)	C.144 (các nước A-F) (Đối thoại xã hội)	C.144 (các nước O-Z) (Đối thoại xã hội)
Thanh tra lao động C.81, C.129 (các nước A-J)	Thanh tra lao động C.81, C.129 (các nước K-Z)	C.81 và C.129 (các nước A-F) (Đối thoại xã hội)	C.81 và C.129 (các nước O-Z) (Đối thoại xã hội)	C.81 và C.129 (các nước G-N) (Đối thoại xã hội)	C.81 và C.129 (các nước A-F) (Đối thoại xã hội)	C.81 và C.129 (các nước O-Z) (Đối thoại xã hội)	C.81 và C.129 (các nước G-N) (Đối thoại xã hội)
Chính sách việc làm C.122	Chính sách việc làm C.122	C.122 (Các nước O-Z)	C.122 (Các nước G-N)	C.122 (Các nước A-F)	C.122 (Các nước O-Z)	C.122 (Các nước G-N)	C.122 (Các nước A-F)

⁴⁶ Các Công ước sau đây không được đưa vào trong bảng vì các Công ước này không phải báo cáo theo Điều 22 của Điều lệ ILO: các Công ước đã bị thu hồi – Công ước số 31, 46, 51, 61, 66; Các Công ước chưa có hiệu lực – Công ước số 54, 57, 70, 72, 75, 76, 93, 109, MLC, 188, 189; Công ước về các điều khoản cuối cùng – Công ước số 80, 116. Ngoài ra, việc giám sát Công ước số 83 được thực hiện như một phần trong quy trình giám sát của các Công ước liệt kê trong phụ lục của văn kiện đó. Các Công ước đã cho vào ngăn kéo sau đây được đưa vào trong ngoặc vuông trong bảng: Công ước số 4, 15, 20, 21, 28, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 48, 49, 50, 60, 64, 65, 67, 86, 91, 104. Các báo cáo về việc áp dụng các Công ước đã được cho vào ngăn kéo không cần phải nộp theo chu kỳ. Tuy nhiên, Báo cáo chi tiết cho các công ước này có thể đến thời hạn phải nộp sau khi các ý kiến cùng những tài liệu khác được tổ chức người sử dụng lao động và người lao động nộp lên.

(các nước K-Z)	(các nước A-J)	(Việc làm)	(Việc làm)	(Việc làm)	(Việc làm)	(Việc làm)	(Việc làm)
Chu kỳ báo cáo năm năm (Công ước Kỹ thuật)							
ATVSLĐ (A-J)	An sinh xã hội (K-Z)	An ninh Xã hội (A-J) (Bảo trợ Xã hội)	Thời gian làm việc (Bảo trợ xã hội)	An toàn Vệ sinh Lao động (K-Z) (Bảo trợ xã hội)	ATVSLĐ (A-J) (Bảo trợ Xã hội)	An sinh xã hội (K-Z) (Bảo trợ Xã hội)	An sinh xã hội (A-J) (Bảo trợ Xã hội)
Thuyền viên (K-Z)	Bảo vệ trẻ em và thanh niên (A-J)	Bảo vệ trẻ em và thanh niên (K-Z) (liên quan tới FPRW)	Chính sách xã hội (Bảo trợ xã hội)	Thuyền viên (A-J) (không phân loại)	Thuyền viên (K-Z) (không phân loại)	Bảo vệ trẻ em và thanh niên (A-J) (liên quan đến FPRW)	Bảo vệ trẻ em và thanh niên (K-Z) (liên quan đến FPRW)
Xúc tiến việc làm (A-J)	Tiền lương (A-J)	Tiền lương (K-Z) (Bảo trợ Xã hội)	Bảo vệ thai sản (Bảo trợ xã hội)	Xúc tiến Việc làm (K-Z) (việc làm)	Xúc tiến Việc làm (A-J) (việc làm)	Tiền lương (A-J) (Bảo trợ Xã hội)	Tiền lương (K-Z) (Bảo trợ Xã hội)
Quản trị và thanh tra lao động (K-Z)	Ngư dân	Lao động bóc dỡ hàng (không phân loại)	Các nhóm lao động cụ thể (không phân loại)	Quản trị và thanh tra lao động (A-J) (Đối thoại Xã hội)	Quản trị và thanh tra lao động (K-Z) (Đối thoại Xã hội)	Ngư dân (không phân loại)	Lao động bóc dỡ hàng (không phân loại)
	Người lao động với các trách nhiệm gia đình	Lao động di cư (không phân loại)	Người Bản địa và bộ lạc (Không phân loại)	Quan hệ Lao động (Đối thoại Xã hội)		Lao động với trách nhiệm gia đình (liên quan tới FPRW)	Lao động di cư (không phân loại)
	An ninh việc làm		Hướng nghiệp và đào tạo nghề (Việc làm)			An ninh việc làm (Việc làm)	
	Tự do hiệp hội (ngành nông nghiệp, NMTs)					Tự do Hiệp hội (nông nghiệp, NMTs) (Liên quan tới FPRW)	
Các mục tiêu chiến lược tương ứng với các chủ đề được đưa vào đơn giản là để lấy thông tin							

Báo cáo về các Công ước không được phê chuẩn và các Khuyến nghị – Tuyên bố năm 1998 và 2008

Nghĩa vụ báo cáo về Công ước không được phê chuẩn

44. Theo Điều 19, khoản 5(e), của Điều lệ ILO, một nước Thành viên, đối với bất kỳ Công ước nào mà chưa được phê chuẩn, cần phải:

... Báo cáo với Tổng giám đốc của ILO, tại thời điểm phù hợp theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, lập trường của luật và thông lệ của nước đó liên quan đến các vấn đề được giải quyết trong Công ước, thể hiện mức độ hiệu lực đã được trao, hoặc đề xuất được trao, đối với bất kỳ điều khoản nào của Công ước theo luật pháp, hành động hành chính, thỏa thuận tập thể hoặc những loại văn bản khác và đề cập những khó khăn ngăn cản hoặc làm trì hoãn việc phê chuẩn Công ước đó.

Nghĩa vụ báo cáo về các Khuyến nghị

45. Theo Điều 19, khoản 6(d), của Điều lệ ILO, các nước Thành viên cần phải:

... Báo cáo với Tổng giám đốc của ILO, tại thời điểm phù hợp theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, vị trí của luật và thông lệ của nước đó liên quan đến các vấn đề được giải quyết trong Khuyến nghị, thể hiện mức độ hiệu lực đã được trao, hoặc đề xuất được trao cho các điều khoản của Khuyến nghị và những thay đổi của những điều khoản này nếu cho rằng hoặc có thể cho rằng là cần thiết phải thực hiện để thông qua và áp dụng những điều khoản đó.

Liên Bang

46. Các điều khoản đặc biệt đối với Liên Bang về Nghĩa vụ báo cáo liên quan đến Công ước không được phê chuẩn và về các Khuyến nghị được trình bày tại Điều 19, khoản 7(b)(iv) và (v), của Điều lệ ILO.

Lựa chọn Công cụ Báo cáo ⁴⁷

Các báo cáo và việc kiểm tra sau đó của các cơ quan giám sát là hữu ích khi thiết kế chương trình làm việc của Tổ chức, đặc biệt là liên quan tới việc áp dụng bất kỳ một tiêu chuẩn mới hoặc tiêu chuẩn sửa đổi nào, trong việc đánh giá tác động và lợi ích hiện nay và sau này của các văn kiện sẽ được rà soát, cũng như trong việc tạo cơ hội cho các chính phủ và đối tác xã hội rà soát các chính sách của họ và thực hiện các biện pháp khác trong lĩnh vực quan tâm chính, cũng như quyết định về các phê chuẩn mới, nếu phù hợp. Hội đồng Quản trị lựa chọn các văn kiện mà các báo cáo về các văn kiện đó được yêu cầu hàng năm trên cơ sở sau:

- (a) Các Công ước và Khuyến nghị được lựa chọn được phân nhóm theo chủ đề;
- (b) Để không tăng gánh nặng quá mức cho công tác hành chính quốc gia liên quan đến việc chuẩn bị báo cáo hoặc Quy trình thủ tục giám sát của ILO, thì chỉ có một số công ước nhỏ được lựa chọn;
- (c) Các chủ đề được lựa chọn là những vấn đề quan tâm hiện tại.

⁴⁷ Trong thực tế, Điều 19 báo cáo Quy trình thủ tục miêu tả ở đây đã được Hội đồng Quản trị sử dụng thay vì một điều khoản riêng được đưa vào các điều khoản cuối cùng của tất cả các Công ước, qua đó Hội đồng Quản trị có thể trình bày báo cáo về công việc thực hiện liên quan đến Công ước tại Hội nghị bất cứ khi nào và đánh giá nhu cầu đưa vào chương trình Hội nghị vấn đề sửa đổi toàn bộ hoặc một phần báo cáo.

Theo dõi Tuyên bố năm 1998 của ILO

48. Việc theo dõi Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc Cơ bản và Quyền tại nơi làm việc, được Hội nghị Lao động Quốc tế thông qua vào ngày 19/6/1998, dựa trên các báo cáo được yêu cầu từ các nước thành viên theo Điều 19, khoản 5(e), của Điều lệ ILO. Các mẫu của các báo cáo này được thiết kế để thu thập thông tin về bất kỳ sự thay đổi nào trong luật và thông lệ của các chính phủ chưa phê chuẩn một hoặc nhiều Công ước cơ bản.⁴⁸ Các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có thể nêu quan điểm của họ về các báo cáo. Các báo cáo này được Văn phòng Lao động quốc tế tổng hợp, và Hội đồng Quản trị kiểm tra. Để giới thiệu các báo cáo đã được tổng hợp, Văn phòng kêu gọi sự hỗ trợ từ Nhóm Chuyên gia do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
49. Ngoài ra, Tổng giám đốc có trách nhiệm soạn thảo một *Báo cáo Toàn cầu* và gửi tới Hội nghị, dựa trên thông tin chính thức hoặc thông tin được tổng hợp và xác minh theo Quy trình thủ tục đã được thiết lập. Trong trường hợp các nước thành viên chưa phê chuẩn các Công ước cơ bản, Báo cáo Toàn cầu sẽ dựa vào các kết quả của việc theo dõi hàng năm. Trong trường hợp các nước thành viên đã phê chuẩn các công ước tương ứng, thì báo cáo này chủ yếu dựa vào các báo cáo đã được kiểm tra theo Điều 22 của Điều lệ ILO.

Theo dõi Tuyên bố năm 2008 của ILO

50. Hội nghị Lao động quốc tế nhất trí thông qua Tuyên bố của ILO về Công Bằng Xã Hội vì toàn cầu hóa Công bằng vào ngày 10 tháng 6 năm 2008. Tuyên bố mới này được dựa trên Tuyên bố Philadelphia và Tuyên bố về các Nguyên tắc Cơ bản và các Quyền tại Nơi làm việc năm 1998. Thông qua áp dụng văn bản này, các đại diện của chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động cam kết tăng cường năng lực của ILO để nâng cao các mục tiêu này, thông qua Chương trình Việc làm Bền vững. Việc theo dõi Tuyên bố đòi hỏi một mức độ gắn kết cao hơn giữa Tuyên bố năm 2008 về các mục tiêu xã hội, Khung Chính sách Chiến lược 2010-15 và ngân sách cho chu kỳ hai năm.⁴⁹
51. Việc theo dõi đòi hỏi sự cải cách các thực tiễn thể chế, quản trị và các biện pháp khác “*để có thể sử dụng tối đa tất cả các phương tiện hành động được cung cấp tại Điều lệ ILO để hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức*”. Việc thực hiện Tuyên bố năm 2008 dẫn đến việc thiết lập thảo luận các nội dung theo định kỳ trong chương trình Hội nghị, mà chủ đề hội nghị phù hợp với một mục tiêu chiến lược. Năm 2009, Hội đồng Quản trị quyết định thông qua một chu kỳ bảy năm đối với các thảo luận về nội dung theo định kỳ, trong đó có nội dung về việc làm, bảo trợ xã hội và các nguyên tắc cơ bản và quyền tại nơi làm việc được thảo luận 2 lần trong chu kỳ.⁵⁰ Năm 2010, Nhóm Chỉ đạo đã thông qua chủ đề về đối thoại xã hội cho năm 2013.⁵¹ Một khía cạnh khác của việc thực hiện Tuyên bố năm 2008 là đạt được sự thống nhất giữa các chủ đề của các Cuộc Điều tra Chung của Ủy ban Chuyên gia và mục tiêu chiến lược hàng năm.

Mẫu báo cáo

⁴⁸ Tám Công ước cơ bản về quyền tự do hiệp hội (Công ước số 87 và 98), xóa bỏ lao động cưỡng bức (Công ước số 29 và 105), sự bình đẳng về cơ hội và đối xử (các Công ước số 100 và 111) và lao động trẻ em (Công ước số 138 và 182). Các nước thành viên đã phê chuẩn các Công ước cơ bản cần phải cung cấp các báo cáo về việc áp dụng, theo chu kỳ 3 năm theo Điều 22 của Điều lệ ILO (xem đoạn 35 ở trên).

⁴⁹ GB.303/SG/DECL/2, 11/ 2008, Tuyên bố về Công bằng Xã hội vì Toàn cầu hóa công bằng – Kế hoạch Thực hiện Sơ bộ.

⁵⁰ GB.304/7, Tháng 3/2009.

⁵¹ GB.309/10, Tháng 11/2010.

-
52. Hội đồng Quản trị đã thông qua một mẫu bảng hỏi chuẩn cho Báo cáo về các Công ước và các Khuyến nghị không được phê chuẩn. Trong những năm gần đây, các mẫu cụ thể hơn đã được Hội đồng Quản trị thông qua, đưa ra các câu hỏi chính xác liên quan đến các văn kiện trên.

Quy trình thủ tục của ILO đối với yêu cầu báo cáo⁵²

53. Thư yêu cầu gửi Báo cáo về các Công ước không được phê chuẩn và các Khuyến nghị được gửi đến các chính phủ vào tháng 9 hàng năm, cùng với Mẫu báo cáo và bản sao của các văn kiện liên quan. Bản sao của các yêu cầu được gửi tới các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động quốc gia. Qua quyết định của Hội đồng Quản trị, các báo cáo được yêu cầu gửi đến chậm nhất là ngày 30 tháng 4. Lờ nhắc sẽ được gửi đến các chính phủ chưa gửi báo cáo khi đến hạn.

Tham vấn với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động

54. Khoản 5(e) của Khuyến nghị số 152 kêu gọi tham vấn của các đại diện tổ chức người sử dụng lao động và người lao động về các câu hỏi phát sinh từ báo cáo về các Công ước không được phê chuẩn và về các Khuyến nghị. Ngoài ra, Điều 5, khoản 1(c), của Công ước số 144 và Khoản 5(d) của Khuyến nghị số 152 quy định về tham vấn ba bên trong những khoảng thời gian phù hợp để xem xét cần thực hiện những biện pháp nào nhằm tăng cường việc thực hiện và phê chuẩn một cách phù hợp đối với các Công ước chưa được phê duyệt và các Khuyến nghị chưa có hiệu lực.

Chuyển báo cáo tới các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động

55. Theo Điều 23, khoản 2, của Điều lệ ILO, các chính phủ phải chuyển các bản sao của tất cả các Báo cáo về các Công ước không được phê chuẩn và các Khuyến nghị tới các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động, và khi chuyển báo cáo này tới ILO thì đề cập những tổ chức nào mà đã được chuyển báo cáo đến. Những tổ chức này hoặc bất kỳ tổ chức nào khác của người sử dụng lao động và người lao động có thể đưa ra bất kỳ ý kiến nào mà họ mong muốn về các chủ đề liên quan.

Tóm tắt

56. Theo Điều 23, khoản 1, của Điều lệ ILO, một bản Tóm tắt của Báo cáo về các Công ước không được phê chuẩn và các Khuyến nghị cần phải đưa ra trước cuộc họp tiếp theo của Hội nghị. Tóm tắt đó có dạng rút gọn trong báo cáo III (phần 1A), gồm một danh sách báo cáo đã nhận được. Ngoài ra, Văn phòng Lao động quốc tế (thông qua ban thư ký Ủy ban về việc Áp dụng các Tiêu chuẩn) tạo bản sao các báo cáo sẵn sàng cho việc tham vấn tại Hội nghị, nếu cần thiết.

⁵² Quy trình thủ tục đánh giá các báo cáo và việc chuẩn bị các cuộc điều tra chung được mô tả tại đoạn 59 và 63 dưới đây.

VI. Cơ chế giám sát thường xuyên đối với việc thực hiện nghĩa vụ theo các Công ước và Khuyến nghị

Các cơ quan giám sát thường xuyên

57. Kỳ họp thứ tám của Hội nghị Lao động Quốc tế năm 1926 đã thông qua nghị quyết về giao trách nhiệm giám sát thường xuyên việc thực hiện nghĩa vụ liên quan tới tiêu chuẩn của các nước Thành viên cho Ủy ban chuyên gia về áp dụng các Công ước và Khuyến nghị và Ủy ban hội nghị về áp dụng các tiêu chuẩn.

A. Ủy ban chuyên gia

Thành phần, điều khoản tham chiếu và phương pháp làm việc⁵³

58. Các thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị bổ nhiệm dựa trên đề nghị của Tổng Giám đốc trong thời gian gia hạn ba năm. Việc bổ nhiệm được thực hiện dựa vào năng lực cá nhân trong số những người hoàn toàn công bằng, có khả năng chuyên môn và độc lập. Các thành viên đến từ khắp nơi trên thế giới nhằm giúp Ủy ban huy động kinh nghiệm trực tiếp từ các hệ thống khác nhau về pháp lý, kinh tế và xã hội. Nguyên tắc cơ bản của Ủy ban là độc lập, công bằng và khách quan, theo đó, Ủy ban nhấn mạnh việc các nước phải đảm bảo tuân thủ điều khoản của các Công ước và nghĩa vụ theo Điều lệ của ILO.

Trên tinh thần đó, Ủy ban được yêu cầu kiểm tra:⁵⁴

- (i) các báo cáo thường niên theo điều 22 của Điều lệ về các biện pháp do Thành viên áp dụng để các điều khoản của Công ước đã phê chuẩn có hiệu lực và thông tin do Thành viên cung cấp có liên quan tới kết quả thanh tra.
- (ii) thông tin và các báo cáo liên quan tới Công ước và Khuyến nghị do các Thành viên cung cấp theo điều 19 của Điều lệ;
- (iii) thông tin và các báo cáo về những biện pháp do các Thành viên thực hiện theo điều 35 của Điều lệ.

Tổ chức công việc của Ủy ban

59.

- (a) Ủy ban họp vào thời gian do Hội đồng Quản trị quyết định⁵⁵.
- (b) Tại phiên khai mạc của mỗi kỳ họp, Ủy ban tổ chức bầu cử Chủ tịch và chức báo cáo viên.
- (c) Ủy ban họp kín. Các tài liệu và thảo luận được giữ bí mật.
- (d) Liên hợp quốc được mời tham dự các kỳ họp Chuyên gia phù hợp. Khi Ủy ban thảo luận về các công cụ hay vấn đề liên quan tới năng lực của các tổ chức chuyên chuyên biệt trong hệ thống Liên hợp quốc, đại diện của các tổ chức có thể được mời tham dự.
- (e) Ủy ban chỉ định mỗi thành viên chịu trách nhiệm ban đầu đối với các nhóm Công ước hay chủ đề. Các báo cáo và thông tin do Văn phòng nhận được sớm sẽ được gửi tới các thành viên liên quan trước kỳ họp. Thành viên chịu trách nhiệm đối với mỗi nhóm Công ước hay chủ đề có thể đưa ra sáng kiến tham vấn các thành viên khác, và các thành viên khác có thể yêu cầu được tham vấn trước khi các gửi các phát hiện sơ bộ cho Ủy ban theo dạng dự thảo ý kiến và

⁵³ Các nguyên tắc cơ bản, điều khoản tham chiếu và phương pháp làm việc của Ủy ban Chuyên gia được nhắc lại trong báo cáo của Ủy ban tại Phiên họp lần thứ 73 của Hội nghị (năm 1987), Báo cáo III (*Phần 4A*), đoạn 37-49. Từ năm 1999, Ủy ban Chuyên gia đã thực hiện kiểm tra kỹ càng phương pháp làm việc, đặc biệt lưu ý tới việc soạn thảo báo cáo theo cách dễ tiếp cận hơn và lưu ý về số lượng người đọc đối với tầm quan trọng của các điều khoản thuộc Công ước và những ứng dụng thực tế của các Công ước. Năm 2002, Ủy ban Chuyên gia quyết định thành lập tiểu ban nhằm kiểm tra phương pháp làm việc của Ủy ban và các vấn đề liên quan. Từ năm 2003, các thông tin về tiểu ban này được đưa vào phần đầu trong Báo cáo chung về Ủy ban chuyên gia (ILC, kỳ họp lần thứ 91 (2003), Báo cáo III (*Phần 1A*), Báo cáo chung, đoạn 7-10).

⁵⁴ Điều khoản tham chiếu do Hội đồng Quản trị sửa đổi tại Kỳ họp lần thứ 103 (1947).

⁵⁵ Các cuộc họp được diễn ra vào cuối tháng 11 – đầu tháng 12 mỗi năm.

các yêu cầu trực tiếp. Ngôn ngữ ở giai đoạn này là do thành viên chịu trách nhiệm quyết định. Sau đó, tất cả các phát hiện sơ bộ sẽ được Ủy ban xem xét và phê duyệt.

- (f) Ủy ban bổ nhiệm các nhóm công tác để giải đáp các câu hỏi chung hoặc đặc biệt phức tạp, ví dụ Khảo sát chung về các báo cáo theo điều 19 và 22 của Điều lệ.⁵⁶ Nhóm công tác bao gồm các thành viên có kiến thức về hệ thống pháp lý, kinh tế và xã hội khác nhau. Những phát hiện sơ bộ của họ được gửi toàn bộ tới Ủy ban.
- (g) Tài liệu cung cấp cho Ủy ban gồm thông tin do các chính phủ cung cấp trong báo cáo⁵⁷ hoặc trong Ủy ban hội nghị về áp dụng các tiêu chuẩn; văn bản pháp lý liên quan, thỏa ước tập thể và các quyết định của tòa án; thông tin do các nước Thành viên cung cấp dựa trên kết quả thanh tra; bình luận của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động; báo cáo của các cơ quan khác thuộc ILO (như Ủy ban điều tra, Ủy ban về tự do hiệp hội thuộc Hội đồng Quản trị) và các báo cáo về các hoạt động hợp tác kỹ thuật.
- (h) Ủy ban yêu cầu Văn phòng, khi cần thiết, chuẩn bị một bản phân tích so sánh về việc phê chuẩn luật và thông lệ quốc gia tại các nước thành viên so với mỗi Công ước do các Thành viên chịu trách nhiệm. Ủy ban cũng yêu cầu Văn phòng chuẩn bị cho mỗi Thành viên tài liệu ghi chú về các câu hỏi pháp lý cần thiết để kiểm tra thông tin được cung cấp.
- (i) Mặc dù kết luận của Ủy ban thường đại diện cho sự nhất trí giữa các thành viên, nhưng quyết định được đưa ra dựa theo đa số. Khi điều này xảy ra thì thông lệ của Ủy ban là đưa vào báo cáo những quan điểm của các Thành viên không tán thành (nếu họ muốn) cùng với toàn bộ các ý kiến trả lời của Ủy ban.
- (j) Ban thư ký có năng lực cần thiết để hỗ trợ các công việc của Ủy ban được thành lập theo yêu cầu của Tổng giám đốc ILO.
- (k) Báo cáo của Ủy ban được trình đầu tiên lên Hội đồng Quản trị (tại kỳ họp tháng 3 – tháng 4) để sau đó chuyển tới Hội nghị (thường vào tháng 6 hàng năm).⁵⁸ Những phát hiện cuối cùng bao gồm những phần sau:

*Phần I:*⁵⁹ báo cáo chung (tổng quan công việc của Ủy ban và thu hút sự chú ý của Hội đồng quản trị, Hội nghị và các nước Thành viên về các vấn đề chung hoặc các mối quan tâm đặc biệt);

Phần II: bình luận (observations) cụ thể về: ⁶⁰(i) việc áp dụng các Công ước đã phê chuẩn tại các nước Thành viên; (ii) việc áp dụng các Công ước tại những vùng lãnh thổ phi đô thị do các nước Thành viên chịu trách nhiệm về quan hệ quốc tế; và (iii) việc trình các Công ước và Khuyến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia;

- một loạt các *yêu cầu trực tiếp*:⁶¹ các góp ý riêng do Tổng giám đốc ILO thay mặt Ủy ban gửi cho các chính phủ;

⁵⁶ Xem đoạn 44-45 phía trên.

⁵⁷ Xem đoạn 47(c) phía trên.

⁵⁸ Văn phòng đưa Báo cáo chung về Ủy ban chuyên gia và bình luận của Ủy ban về việc áp dụng các Công ước trên Website của ILO. Toàn bộ những phát hiện về Ủy ban chuyên gia bao gồm các *yêu cầu trực tiếp* có thể tìm thấy trên mạng ngay khi những thông tin này được gửi cho các Chính phủ. Xem Phụ lục II dưới đây về các tài liệu cơ bản liên quan tới Công ước và Khuyến nghị.

⁵⁹ Phần I và Phần II xuất hiện trong tập đơn, Báo cáo III (Phần 1A) trong Kỳ họp sau của Hội nghị Lao động quốc tế.

⁶⁰ Các *bình luận (observations)* thường được sử dụng rộng rãi trong các trường hợp không thực hiện các nghĩa vụ nghiêm trọng hoặc thời gian dài. Trong các trường hợp đặc biệt quan trọng, Ủy ban có thể thêm phần *chú thích* yêu cầu chính phủ gửi báo cáo *chi tiết* trước ngày báo cáo đến hạn trong hệ thống báo cáo theo đoạn 36 trên. Ủy ban cũng có thể yêu cầu thêm phần *chú thích* yêu cầu chính phủ cung cấp đầy đủ chi tiết cho Hội nghị. (ii) *Nhận xét/quan sát thể hiện sự hài lòng* được sử dụng trong các trường hợp chính phủ đã thực hiện các biện pháp cần thiết theo các góp ý sớm của Ủy ban. Một danh sách các trường hợp Ủy ban chuyên gia thể hiện sự hài lòng hoặc quan tâm được chuẩn bị hàng năm và đưa vào báo cáo chung của Ủy ban.

⁶¹ Toàn văn các yêu cầu trực tiếp không xuất hiện trong báo cáo của Ủy ban chuyên gia trong Hội nghị. Chúng được trao đổi trực tiếp với các chính phủ nước liên quan. Các yêu cầu trực tiếp được liệt kê sau khi thực hiện *bình luận cụ thể* cho mỗi nhóm Công ước. Chúng có thể liên quan tới những vấn đề có tầm quan trọng thứ cấp hoặc những vấn đề kỹ thuật hoặc tìm kiếm sự giải thích để thực hiện đánh giá tính thực thi đối với các nghĩa vụ bắt buộc. Giống như *bình luận*, chúng bao gồm *ghi chú* yêu cầu báo cáo chi tiết trước ngày đến báo cáo đến hạn.

- một loạt *lời cảm ơn*:⁶² khi một chính phủ hồi đáp lại đầy đủ yêu cầu trực tiếp về việc cung cấp thêm thông tin và Ủy ban không cần có thêm ý kiến bình luận.

Phần III:⁶³ *Khảo sát chung* về luật và thông lệ quốc gia liên quan tới các công cụ, theo đó, Ủy ban cung cấp báo cáo về các Công ước chưa được phê chuẩn và Khuyến nghị theo điều 19 của Điều lệ.

Trao đổi ý kiến góp ý của Ủy ban chuyên gia với các chính phủ

60.

- (a) Hàng năm, các chính phủ nhận được yêu cầu chuẩn bị báo cáo về việc thực hiện công ước đã phê chuẩn vào tháng 2, đính kèm cùng bản sao các ý kiến góp ý liên quan của Ủy ban chuyên gia, bao gồm những vấn đề được Ủy ban thông qua tại kỳ họp vào tháng 12 năm trước.
- (b) Báo cáo của Ủy ban chuyên gia xuất bản vào tháng 3 và được gửi ngay cho các chính phủ.
- (c) Các yêu cầu trực tiếp liên quan tới việc trình lên các cơ quan có thẩm quyền (cũng như những nhận xét được xuất bản trong báo cáo của Ủy ban) được chuyển cùng với Biên bản ghi nhớ về việc đệ trình do Hội đồng quản trị thông qua.⁶⁴

B. Ủy ban hội nghị về áp dụng các tiêu chuẩn

Thành phần và cán bộ

- 61.** Ủy ban được thành lập theo Điều 7 của Trình tự tác nghiệp. Đây là ủy ban ba bên, bao gồm đại diện của các chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động.⁶⁵ Ủy ban tổ chức bầu cử Chủ tịch và hai Phó chủ tịch và chức báo cáo viên từ mỗi nhóm trong ba nhóm trên.⁶⁶

Điều khoản tham chiếu⁶⁷

- 62.** (i) Ủy ban phải xem xét:

- (a) các biện pháp được Thành viên áp dụng để Công ước đã phê chuẩn có hiệu lực, trong đó họ là các bên và thông tin do Thành viên cung cấp liên quan tới kết quả thanh tra;
- (b) các thông tin và báo cáo liên quan tới Công ước và Khuyến nghị do Thành viên cung cấp theo điều 19 của Điều lệ;
- (c) các biện pháp do Thành viên áp dụng theo điều 35 của Điều lệ;

- (ii) Ủy ban phải gửi báo cáo cho Hội nghị.

Tổ chức công việc của Ủy ban

- 63.** Theo các tài liệu kiểm tra kỹ thuật độc lập do Ủy ban chuyên gia cung cấp, cách thức tiến hành của Ủy ban Hội nghị giúp đại diện các chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động có cơ hội gặp gỡ, rà soát cách thức các nước đang hoàn tất nghĩa vụ theo hoặc liên quan tới các Công ước và Khuyến nghị. Các chính phủ có thể mở rộng những thông

⁶² Lời cảm ơn cũng được liệt kê sau khi *bình luận* mỗi nhóm Công ước.

⁶³ Điều này tạo nên một tập riêng, Báo cáo III (Phần 1B). *Khảo sát chung* cũng bao gồm các thông tin nhận được theo điều 22 từ các nước đã phê chuẩn Công ước. *Các cuộc khảo sát chung* cho phép Ủy ban, ngoài việc rà soát luật pháp và thông lệ quốc gia tại các nước thành viên còn xem xét những khó khăn do chính phủ đưa ra như là cách áp dụng các công cụ, làm rõ phạm vi và xác định các biện pháp khả thi để vượt qua khó khăn trong quá trình thực hiện.

⁶⁴ Xem đoạn 13 phía trên.

⁶⁵ Bất cứ phiếu bầu nào cũng quan trọng để tạo ra sức mạnh cân bằng cho mỗi nhóm (Điều 65 Trình tự tác nghiệp và thông lệ hiện hành của Hội nghị)

⁶⁶ Trình tự tác nghiệp, điều 57.

⁶⁷ Trình tự tác nghiệp, điều 7.

tin được cung cấp trước đó; đề xuất các biện pháp; tìm kiếm sự quan tâm đối với những khó khăn gặp phải trong quá trình hoàn tất nghĩa vụ và tìm kiếm hướng dẫn để vượt qua những khó khăn này.

- (a) *Tài liệu trước Ủy ban.* Ủy ban phải xem xét Báo cáo III (Phần 1A và 1B) là báo cáo của Ủy ban Chuyên gia.⁶⁸ Báo cáo cũng lưu ý về các tài liệu hồi đáp bằng văn bản đối với những nhận xét của Ủy ban chuyên gia và thông tin bổ sung do Văn phòng nhận được từ cuộc họp của Ủy ban chuyên gia.⁶⁹
- (b) *Thảo luận chung.* Trong phiên thảo luận chung mở đầu, Ủy ban có thể rà soát lại các vấn đề được đề cập trong phần khái quát của Báo cáo III (phần 1A), là báo cáo của Ủy ban chuyên gia. Sau đó, Ủy ban có thể thảo luận về *Khảo sát chung* trong báo cáo III (Phần 1B).⁷⁰
- (c) *Xem xét các trường hợp cụ thể:*
 - (i) Các cán bộ của Ủy ban đưa ra một danh sách các bình luận (observations) có trong báo cáo của Ủy ban chuyên gia, trên tinh thần mong muốn mời các chính phủ cung cấp thông tin cho Ủy ban. Danh sách này được gửi tới Ủy ban để phê duyệt.
 - (ii) Các chính phủ được đề cập trong các bình luận trong danh sách phê duyệt có thể gửi hồi đáp bằng văn bản. Những văn bản này sẽ xuất hiện trong tài liệu thông tin của Ủy ban. Sau đó, Ủy ban sẽ quyết định có cần thêm thông tin bằng lời nói của đại diện chính phủ nước liên quan hay không.
 - (iii) Ủy ban mời đại diện các chính phủ nước liên quan tới tham dự một trong các phiên họp để thảo luận những vấn đề còn vướng mắc. Các chính phủ không phải là thành viên của Ủy ban được thông tin về chương trình nghị sự và thời gian để nghe tuyên bố của người đại diện thông qua *Bản tin hàng ngày* của Hội nghị.
 - (iv) Sau tuyên bố của đại diện các chính phủ, thành viên của Ủy ban có thể đặt ra câu hỏi hoặc bình luận và Ủy ban có thể đi đến kết luận về từng trường hợp.
 - (v) Một bản tóm tắt về tuyên bố (statement) của các chính phủ và thảo luận được đưa vào phụ lục báo cáo của Ủy ban tại Hội nghị. Ngoài ra, trong phần chính của báo cáo, Ủy ban cũng đưa ý kiến thảo luận về việc tuân thủ của các nước thành viên đối với những nghĩa vụ cụ thể như: trình báo cáo tới các cơ quan có thẩm quyền; không tuân thủ các nghĩa vụ báo cáo; điếm lại các trường hợp có tiền bộ, trong đó Ủy ban sẽ ghi lại những thay đổi trong luật và thông lệ vượt qua được khó khăn trong giai đoạn thảo luận trước; thu hút sự quan tâm của Hội nghị nhằm về các trường hợp đặc biệt cụ thể; các trường hợp được Ủy ban thảo luận trước đó nhưng vẫn tiếp tục gặp thất bại trong việc áp dụng các Công ước đã phê chuẩn; gửi bản sao các báo cáo cho tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động; và tham gia vào các công việc của Ủy ban.
- (d) Báo cáo của Ủy ban hội nghị được trình lên Hội nghị và thảo luận tại phiên toàn thể, tại đây các đại biểu có thêm thời gian để chú ý tới những khía cạnh cụ thể trong công việc của Ủy ban. Báo cáo được xuất bản trong *Hồ sơ về cách thức tiến hành* của Hội nghị và gửi riêng cho các chính phủ. Sự quan tâm và cân nhắc của các chính phủ đối với những vấn đề cụ thể do Ủy ban đưa ra cùng với thảo luận về các trường hợp cụ thể có thể đưa ra những gợi ý cho Ủy ban để chuẩn bị các báo cáo tiếp theo.

⁶⁸ Xem đoạn 58(k) phía trên.

⁶⁹ Bên cạnh đó, phụ thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Hội nghị, trước đó Ủy ban đã có báo cáo về Liên Ủy ban chuyên gia ILO-UNESCO về áp dụng các khuyến nghị liên quan tới vị trí của Giảng viên.

⁷⁰ Trường hợp có thể là báo cáo của Liên Ủy ban ILO – UNESCO.

VII. Vai trò của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động ⁷¹

Chuyển báo cáo và thông tin tới các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động

64. Căn cứ vào các nghĩa vụ theo điều lệ đối với tất cả các nước thành viên, ⁷² các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động phải nhận được bản sao của các tài liệu sau:
- (a) thông tin được gửi tới Văn phòng liên quan tới các biện pháp áp dụng để trình các Công ước và Khuyến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia;
 - (b) các báo cáo về việc áp dụng thực hiện những Công ước đã phê chuẩn;
 - (c) các báo cáo về những Công ước chưa được phê chuẩn và Khuyến nghị chưa được phát huy tác dụng;

Bên cạnh đó, quy trình thủ tục của Văn phòng liên quan tới những nghĩa vụ trên ⁷³ hỗ trợ đảm bảo các tổ chức trong nước nhận được bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan giám sát và yêu cầu gửi báo cáo.

Tham vấn với các tổ chức đại diện

65. Công ước số 144 và Khuyến nghị số 152 hướng dẫn tham vấn ba bên về:
- (a) trả lời của chính phủ về bảng hỏi và bình luận của chính phủ về các công cụ mới phải thảo luận tại Hội nghị;
 - (b) đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền khi Công ước và Khuyến nghị được trình lên;
 - (c) các vấn đề nảy sinh từ báo cáo về việc thực hiện các Công ước đã phê chuẩn; ⁷⁴
 - (d) các biện pháp liên quan tới các Công ước chưa được phê chuẩn và các Khuyến nghị chưa được phát huy tác dụng; ⁷⁵
 - (e) bãi ước các Công ước đã phê chuẩn.

Gửi ý kiến của tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động

66. Tổ chức của người sử dụng lao động hoặc người lao động dù có hay không nhận được bản sao báo cáo của chính phủ, có thể gửi ý kiến về bất cứ vấn đề gì vào bất cứ thời điểm nào liên quan tới đoạn 61 và 62 ở trên. Ủy ban chuyên gia và Ủy ban Hội nghị nhấn mạnh giá trị của những ý kiến này đóng vai trò là phương tiện hỗ trợ Ủy ban, cụ thể, trong quá trình đánh giá việc triển khai hiệu quả các Công ước đã phê chuẩn.

Tham gia vào hội nghị

67. Thông qua việc trình bày tại Hội nghị Lao động Quốc tế, và đặc biệt trong Ủy ban về áp dụng các tiêu chuẩn, đại diện các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có thể đưa ra những vấn đề liên quan tới việc hoàn tất những nghĩa vụ liên quan đến các tiêu chuẩn.

⁷¹ Xem Ghi chú về vai trò của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động trong việc thực hiện các Công ước và Khuyến nghị của ILO của Văn phòng (tài liệu D.40.1987). Về vai trò của các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động trong mối quan hệ với các quy trình đặc thù, xem đoạn 50-89 bên dưới.

⁷² Xem đoạn 16, 40 và 55

⁷³ Xem đoạn 14, 42 và 53

⁷⁴ Theo Khuyến nghị số 152, nên thực hiện tham vấn về các vấn đề phát sinh từ các báo cáo theo điều 19 (về việc trình lên các cơ quan có thẩm quyền và về các Công ước chưa được phê chuẩn và Khuyến nghị chưa phát huy tác dụng); tùy thuộc vào thông lệ quốc gia, vào các câu hỏi về pháp lý để các Công ước có hiệu lực (đặc biệt đối với những công ước đã phê chuẩn) và các Khuyến nghị.

⁷⁵ Câu hỏi cần được kiểm tra lại “vào khoảng thời gian phù hợp”.

VIII. Giải thích các Công ước và Khuyến nghị

Giải thích của Tòa án Công lý Quốc tế

68. Theo đoạn 1, Điều 37 Điều lệ của ILO, Tòa án Công lý Quốc tế là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải thích chính thức về các Công ước và Khuyến nghị của ILO. Điều này được diễn giải như sau:⁷⁶

Bất kỳ câu hỏi hay tranh chấp nào liên quan tới việc giải thích Điều lệ hoặc Công ước kèm theo do các Thành viên kết luận theo các điều khoản của Điều lệ đều được chuyển đến Tòa án Công lý Quốc tế để ra quyết định.

69. Ngoài ra, theo đoạn 2, Điều 37 thuộc Điều lệ, Hội đồng Quản trị có thể thành lập tòa án nhằm giải quyết các tranh chấp liên quan tới việc giải thích một công ước sau khi được Hội nghị phê chuẩn:

Cho dù các điều khoản của đoạn 1 Điều này đã nêu, Hội đồng Quản trị có thể thực hiện và trình Hội nghị phê duyệt các quy định hướng dẫn chỉ định một tòa án nhằm đưa ra những quyết định nhanh chóng đối với tranh chấp hay vấn đề liên quan tới việc giải thích Công ước thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc theo các điều khoản của Công ước. Đánh giá hay quan điểm tư vấn của Tòa án Công lý Quốc tế sẽ chịu sự ràng buộc của tòa án được thành lập theo đoạn này. Các quyết định do tòa án đưa ra cần được chia sẻ với các Thành viên của Tổ chức và ý kiến của các Thành viên cần được gửi lên Hội nghị.

Quan điểm không chính thức của Văn phòng Lao động Quốc tế

70. Khi chính phủ không chắc chắn về nghĩa của các điều khoản cụ thể trong Công ước hay Khuyến nghị của ILO có thể yêu cầu Văn phòng thể hiện quan điểm. Dù luôn bảo lưu ý kiến rằng theo Điều lệ Văn phòng không có đặc quyền trong việc giải thích các Công ước và Khuyến nghị nhưng Văn phòng đã hỗ trợ các chính phủ khi được yêu cầu đưa ra quan điểm.⁷⁷ Khi quan điểm chính thức hay chính thống hoặc vấn đề đưa ra là mối quan tâm chung, *Biên bản ghi nhớ của Văn phòng Lao động Quốc tế* sẽ được xuất bản trong *Bản tin chính thức*, bao gồm quan điểm của Văn phòng. Đối với những trường hợp không yêu cầu cụ thể về quan điểm chính thức hay chính thống, Văn phòng thường gửi một lá thư hồi đáp đơn giản.

Giải thích của các cơ quan giám sát

71. Giải thích về phạm vi và nghĩa của các điều khoản thuộc Công ước có thể tìm thấy trong các báo cáo của Ủy ban chuyên gia và Ủy ban hội nghị về áp dụng các tiêu chuẩn, các Ủy ban điều tra được bổ nhiệm theo điều 26 Điều lệ ILO, Ủy ban về tự do hiệp hội của Hội đồng Quản trị và Ủy ban điều tra thực tiễn và Hòa giải về tự do hiệp hội.⁷⁸

⁷⁶ Duy nhất một diễn giải chính thức có bản in tại thời điểm này: xem *Bản tin chính thức*, tập XVII (1932), trang 179

⁷⁷ Theo thông lệ, Văn phòng cố gắng hỗ trợ tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động tương tự nhau.

⁷⁸ Có một số thủ tục đặc biệt đối với việc khiếu nại cáo buộc vi phạm quyền tự do hiệp hội, Văn phòng cho rằng không phù hợp để thể hiện quan điểm về việc diễn giải các tiêu chuẩn trong lĩnh vực đó (*Biên bản Hội đồng Quản trị*, Kỳ họp 122 (1953), trang 110).

IX. Sửa đổi các Công ước và Khuyến nghị⁷⁹

Bản chất của việc sửa đổi các Công ước

72. Việc sửa đổi chính thức (bao gồm sửa đổi “*một phần*”) một hoặc đôi khi một vài Công ước đều dẫn đến việc thông qua toàn bộ Công ước mới trong hầu hết các trường hợp. Hội nghị cũng có thể thực hiện sửa đổi một phần Công ước thông qua việc phê chuẩn một Nghị định thư hay các điều khoản trong một Công ước mới. Việc chấp thuận những Công ước mới này sẽ chấm dứt các nghĩa vụ theo các điều khoản tương ứng của Công ước trước.⁸⁰ Các công ước cũng đưa ra quy trình cụ thể để sửa đổi phụ lục.⁸¹ Cuối cùng, không cần tiến hành sửa đổi chính thức, việc cập nhật dữ liệu kỹ thuật hoặc khoa học được nêu ra trong các Công ước thông qua kỹ thuật tham chiếu đến các dữ liệu được xuất bản gần nhất về chủ đề này.⁸²

Phương pháp và hệ quả của việc sửa đổi các Công ước

73. Một Công ước không được coi là sửa đổi Công ước trước đó trừ khi mục đích điều chỉnh được nêu rõ ràng và toàn bộ trong tiêu đề, các điều khoản mở đầu hoặc đang có hiệu lực của Công ước sau.

(a) *Công ước số 1–26.* Những công ước này không có các điều khoản là kết quả của việc thông qua hay phê chuẩn Công ước sửa đổi. Vì thế, việc Hội nghị thông qua Công ước điều chỉnh không có nghĩa là khép lại Công ước trước hay liên quan tới việc bãi ước tự động Công ước đó.⁸³

(b) *Công ước số 27 và các Công ước sau.* Những Công ước này có Điều khoản cuối cùng nêu rõ ràng, *trừ khi Công ước sửa đổi mới cung cấp những điều khác.* Sau đây là những hệ quả khi Công ước sửa đổi được phê chuẩn và có hiệu lực:

(1) việc phê chuẩn Công ước sửa đổi do một Thành viên sẽ tự động bãi bỏ Công ước trước kể từ ngày Công ước sửa đổi có hiệu lực;

(2) kể từ ngày Công ước sửa đổi có hiệu lực, Công ước cũ sẽ dừng việc phê chuẩn;

(3) Công ước trước, khi có hiệu lực, sẽ tiếp tục có hiệu lực vì nó đại diện cho các Thành viên đã phê chuẩn Công ước trước nhưng không phê chuẩn Công ước sửa đổi.

(c) *Các điều khoản thay thế.* Điều khoản cuối cùng của mỗi Công ước phải được nhắc đến để quyết định việc áp dụng các điều khoản phía trên.

Sửa đổi Khuyến nghị

74. Việc sửa đổi hoặc thay thế (hai thuật ngữ được sử dụng tương đương nhau) một Khuyến nghị, hoặc đôi khi một số Khuyến nghị, tăng lên dẫn tới việc phê chuẩn một Khuyến nghị mới trong hầu hết các trường hợp. Bên cạnh đó, những Khuyến nghị cụ thể đòi hỏi quy trình cụ thể về việc sửa đổi phụ lục. Vì Khuyến nghị không có hiệu lực bắt buộc như

⁷⁹ Để biết quy trình sửa đổi, xem đoạn 5 phía trên.

⁸⁰ Xem Công ước số 173 được sửa đổi *một phần* thành Công ước 95. Tương tự, sau đó là việc phê chuẩn các Công ước số 121, 128 và 130 và chấp thuận các phần cụ thể của những Công ước này, các điều khoản tương ứng của Công ước 102 được ngừng thực hiện; tuy nhiên, thuật ngữ “sửa đổi” được sử dụng không chính xác trong trường hợp này. Các điều khoản cuối cùng của những Công ước sửa đổi (Số 80 và số 116) là các ví dụ cụ thể về sửa đổi *một phần*.

⁸¹ Xem các Công ước số 83, 97, 121 và 185. Quy trình hướng dẫn trong Công ước số 185 khác với quy trình của các Công ước khác.

⁸² Ví dụ, xem Công ước số 102, 121, 128 và 130 đề cập tới Phân loại Công nghiệp tiêu chuẩn quốc tế đối với tất cả các hoạt động kinh tế do Hội đồng kinh tế và xã hội của Liên hợp tác phê chuẩn, “tại bất cứ thời điểm nào sửa đổi” và Công ước số 139 đề cập tới “các thông tin cập nhật nhất có trong các quy tắc thực hành hoặc hướng dẫn do Văn phòng Lao động Quốc tế xây dựng.

⁸³ Công ước sửa đổi có thể cung cấp các thông tin về việc phê chuẩn, theo các điều kiện được cho, tạo thành một đạo luật denunciation đối với Công ước trước (ví dụ Công ước số 138 (Điều 10, khoản 5), Công ước số 5, 7, 10 và 15 và Công ước số 179 (Điều 9) trong mối liên hệ với Công ước số 9. Liên quan tới việc phân đổi, xem đoạn 75-70 bên dưới.

Công ước nên việc sửa đổi hay thay thế có ít hệ quả hơn. Tuy nhiên, một Khuyến khi được sửa đổi hay thay thế một hoặc nhiều hơn các Khuyến nghị trước sẽ thay thế (các) công cụ trước đó. Trong trường hợp này, việc tham chiếu chỉ được thực hiện đối với Khuyến nghị mới.

X. Bãi ước các Công ước

Điều kiện bãi ước

75. Mọi Công ước⁸⁴ đều có một Điều khoản xác định điều kiện, trong đó các nước đã phê chuẩn có thể bãi bỏ Công ước (tức là chấm dứt các nghĩa vụ).⁸⁵ Mỗi Công ước có những điều khoản chính xác riêng phải xem xét, nhưng nhìn chung:
- (a) Công ước số 1–25. Việc bãi ước có thể diễn ra vào bất cứ thời điểm nào sau giai đoạn từ 5 hay 10 năm đầu tiên có hiệu lực của Công ước;
 - (b) Công ước số 26 và các Công ước sau đó: Việc bãi ước có thể thực hiện sau giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm (thường xảy ra hơn) (như đã nêu) đầu tiên có hiệu lực của Công ước, nhưng chỉ trong khoảng thời gian một năm. Có thể tiếp tục bãi ước sau giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm tiếp sau như đã nêu.

Tham vấn với tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động

- 76.
- (a) Hội đồng quản trị đã nêu rõ nguyên tắc chung là trong bất cứ trường hợp nào, việc bãi ước một Công ước đã phê chuẩn có thể được cân nhắc, vì thế chính phủ nên tham vấn với các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động về những vấn đề gặp phải và các biện pháp cần tiến hành để khắc phục⁸⁶ những vấn đề này trước khi ra quyết định về việc bãi ước.
 - (b) Điều 5, đoạn 1(e) Công ước số 144 yêu cầu phải tham vấn các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động về đề nghị bãi ước các Công ước đã phê chuẩn.⁸⁷

Hình thức thông báo bãi ước

77. Theo Điều khoản liên quan trong mỗi Công ước, bãi ước được quy định bởi một đạo luật do Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế đăng ký. Công cụ bãi ước phải:⁸⁸
- (a) xác định rõ ràng Công ước sẽ bãi bỏ;
 - (b) là tài liệu gốc (bằng văn bản gốc, không phải là bản sao chép hoặc photocopy) do người có thẩm quyền của nhà nước ký (Chủ tịch nước, Thủ tướng, Bộ trưởng phụ trách đối ngoại hay lao động);
 - (c) nêu rõ việc bãi ước chính thức Công ước liên quan.

Quy trình thủ tục của Văn phòng

- 78.
- (a) Trên cơ sở nhận thấy việc bãi ước một Công ước có thể được xem xét, Văn phòng sẽ lưu ý các chính phủ nước liên quan về nguyên tắc chung cần tham vấn như đã đề cập trong đoạn 70(a) ở trên.

⁸⁴ Ngoại trừ Công ước số 80 và 116 về sửa đổi các điều khoản cuối cùng.

⁸⁵ Điều này bổ sung cho điều khoản hướng dẫn việc bãi ước tự động sau khi phê chuẩn một Công ước sửa đổi – xem đoạn 73 ở trên. Trong ba trường hợp (Công ước số 102, 128 và 148), bãi ước cũng có thể thực hiện đối với một số phần.

⁸⁶ *Biên bản của Hội đồng Quản trị*, Kỳ họp lần thứ 184 (tháng 11 năm 1971), trang 95 và 210

⁸⁷ Đối với các nước chưa phê chuẩn Công ước số 144, xem đoạn 5 của Khuyến nghị Tham vấn ba bên (các hoạt động của Tổ chức Lao động Quốc tế), 1976 (số 152)

⁸⁸ Về các yêu cầu liên quan tới công cụ phê chuẩn, xem đoạn 20 ở trên.

- (b) Trong trường hợp chính phủ thông báo bãi ước một Công ước mà không nêu rõ lí do dẫn tới quyết định đó, Văn phòng sẽ yêu cầu chính phủ nước liên quan cung cấp các văn bản làm rõ thông tin cho Hội đồng Quản trị. Các nước đã phê chuẩn Công ước 144 có nghĩa vụ cung cấp thông tin về tổ chức tham vấn ba bên trước khi bãi ước trong các báo cáo phải trình theo điều 22 của Điều lệ ILO.
- (c) *Đăng ký bãi ước.* Mọi cuộc bãi ước đăng ký với Tổng Giám đốc sẽ được thông báo với Tổng thư kí Liên hợp Quốc và báo cáo với Hội đồng Quản trị cũng như xuất hiện trên *Bản tin chính thức.*

Hiệu lực của bãi ước

- 79.** Bãi ước có hiệu lực theo các Điều khoản cuối cùng của mỗi Công ước (thường một năm sau khi đăng ký với Tổng Giám đốc).

XI. Quy trình thủ tục đặc biệt

A. Kháng nghị về việc tuân thủ các Công ước đã phê chuẩn

Các quy định theo Điều lệ

80. Điều 24 và 25 Điều lệ ILO được diễn giải như sau:

Điều 24

Trong trường hợp hiệp hội lao động của người sử dụng lao động hoặc của người lao động gửi kháng nghị tới Văn phòng Lao động Quốc tế cáo buộc nước thành viên không đảm bảo tuân thủ hiệu quả Công ước theo quy định, Hội đồng quản trị có thể thông báo với Chính phủ về kháng nghị này và yêu cầu chính phủ đưa ra tuyên bố về vấn đề này một cách phù hợp.

Điều 25

Nếu chính phủ không đưa ra tuyên bố nào trong thời hạn phù hợp hoặc gửi tuyên bố không hợp lý đối với Hội đồng Quản trị, Hội đồng quản trị có quyền công bố kháng nghị và tuyên bố nếu có.

Quy trình thủ tục xem xét giải quyết kháng nghị

81. Khi thông qua bản sửa đổi vào tháng 11 năm 2004, Hội đồng Quản trị quyết định rằng các Trình tự tác nghiệp đặc biệt cần được hỗ trợ bằng một Văn bản giới thiệu tóm tắt các giai đoạn khác nhau của quy trình và tư vấn cho Hội đồng Quản trị các lựa chọn khác nhau trong mỗi giai đoạn như sau:⁸⁹

- (a) văn phòng xác nhận việc nhận được kháng nghị và thông báo với chính phủ nước liên quan;
- (b) vấn đề được đưa ra trước các cán bộ của Hội đồng Quản trị;
- (c) các thành viên báo cáo với Hội đồng Quản trị điều kiện nhận kháng nghị. Theo đó, kháng nghị cần phải:
 - (i) được gửi đến ILO bằng văn bản;
 - (ii) do hiệp hội lao động của người sử dụng lao động hoặc người lao động chuẩn bị;
 - (iii) có tham chiếu cụ thể tới điều 24 của Điều lệ;
 - (iv) l
iên quan tới một nước Thành viên của ILO;⁹⁰
 - (v) đ
ề cập tới một Công ước trong đó nước Thành viên đang nghi vấn là một bên liên quan;
 - (vi) c
hứng minh rằng Thành viên đã không thực hiện hiệu quả Công ước đó theo pháp lý.
- (d) H
ội đồng Quản trị đi đến quyết định về điều kiện nhận kháng nghị nhưng không thảo luận chi tiết vấn đề;
- (e) N
ếu nhận được kháng nghị, Hội đồng Quản trị sẽ thành lập ủy ban ba bên để kiểm tra vấn đề theo các quy định đã nêu trong Trình tự tác nghiệp hoặc nếu vấn đề liên quan tới một Công ước về quyền công đoàn, Hội đồng Quản trị sẽ liên hệ với Ủy ban về tự do hiệp hội;

⁸⁹ Tài liệu Hội đồng quản trị. 291/9 (Rev.) bao gồm văn bản của các Trình tự tác nghiệp liên quan tới quy trình thủ tục kiểm tra kháng nghị theo điều 24 và 25 Điều lệ của Tổ chức Lao động Quốc tế và Ghi chú giới thiệu đề cập ở trên. Các Trình tự tác nghiệp và Lưu ý mở đầu có trên website của ILO. Bản in cũng có ở văn phòng.

⁹⁰Hoặc một thành viên cũ duy trì giới hạn bởi Công ước.

- (f) Ủy ban báo cáo với Hội đồng Quản trị, mô tả các bước cần tiến hành để kiểm tra kháng nghị và gửi kết luận và khuyến nghị cho Hội đồng Quản trị để đưa ra quyết định;
- (g) Chính phủ nước liên quan được mời tham dự khi Hội đồng Quản trị xem xét vấn đề;
- (h) Hội đồng Quản trị sẽ quyết định liệu có công bố kháng nghị và tuyên bố hồi đáp của chính phủ cũng như gửi thông báo tới hiệp hội và chính phủ nước có liên quan hay không.

B. Khiếu nại về việc tuân thủ các Công ước đã phê chuẩn

Các quy định chính theo Điều lệ

82. Điều 26 Điều lệ ILO quy định như sau:

1. Các Thành viên đều có quyền gửi khiếu nại lên Văn phòng Lao động Quốc tế nếu Thành viên không hài lòng về các Thành viên khác trong việc đảm bảo tuân thủ hiệu quả Công ước đã phê chuẩn theo các điều khoản đã đề cập trước đó.
2. Trước khi trao đổi khiếu nại với Ủy ban Điều tra, Hội đồng Quản trị có thể, nếu phù hợp, trao đổi với chính phủ nước liên quan theo cách thức được quy định tại điều 24.
3. Nếu Hội đồng quản trị thấy không cần thiết phải trao đổi việc khiếu nại này với chính phủ, hoặc nếu đã trao đổi nhưng Hội đồng quản trị không nhận được tuyên bố hợp lý trong khoảng thời gian phù hợp, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Ủy ban Điều tra xem xét việc khiếu nại và báo cáo sau đó.
4. Hội đồng Quản trị cũng có thể áp dụng cùng một quy trình theo kiến nghị của Hội đồng hoặc khi nhận được khiếu nại từ đại biểu đến dự Hội nghị.
5. Khi có vấn đề nảy sinh tại điều 25 hay 26 cần Hội đồng Quản trị xem xét, chính phủ có quyền cử một đại diện đến tham gia trao đổi với Hội đồng Quản trị khi những vấn đề đang được xem xét. Do đó, cần lưu ý thông báo về ngày cho chính phủ nước có liên quan.

Các quy định khác theo Điều lệ

83. Các điều khoản sau đây của Điều lệ giải đáp các khía cạnh khác của quy trình thủ tục khiếu nại:

Điều 27: hợp tác của các nước thành viên với Ủy ban Điều tra;

Điều 28: báo cáo của Ủy ban Điều tra, bao gồm các phát hiện và khuyến nghị.

Điều 29: thông tin và công bố báo cáo của Ủy ban Điều tra, tìm hiểu xem các chính phủ nước liên quan có đồng thuận với các khuyến nghị và tham chiếu của Tòa án Công lý quốc tế (ICJ);

Điều 31: quyết định của ICJ là quyết định cuối cùng

Điều 32: quyền hạn của ICJ đối với những phát hiện hoặc khuyến nghị của Ủy ban Điều tra;

Điều 33: khuyến nghị của Hội đồng Quản trị là hành động của Hội nghị khi không thực hiện được khuyến nghị của Ủy ban Điều tra hoặc ICJ;

Điều 34: xác minh việc tuân thủ theo các khuyến nghị của Ủy ban Điều tra hoặc ICJ và các khuyến nghị của Hội đồng Quản trị về việc tạm ngừng hoạt động bởi Hội nghị.

Quy trình thủ tục của Ủy ban Điều tra

- 84.** Không có Trình tự tác nghiệp đối với quy trình thủ tục của Ủy ban Điều tra: Hội đồng Quản trị trao đổi với Ủy ban Điều tra theo từng trường hợp, căn cứ vào Điều lệ và các hướng dẫn chung dành cho Ủy ban. Các báo cáo của Ủy ban Điều tra mô tả quy trình theo các cuộc kiểm tra khiếu nại, bao gồm quy trình nhận thông tin từ các bên và các cá nhân, tổ chức liên quan và tổ chức các phiên xét xử.⁹¹

⁹¹ Ví dụ xem *Bản tin chính thức*, tập LXXIV (1991), Seri B, phần bổ sung 2 và 3.

C. Khiếu nại về vi phạm quyền tự do hiệp hội

1. Ủy ban về tự do hiệp hội thuộc Hội đồng Quản trị⁹²

Thành phần và Điều khoản tham chiếu

85. Ủy ban là một cơ quan ba bên thuộc Hội đồng Quản trị, bao gồm chín thành viên chính và chín thành viên thay thế dựa vào năng lực cá nhân và một Chủ tịch độc lập. Các cuộc họp của Ủy ban là các cuộc họp kín, tài liệu bí mật và, theo thông lệ, các quyết định đưa ra dựa trên sự đồng thuận. Ủy ban kiểm tra các khiếu nại về vi phạm quyền tự do hiệp hội và gửi kết luận và khuyến nghị cho Hội đồng Quản trị. Các khiếu nại được xem xét cho dù nước đó đã phê chuẩn Công ước liên quan tới tự do hiệp hội hay chưa.⁹³

Điều kiện nhận khiếu nại

86.

(a) Khiếu nại phải được chuẩn bị bằng văn bản, được ký và hỗ trợ bằng các bằng chứng viện dẫn liên quan tới vi phạm tự do hiệp hội.

(b) Khiếu nại phải xuất phát từ các tổ chức của người sử dụng lao động hoặc người lao động⁹⁴ hoặc từ chính phủ. Một tổ chức có thể là:

(i) một tổ chức trong nước quan tâm trực tiếp về vấn đề này;

(ii) một tổ chức quốc tế của người sử dụng lao động hoặc người lao động có vị trí tư vấn đối với ILO;⁹⁵

(iii) một tổ chức quốc tế khác của người sử dụng lao động hoặc người lao động có viện dẫn liên quan tới các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới các tổ chức phụ thuộc.

87. Ủy ban có đủ khả năng để quyết định về điều kiện nhận khiếu nại đối với người gửi khiếu nại. Trên thực tế, theo các quy trình thủ tục đặc biệt về kiểm tra khiếu nại về vi phạm tự do hiệp hội, Ủy ban có đủ thẩm quyền để quyết định một tổ chức được coi là tổ chức của người sử dụng lao động hay của người lao động theo cách hiểu trong Điều lệ của ILO, và không cần xem xét đến sự ràng buộc của tổ chức đó theo định nghĩa của quốc gia. Thực tế là tổ chức công đoàn chưa ký thác các quy định của tổ chức, theo yêu cầu của luật pháp quốc gia, thì không đủ điều kiện để nhận khiếu nại vì các nguyên tắc về tự do hiệp hội quy định rõ là người lao động có thể lập ra các tổ chức của riêng mình mà không cần sự cho phép trước. Cuối cùng, thực tế là một tổ chức chưa được chính thức công nhận thì cũng không có lý do gì hợp lệ để phản đối luận cứ, khi rõ ràng từ khiếu nại cũng cho thấy là tổ chức này ít nhất cũng tồn tại trên thực tế.⁹⁶

Tổ chức công việc của Ủy ban

88.

(a) Ủy ban họp ba lần một năm.

(b) Tại bất cứ thời điểm nào, Văn phòng có thể yêu cầu bên khiếu nại nêu rõ việc vi phạm bị khiếu nại khi đơn khiếu nại không đủ chi tiết.

⁹² Quy trình thủ tục của Ủy ban Tự do hiệp hội được mô tả trong các quyết định của Hội đồng Quản trị giữa các Kỳ họp lần thứ 117 (tháng 11 năm 1951) và lần thứ 209 (tháng 5-tháng 6 năm 1979), và trong các tờ rơi, ấn phẩm riêng biệt của ILO. Trong kỳ họp tháng 3 năm 2002, Ủy ban đã phê chuẩn các quyết định cụ thể liên quan tới quy trình (Xem Báo cáo lần thứ 327, đoạn 17-26).

⁹³ Lý do là nghĩa vụ của tất cả các nước Thành viên gắn với Điều lệ của ILO, công nhận nguyên tắc tự do hiệp hội.

⁹⁴ Ủy ban sẽ quyết định đơn vị thừa kiện có thể được coi là một tổ chức phục vụ cho mục đích này không. Văn phòng được ủy quyền để yêu cầu cung cấp thêm thông tin từ đơn vị thừa kiện nhằm tìm hiểu chắc chắn bản chất của sự việc.

⁹⁵ Vào thời điểm in ấn, Tổ chức quốc tế của người sử dụng lao động; Tổng liên đoàn quốc tế; Tổ chức thống nhất công đoàn Châu Phi và Liên bang công đoàn thế giới.

⁹⁶ Các quy trình đặc biệt để kiểm tra khiếu nại về vi phạm tự do hiệp hội trong Tổ chức Lao động Quốc tế.

(c) Văn phòng yêu cầu đơn vị khiếu nại cung cấp thêm các thông tin chứng minh cho đơn khiếu nại trong vòng một tháng.⁹⁷

(d) Văn phòng chuyên viện dẫn cho chính phủ nước liên quan để hỏi đáp trong một giai đoạn cụ thể.

(e) Ủy ban quyết định có đưa ra kết luận hoặc yêu cầu chính phủ nước liên quan cung cấp thêm thông tin.

(f) Ủy ban có thể tư vấn cho Hội đồng Quản trị trao đổi với chính phủ nước liên quan, lưu ý về những vấn đề không bình thường, và gợi ý các biện pháp khắc phục cũng như chuyển thêm các thông tin về các biện pháp này. Ủy ban cũng khuyến nghị nên chuyển đến Ủy ban Điều tra thực tiễn và Hòa giải.⁹⁸

(g) Báo cáo của Ủy ban được xuất bản trong *Bản tin chính thức*.

(h) Ủy ban nhất trí thông qua một quy trình thử nghiệm cho phép tìm kiếm các ý kiến của tất cả các bên bị ảnh hưởng để chính phủ có thể thông tin cho Ủy ban về cách thức hỏi đáp thấu đáo. Việc áp dụng thực tế quy trình mới không gây ra trì hoãn khi gửi yêu cầu khẩn cấp tới chính phủ hoặc trong việc kiểm tra các trường hợp.⁹⁹

(i) Văn phòng yêu cầu các chính phủ đảm bảo rằng họ thu thập các thông tin và viện dẫn từ các bên liên quan.

(j) Ủy ban có thể mời Chủ tịch tổ chức tham vấn với đại biểu của chính phủ trong Hội nghị Lao động Quốc tế, lưu ý đến mức độ nghiêm trọng của một số vấn đề và thảo luận các biện pháp giải quyết.

(k) Nếu một nước phê chuẩn các Công ước về tự do hiệp hội, Ủy ban có thể đưa ra các khía cạnh pháp lý của trường hợp cần sự quan tâm của Ủy ban Chuyên gia về áp dụng Công ước và Khuyến nghị.

(l) Theo quy trình thủ tục, có khả năng phải thực hiện một số chuyển công tác (liên hệ trực tiếp, hỗ trợ kỹ thuật...vv) với sự đồng ý của Chính phủ.

2. Ủy ban Điều tra và Hòa giải về tự do hiệp hội

Thành phần, điều khoản tham chiếu và quy trình

89. Ủy ban bao gồm 9 người độc lập do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm việc trong ba ban. Ủy ban có trách nhiệm kiểm tra các khiếu nại về vi phạm tự do hiệp hội do Hội đồng Quản trị giao, gồm cả yêu cầu của chính phủ về viện dẫn.¹⁰⁰ Quy trình của Ủy ban tương đương với quy trình của Ủy ban Điều tra,¹⁰¹ và báo cáo của Ủy ban cũng được xuất bản.

D. Không trình Công ước và Khuyến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền

Điều khoản của Điều lệ

90. Điều 30 của Điều lệ ghi rõ:

Trong trường hợp Thành viên không thực hiện hành động được yêu cầu trong đoạn 5(b), 6(b) hoặc 7(b)(i) Điều 19 liên quan tới Công ước và Khuyến nghị, các Thành viên khác có quyền đề cập tới những vấn đề này với Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị nhận thấy việc không tuân thủ, Hội đồng sẽ báo cáo vấn đề đó lên Hội nghị.

⁹⁷ Chỉ bằng chứng mới không thể bổ sung trong tháng sẽ được nhận.

⁹⁸ Xem đoạn 86 bên dưới.

⁹⁹ Xem báo cáo lần thứ 327, đoạn 17-26

¹⁰⁰ Điều này liên quan tới: (i) Các thành viên đã phê chuẩn Công ước về tự do hiệp hội; (ii) Các thành viên chưa phê chuẩn các Công ước liên quan, nhưng công ước được chấp thuận để tham chiếu; (iii) các nước không phải là thành viên của ILO nhưng là thành viên của Liên hợp quốc và Hội đồng kinh tế xã hội của Liên hợp quốc đã thông tin về vấn đề này cho ILO và quốc gia chấp thuận để tham chiếu;

¹⁰¹ Xem đoạn 84 bên dưới.

XII. Hỗ trợ của Văn phòng Lao động Quốc tế về các tiêu chuẩn lao động quốc tế

Tiêu chuẩn lao động quốc tế và hợp tác kỹ thuật

91. Văn phòng Lao động Quốc tế thực hiện nhiều hoạt động được thiết kế để hỗ trợ chính phủ, tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động thực hiện chức năng và vai trò theo các tiêu chuẩn và hệ thống giám sát. Những hoạt động này cần được xem xét trong bối cảnh các mục tiêu cơ bản và nguyên tắc của Tổ chức được nêu trong Điều lệ và các tiêu chuẩn lao động quốc tế và chính sách chung liên quan tới cách thức làm việc chặt chẽ với ba đối tác và các đối tác liên quan khác ở mỗi nước nhằm đảm bảo xác định và phục vụ các mục tiêu quốc gia cả về các tiêu chuẩn lao động và hợp tác kỹ thuật.

Dịch vụ tư vấn phi chính thức

92. Phòng tiêu chuẩn lao động quốc tế của Văn phòng Lao động Quốc tế ở Geneva phối hợp cùng với các văn phòng khu vực và tiểu khu vực, đặc biệt là các chuyên gia về các tiêu chuẩn lao động quốc tế tại những văn phòng này và văn phòng quốc gia để cung cấp nhiều loại hình tập huấn, giải thích, tư vấn và hỗ trợ về các vấn đề cần giải quyết trong Cuốn sổ tay này. Những dịch vụ này được cung cấp nhằm đáp ứng các yêu cầu cụ thể của chính phủ hoặc tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động và thông qua những chuyên công tác tư vấn và các cuộc thảo luận không chính thức do Văn phòng khởi xướng. Các vấn đề có thể được giải quyết bao gồm bộ câu hỏi về các mục trong Chương trình nghị sự của Hội nghị về các tiêu chuẩn mới; bình luận của các cơ quan giám sát và các biện pháp họ yêu cầu; luật pháp mới; báo cáo do chính phủ soạn thảo; chuẩn bị tài liệu để trình lên các cơ quan có thẩm quyền; tổ chức tham vấn giữa chính phủ và tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động về tiêu chuẩn lao động và các hoạt động ILO; cách thức tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động tham gia vào các quy trình xây dựng tiêu chuẩn và quy trình giám sát.

Liên hệ trực tiếp

93. Quy trình *liên hệ trực tiếp* cho phép đại diện của Tổng Giám đốc ILO và đại diện của nước có liên quan kiểm tra các vấn đề liên quan ảnh hưởng tới việc phê chuẩn hoặc thực hiện Công ước hay hoàn tất các nghĩa vụ liên quan tới Công ước và Khuyến nghị hoặc trường hợp trước Ủy ban về tự do hiệp hội. Theo các nguyên tắc do cơ quan giám sát chịu trách nhiệm quy định, những khó khăn thực tế hoặc pháp lý gặp phải cần được đảm bảo *liên hệ trực tiếp*. Quy trình *thủ tục* như sau:
- Liên hệ trực tiếp* do Ủy ban chuyên gia về áp dụng các Công ước và Khuyến nghị hoặc Ủy ban về tự do hiệp hội thuộc Hội đồng Quản trị gợi ý hoặc do chính phủ nước liên quan yêu cầu.
 - Tổng Giám đốc tìm hiểu vấn đề do chính phủ nước liên quan gặp phải, trong đó phải được sự đồng ý của chính phủ nước đó.
 - Các điểm cần giải quyết nên được nêu rõ trước.
 - Khi thực hiện *liên lạc trực tiếp*, để đạt được các kết quả, các cơ quan giám sát có thể tạm thời dừng việc kiểm tra về những vấn đề đang nghi vấn trong một thời gian nhưng không quá một năm.
 - Liên lạc trực tiếp* cần được thực hiện theo cách phù hợp với mục đích, tạo điều kiện cho chính phủ nước liên quan giải thích tất cả các vấn đề về trường hợp đó, trong đó các cơ quan giám sát có thể đánh giá tất cả các lĩnh vực liên quan.
 - Khi tiến hành *liên lạc trực tiếp*, nên làm việc với những người biết tất cả các khía cạnh của vấn đề bao gồm các đại diện chính phủ có đủ trách nhiệm và kinh nghiệm để trao đổi với chính quyền về bối cảnh quốc gia, quan điểm của chính phủ và các kế hoạch về vấn đề này.

- (g) Tổng Giám đốc của ILO sẽ chỉ định một đại diện là người độc lập hoặc một cán bộ ILO thông thạo về vấn đề này.
- (h) Đại diện của Tổng Giám đốc, được sự đồng ý của chính phủ nước liên quan, có thể đến thăm để hội đàm với đại diện chính phủ, giải thích bình luận của cơ quan giám sát, nắm được thông tin về vị trí của chính phủ và bản chất chính xác của những khó khăn mà chính phủ gặp phải và gửi cho các cơ quan giám sát hỗ trợ các thông tin liên quan do chính phủ cung cấp.
- (i) Đại diện của Tổng Giám đốc sẽ liên lạc với tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động và thông báo cho họ về các nội dung đã trao đổi và tìm hiểu quan điểm của các tổ chức này.
- (j) Việc xây dựng *liên lạc trực tiếp* và các điều khoản tham chiếu cho đại diện Tổng Giám đốc không phải là để hạn chế chức năng và trách nhiệm của các cơ quan giám sát.

94.

Phụ lục I: Lịch hoạt động về các tiêu chuẩn lao động quốc tế

Thời gian	Hoạt động của ILO	Hoạt động của ban quản trị quốc gia
Phê chuẩn Công ước và Khuyến nghị¹⁰²		
Tháng 11 (năm 1) và Tháng 3 (năm 2)	Hội đồng quản trị ILO xem xét và quyết định Chương trình nghị sự của Hội nghị ILO trong <i>năm 4</i>	
Tháng 11 – Tháng 12 (năm 2)	ILO gửi báo cáo về luật và thông lệ có bảng hỏi về nội dung công cụ mới	Tham vấn tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động về việc hỏi đáp (Điều 38 và 39 trong Trình tự tác nghiệp của Hội nghị, và – dành cho các cơ quan Nhà nước – C.144). Chuẩn bị tài liệu trả lời bảng hỏi và gửi tới ILO muộn nhất vào ngày <i>30 tháng 6 (năm 3)</i> .
Tháng 1 – Tháng 2 (năm 4)	ILO gửi báo cáo phân tích hỏi đáp, bao gồm đề xuất kết luận	Chuẩn bị tư thế để thảo luận tại Hội nghị
Tháng 6 (năm 4)	Hội nghị Lao động Quốc tế - <i>thảo luận lần đầu</i>	Tham gia vào các công việc của Ủy ban kỹ thuật khi phù hợp
Tháng 8 – Tháng 9 (năm 4)	ILO gửi dự thảo tài liệu dựa vào <i>thảo luận lần đầu</i>	Tham vấn tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động về việc hỏi đáp (Điều 38 và 39 trong Trình tự tác nghiệp của Hội nghị, và – dành cho các cơ quan Nhà nước – C.144). Nghiên cứu và nếu cần thiết, gửi ý kiến bình luận cho ILO muộn nhất vào ngày <i>30 tháng 11 (năm 4)</i> .
Tháng 2 – Tháng 3 (năm 5)	ILO gửi tài liệu chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến góp ý nhận được	Chuẩn bị tư thế để thảo luận tại Hội nghị
Tháng 6 (năm 5)	Hội nghị Lao động Quốc tế - <i>thảo luận lần hai</i> và thông qua	Tham gia vào các công việc của Ủy ban kỹ thuật khi phù hợp
Trình các Công ước¹⁰³ và Khuyến nghị lên cơ quan có thẩm quyền		
Tháng 8 ¹⁰⁴	ILO gửi các Công ước và Khuyến nghị mới được phê chuẩn cùng với Biên bản ghi nhớ của Hội đồng Quản trị về việc trình lên cơ quan có thẩm quyền	Nghiên cứu các công cụ và so sánh với luật pháp và thông lệ quốc gia; các cơ quan nhà nước trong C.144: tham vấn với tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động về đề xuất sẽ thực hiện. Chuẩn bị tài liệu tổng hợp vị thế và đề xuất về hành động quốc gia (nếu phù hợp) và tính khả thi của việc phê chuẩn Công ước. Trình lên các cơ quan có thẩm quyền pháp lý vào <i>tháng 6</i> (hoặc ngoại lệ, vào <i>tháng 12</i>) năm sau. Báo cáo với ILO, theo bảng hỏi trong Biên bản ghi nhớ của Hội đồng Quản trị về các biện pháp tiến hành để trình các công cụ lên cơ quan có thẩm quyền. Gửi bản sao cho tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.

¹⁰² Mô tả thủ tục *thảo luận kép* và sẽ được đơn giản hóa trong các trường hợp *thảo luận đơn*.

¹⁰³ Thuật ngữ “Công ước” cũng đề cập tới Nghị định thư do Hội nghị thông qua theo điều 19 Điều lệ của ILO.

¹⁰⁴ Khi các Công ước và Khuyến nghị được phê chuẩn tại Phiên họp hàng hải tại Hội nghị diễn ra không phải trong tháng 6, Văn phòng sẽ gửi các Công ước và Khuyến nghị sau khi các Công ước và Khuyến nghị được phê chuẩn. Hoạt động của ban quản trị quốc gia cũng tương tự, việc trình lên là vào 12 tháng sau Kỳ họp tại Hội nghị phê chuẩn công cụ.

Báo cáo về việc thực hiện các Công ước đã phê chuẩn		
Tháng 2	ILO gửi yêu cầu nộp báo cáo (<i>chi tiết/đơn giản hóa</i>) trong năm đó cùng với mẫu báo cáo riêng và ý kiến bình luận của các cơ quan giám sát của ILO	Cơ quan nhà nước trong C.144: tham vấn tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động về những câu hỏi phát sinh từ các báo cáo. Chuẩn bị báo cáo và gửi (nếu cần thiết, theo loạt) tới ILO từ <i>1 tháng 6 đến 1 tháng 9</i> là muộn nhất. Gửi bản sao của báo cáo tới tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.
Tháng 3	ILO gửi bản sao yêu cầu báo cáo đến hạn của năm đó cùng với ý kiến bình luận của các cơ quan giám sát của ILO cho các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.	Nghiên cứu góp ý nhằm trừ liệu những biện pháp cần thiết để đảm bảo tuân thủ. Các cơ quan Nhà nước trong Công ước 144: tham vấn các tổ chức như trên
Tháng 4	ILO gửi bản sao bình luận của cơ quan giám sát về các báo cáo Công ước đến hạn trong những năm sau	
Tháng 7	ILO gửi báo cáo của Ủy ban về áp dụng các tiêu chuẩn tại phiên họp tháng 6 của Hội nghị	Kiểm tra, nhằm trừ liệu hành động cần thiết để đưa những ý kiến góp ý của Ủy ban vào hoàn thiện báo cáo.
Tháng 6 – tháng 8		
Tháng 11 – Tháng 12	Ủy ban chuyên gia về áp dụng các Công ước và Khuyến nghị họp	
Tháng 3 năm sau	Xuất bản báo cáo của Ủy ban chuyên gia	Nghiên cứu chuẩn bị cho thảo luận chung tại Ủy ban Hội nghị. Chuẩn bị thông tin (khi phù hợp) cho Ủy ban Hội nghị bằng văn bản hoặc bằng lời nói.
Tháng 6	Ủy ban Hội nghị về áp dụng tiêu chuẩn họp	Tham gia vào tranh tụng và khi có thể, thảo luận các trường hợp trong nước được lựa chọn để xem xét.
Báo cáo về việc thực hiện những Công ước chưa phê chuẩn và Khuyến nghị		
Tháng 9	ILO gửi yêu cầu báo cáo và mẫu biểu báo cáo	Chuẩn bị báo cáo và gửi cho ILO muộn nhất là vào <i>30 tháng 4</i> năm sau. ¹⁰⁵ Gửi bản sao cho tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.
Tháng 11 – Tháng 12 (trong năm sau yêu cầu báo cáo)	Ủy ban chuyên gia về áp dụng Công ước và Khuyến nghị thực hiện Khảo sát chung	
Tháng 3 năm sau	Xuất bản báo cáo Khảo sát chung của Ủy ban chuyên gia	Nghiên cứu nhằm chuẩn bị thảo luận tại Ủy ban Hội nghị và xem xét các vấn đề và ý kiến góp ý chung
Tháng 6	Ủy ban Hội nghị về áp dụng các tiêu chuẩn thảo luận về Khảo sát	Tham gia vào vụ kiện

¹⁰⁵ Khuyến nghị số 152 (đi kèm Công ước số 144) yêu cầu tham vấn với tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động về những vấn đề phát sinh từ báo cáo.

Ghi chú: Thẩm quyền gửi các bản sao báo cáo và thông tin cho tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động liên quan tới nghĩa vụ thuộc Điều 23(2) Điều lệ của ILO. Điều khoản này liên quan tới “các nước thuộc C.144” đề cập tới nghĩa vụ của các nước đã phê chuẩn Công ước ba bên (Tiêu chuẩn Lao động quốc tế), 1976 (Số 144). Các điều khoản tương tự xuất hiện trong Khuyến nghị tham vấn ba bên (Hoạt động của Tổ chức Lao động Quốc tế), 1976 (Số 152).

	chung	
--	-------	--

Phụ lục II

Nguồn thông tin

Các tài liệu cơ bản về Công ước và Khuyến nghị của ILO

Điều lệ của Tổ chức Lao động Quốc tế và Trình tự tác nghiệp của Hội nghị Lao động Quốc tế (ILO, 2009).

Báo cáo của Ủy ban chuyên gia về áp dụng Công ước và Khuyến nghị. Báo cáo thường niên của Ủy ban bao gồm:

Báo cáo chung (Báo cáo III (Phần 1A));

Nhận xét (Báo cáo III (Phần 1A));

Khảo sát chung (Báo cáo III (Phần 1B)).

Tài liệu thông tin về việc phê chuẩn và các hoạt động liên quan tới tiêu chuẩn (Báo cáo III (Phần 2)).

Báo cáo của Ủy ban về áp dụng tiêu chuẩn. Trích từ Hồ sơ các quy trình thủ tục của Hội nghị Lao động Quốc tế thường niên. Xuất bản năm 2007.

Báo cáo của Ủy ban về tự do Hiệp hội. Xuất bản ba lần một năm, là tài liệu của Hội đồng Quản trị và trong *Bản tin chính thức* của ILO (tuyên tập B).

Bản tin chính thức của Văn phòng Lao động Quốc tế (xuất bản từ năm 1919). Tập A bao gồm những báo cáo về các công cụ được phê chuẩn, thông tin về việc phê chuẩn hay bãi ước của Công ước, tổng hợp các quyết định của Hội đồng Quản trị, các nghị quyết và quyết định của Hội nghị Lao động Quốc tế và các cuộc họp cấp khu vực, giải thích các Công ước được Hội nghị phê chuẩn và kết luận của các cuộc họp chuyên gia ba bên. Tập B gồm các báo cáo của Ủy ban về Tự do Hiệp hội.

Các ấn phẩm của ILO

Quy tắc của trò chơi: Giới thiệu khái quát về các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế (bản sửa năm 2009).

Tự do hiệp hội – Tập san về các quyết định và nguyên tắc về tự do của Ủy ban Hiệp hội thuộc Hội đồng Quản trị của ILO. Bản sửa lần 5, 2006.

Ủy ban về áp dụng các tiêu chuẩn của Hội nghị Lao động Quốc tế: Tác động được xây dựng trong thập kỉ đối thoại và thuyết phục, 2011.

CD-ROMs

Thư viện điện tử về các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế (ILSE CD-ROM). Bao gồm các Công ước, Khuyến nghị và các tài liệu cơ bản khác bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha và tuyên tập tài liệu bằng ngôn ngữ khác. Xuất bản thường niên.

Áp dụng các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế (ANITA CD-ROM). Gồm có những báo cáo chung và góp ý cả Ủy ban chuyên gia về các báo cáo mới nhất, chưa được góp ý và thảo luận về những quan sát/ý kiến được lựa chọn do Ủy ban hội nghị về áp dụng các tiêu chuẩn lựa chọn tại Hội nghị Lao động Quốc tế. Xuất bản thường niên.

Thư viện về Tự do hiệp hội và thương lượng tập thể. Xuất bản thường niên.

Các nguồn trên internet

NORMLEX là một hệ thống thông tin mới tập hợp các thông tin về các tiêu chuẩn lao động quốc tế (ví dụ thông tin về phê chuẩn, yêu cầu báo cáo, bình luận của cơ quan giám sát của ILO...vv) cũng như hệ thống

luật lao động và luật bảo hiểm xã hội quốc gia. NORMLEX được thiết kế nhằm cung cấp thông tin toàn diện và thân thiện cho người sử dụng về những chủ đề trên và bao gồm cơ sở dữ liệu NATLEX và những thông tin có trước đó trong cơ sở dữ liệu APPLIS, ILOLEX và LIBSYND.

NATLEX: cơ sở dữ liệu thư mục về hệ thống luật pháp quốc gia về luật lao động, bảo hiểm xã hội và nhân quyền. Bao gồm vô số luật bản đầy đủ.

Các cơ sở dữ liệu trên đây có website về các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế: www.ilo.org/normes.

Phụ lục III

Tên chính thức của các Công ước do Hội nghị Lao động Quốc tế (ILC) phê chuẩn, 1919-2011

- Công ước không được phê chuẩn do Công ước sửa đổi có hiệu lực
- ◆ Công ước không có hiệu lực
- Công ước đã bãi bỏ
- * Công ước được sửa đổi toàn bộ hoặc một phần do Công ước hoặc Nghị định thư sau.

ILC, Kỳ họp lần thứ nhất, 1919

- C.1 Công ước về thời giờ làm việc (trong Công nghiệp), 1919 (Số 1)
- C.2 Công ước về thất nghiệp, 1919 (Số 2)
- * C.3 Công ước về bảo vệ thai sản, 1919 (Số 3)
- * C.4 Công ước về làm việc ban đêm (đối với Phụ nữ), 1919 (Số 4)
- * C.5 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (trong công nghiệp), 1919 (Số 5)
- * C.6 Công ước về làm việc ban đêm cho lao động trẻ, 1919 (số 6)

ILC, Kỳ họp lần thứ 2, 1920

- * C.7 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (trên biển), 1920 (Số 7)
- C.8 Công ước về Bồi thường thất nghiệp (Chìm tàu), 1920 (Số 8)
- * C.9 Công ước về Thủy thủ, 1920 (Số 9)

ILC, Kỳ họp lần thứ 3, 1921

- * C.10 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (trong Nông nghiệp), 1921 (Số 10)
- C.11 Công ước về Quyền hiệp hội (trong Nông nghiệp), 1921 (Số 11)
- * C.12 Công ước bồi thường cho người lao động (trong Nông nghiệp), 1921 (Số 12)
- C.13 Công ước về Chì trắng (trong hội họa), 1921 (Số 13)
- C.14 Công ước về Nghỉ hàng tuần (trong công nghiệp), 1921 (Số 14)
- * C.15 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (đối với người xếp dỡ hàng và người đốt lò), 1921 (Số 15)
- C.16 Công ước về kiểm tra y tế cho lao động trẻ (trên biển), 1921 (Số 16)

ILC, Kỳ họp lần thứ 7, 1925

- * C.17 Công ước về bồi thường cho người lao động (tai nạn), 1925 (Số 17)
- * C.18 Công ước về bồi thường cho người lao động (bệnh nghề nghiệp), 1925 (Số 18)
- C.19 Công ước về đối xử bình đẳng (bồi thường tai nạn), 1925 (Số 19)
- C.20 Công việc về làm việc ban đêm (trong Lò bánh mì), 1925 (Số 20)

ILC, Kỳ họp lần thứ 8, 1926

- C.21 Công ước thanh tra người di cư, 1926 (Số 21)

ILC, Kỳ họp lần thứ 9, 1926

- C.22 Công ước về các điều khoản thống nhất cho thuyền viên, 1926 (Số 22)
- * C.23 Công ước về việc hồi hương của thuyền viên, 1926 (Số 23)

ILC, Kỳ họp lần thứ 10, 1927

- * C.24 Công ước về bảo hiểm ốm đau (trong công nghiệp), 1927 (Số 24)
- * C.25 Công ước về bảo hiểm ốm đau (trong nông nghiệp), 1927 (Số 25)

ILC, Kỳ họp lần thứ 11, 1928

- C.26 Công ước về sửa máy móc – lương tối thiểu, 1928 (Số. 26)

ILC, Kỳ họp lần thứ 12, 1929

- C.27 Công ước ghi trọng lượng (trên các kiện hàng lớn vận chuyển bằng tàu), 1929 (Số 27)
- C.28 Công ước bảo vệ khỏi tai nạn (công nhân bốc xếp), 1929 (Số 28)

ILC, Kỳ họp lần thứ 14, 1930

- C.29 Công ước về Lao động cưỡng bức, 1930 (Số 29)
- C.30 Công ước về thời giờ làm việc (trong thương mại và văn phòng), 1930 (Số 30)

ILC, Kỳ họp lần thứ 15, 1931

- C.31 Công ước về thời giờ làm việc (trong mỏ than), 1931 (Số 31)

ILC, Kỳ họp lần thứ 16, 1932

- C.32 Công ước bảo vệ khỏi tan nạn (đối với công nhân bốc xếp) (Sửa đổi), 1932 (Số 32)
- C.33 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (việc làm phi nông nghiệp), 1932 (Số 33)

ILC, Kỳ họp lần thứ 17, 1933

- C.34 Công ước về các Cơ quan dịch vụ việc làm miễn phí, 1933 (Số 34)
- C.35 Công ước về bảo hiểm cho người về hưu (trong công nghiệp), 1933 (Số 35)
- C.36 Công ước về bảo hiểm cho người khuyết tật (trong nông nghiệp), 1933 (Số 36)
- C.37 Công ước về bảo hiểm cho người khuyết tật (trong Công nghiệp), 1933 (Số 37)
- C.38 Công ước về bảo hiểm cho người khuyết tật (trong Nông nghiệp), 1933 (Số 38)
- C.39 Công ước về bảo hiểm cho người sống sót (trong Công nghiệp), 1933 (Số 39)
- C.40 Công ước về bảo hiểm cho người sống sót (trong Nông nghiệp), 1933 (Số 40)

ILC, Kỳ họp lần thứ 18, 1934

- C.41 Công ước làm việc ban đêm (đối với phụ nữ) (sửa đổi), 1934 (Số 41)
- * C.42 Công ước bồi thường cho người lao động (bệnh nghề nghiệp) (sửa đổi), 1934 (Số 42)
- C.43 Công ước về công trình làm việc với kính, 1934 (Số 43)
- C.44 Công ước về các điều khoản thất nghiệp, 1934 (Số 44)

ILC, Kỳ họp lần thứ 19, 1935

- C.45 Công ước về các công việc dưới lòng đất (đối với phụ nữ), 1935 (Số 45)
- C.46 Công ước về thời gian làm việc (đối với mỏ than) (Sửa đổi), 1935 (Số 46)
- C.47 Công ước về tuần làm việc 40 giờ, 1935 (Số 47)
- C.48 Công ước về duy trì quyền trợ cấp cho người di cư, 1935 (Số 48)
- C.49 Công ước về giảm giờ làm việc trong những xưởng sản xuất chai thủy tinh, 1935 (Số 49)

ILC, Kỳ họp lần thứ 20, 1936

- C.50 Công ước về tuyển dụng lao động bản địa, 1936 (Số 50)
- C.51 Công ước về giảm giờ làm việc (đối với công việc công cộng), 1936 (Số 51)
- C.52 Công ước về ngày nghỉ được trả lương, 1936 (Số 52)

ILC, Kỳ họp lần thứ 21, 1936

- C.53 Công ước về chứng chỉ năng lực của nhân viên, 1936 (Số 53)
- ◆● C.54 Công ước về ngày nghỉ được trả lương (trên biển), 1936 (Số 54)
- C.55 Công ước về trách nhiệm pháp lý của chủ tàu (thuyền viên bị ốm và bị thương), 1936 (Số 55)
- C.56 Công ước về bảo hiểm ốm đau (trên biển), 1936 (Số 56)
- ◆● C.57 Công ước về thời giờ làm việc và bố trí người lao động (trên biển), 1936 (Số 57)

ILC, Kỳ họp lần thứ 22, 1936

* C.58 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (trên biển) Sửa đổi, 1936 (Số 58)

ILC, Kỳ họp lần thứ 23, 1937

- * C.59 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (trong công nghiệp) (Sửa đổi), 1937 (Số 59)
- * C.60 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (việc làm phi nông nghiệp) (Sửa đổi), 1937 (Số 60)
- C.61 Công ước về giảm giờ làm (trong ngành dệt), 1937 (Số 61)
- C.62 Công ước về các điều khoản an toàn (trong tòa nhà), 1937 (Số 62)

ILC, Kỳ họp lần thứ 24, 1938

- C.63 Công ước liên quan tới Thống kê lương và thời giờ làm việc, 1938 (Số 63)

ILC, Kỳ họp lần thứ 25, 1939

- C.64 Công ước về hợp đồng làm việc (lao động bản địa), 1939 (Số 64)
- C.65 Công ước về phạt hình sự (đối với lao động bản địa), 1939 (Số 65)
- C.66 Công ước về di cư để làm việc, 1939 (Số 66)
- C.67 Công ước về thời giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi (trong vận chuyển đường bộ) 1939 (Số 67)

ILC, Kỳ họp lần thứ 28, 1946

- C.68 Công ước về thực phẩm và cung cấp thực phẩm (cho thuyền viên trên tàu), 1946 (Số 68)
- C.69 Công ước về chứng nhận đầu bếp trên tàu, 1946 (Số 69)
- ◆ C.70 Công ước về bảo hiểm xã hội (đối với thuyền viên), 1946 (Số 70)
- C.71 Công ước về trợ cấp lương hưu cho thuyền viên, 1946 (Số 71)
- ◆ C.72 Công ước về nghỉ được trả lương (đối với thuyền viên), 1946 (Số 72)
- C.73 Công ước về khám sức khỏe (đối với thuyền viên), 1946 (Số 73)
- C.74 Công ước về chứng nhận thuyền viên có khả năng, 1946 (Số 74)
- ◆ C.75 Công ước về điều kiện ăn ở của thuyền viên, 1946 (Số 75)
- ◆ C.76 Công ước về lương, thời giờ làm việc và bố trí người làm việc (trên biển), 1946 (Số 76)

ILC, Kỳ họp lần thứ 29, 1946

- C.77 Công ước về khám sức khỏe cho lao động trẻ (trong công nghiệp), 1946 (Số 77)
- C.78 Công ước về khám sức khỏe cho lao động lao động trẻ (trong ngành nghề phi nông nghiệp), 1946 (Số 78)
- C.79 Công ước về làm việc ban đêm cho lao động lao động trẻ (ngành nghề phi công nghiệp), 1946 (Số 79)
- C.80 Công ước về sửa đổi các điều khoản cuối cùng, 1946 (Số 80)

ILC, Kỳ họp lần thứ 30, 1947

- * C.81 Công ước về thanh tra lao động, 1947 (Số 81)
- * C.82 Công ước về chính sách (đối với các vùng phi đô thị), 1947 (Số 82)
- C.83 Công ước tiêu chuẩn lao động (đối với các vùng phi đô thị), 1947 (Số 83)
- C.84 Công ước về quyền hiệp hội (đối với các vùng phi đô thị), 1947 (Số 84)
- C.85 Công ước thanh tra lao động (đối với các vùng phi đô thị), 1947 (Số 85)
- C.86 Công ước về hợp đồng việc làm (đối với lao động bản địa), 1947 (Số 86)

ILC, Kỳ họp lần thứ 31, 1948

- C.87 Công ước về tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức, 1948 (Số 87)
- C.88 Công ước về dịch vụ việc làm, 1948 (Số 88)
- * C.89 Công ước về việc làm ban đêm (đối với phụ nữ) (Sửa đổi), 1948 (Số 89)
- C.90 Công ước về việc làm ban đêm đối với lao động lao động trẻ (Sửa đổi), 1948 (Số 90)

ILC, Kỳ họp lần thứ 32, 1949

- C.91 Công ước về nghỉ được trả lương (thuyền viên) (Sửa đổi), 1949 (Số 91)
- C.92 Công ước về điều kiện ăn ở của thuyền viên (Sửa đổi), 1949 (Số 92)
- ◆● C.93 Công ước về lương, thời giờ làm việc và bố trí người làm việc (trên biển) (Sửa đổi), 1949 (Số 93)
- C.94 Công ước về các điều khoản lao động (hợp đồng công cộng), 1949 (Số 94)
- * C.95 Công ước về bảo vệ lương, (Số 95)
- C.96 Công ước về cơ quan dịch vụ việc làm miễn phí (Sửa đổi), 1949 (Số 96)
- C.97 Công ước về di cư để làm việc (Sửa đổi), 1949 (Số 97)
- C.98 Công ước về quyền tổ chức và thương lượng tập thể, 1949 (Số 98)

ILC, Kỳ họp lần thứ 34, 1951

- C.99 Công ước về lương tối thiểu – sửa chữa máy móc trong nông nghiệp, 1951 (Số 99)
- C.100 Công ước về tiền công bình đẳng, 1951 (Số 100)

ILC, 3Kỳ họp lần thứ 35, 1952

- * C.101 Công ước về nghỉ được trả lương trong nông nghiệp, 1952 (Số 101)
- * C.102 Công ước về bảo hiểm xã hội (ở mức tối thiểu), 1952 (Số 102)
- C.103 Công ước về bảo vệ thai sản (Sửa đổi), 1952 (Số 103)

ILC, Kỳ họp lần thứ 38, 1955

- C.104 Công ước về bãi bỏ phạt hình sự (đối với lao động bản địa), 1955 (Số 104)

ILC, Kỳ họp lần thứ 40, 1957

- C.105 Công ước về bãi bỏ lao động cưỡng bức, 1957 (Số 105)
- C.106 Công ước về nghỉ hàng tuần (đối với thương mại và văn phòng), 1957 (Số 106)
- C.107 Công ước về người bản địa và bộ lạc, 1957 (Số 107)

ILC, Kỳ họp lần thứ 41, 1958

- C.108 Công ước về các hồ sơ nhận dạng thuyền viên, 1958 (Số 108)
- ◆● C.109 Công ước về lương, thời giờ làm việc và lao động (trên biển), 1958 (Số 109)

ILC, Kỳ họp lần thứ 42, 1958

- * C.110 Công ước về trồng trọt, 1958 (Số 110)
- C.111 Công ước về phân biệt đối xử (Việc làm và nghề nghiệp), 1958 (Số 111)

ILC, Kỳ họp lần thứ 43, 1959

- * C.112 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu (đối với ngư dân), 1959 (Số 112)
- C.113 Công ước về khám sức khỏe (cho ngư dân), 1959 (Số 113)
- C.114 Công ước về các điều khoản nhất trí đối với ngư dân, 1959 (Số 114)

ILC, Kỳ họp lần thứ 44, 1960

- C.115 Công ước về bảo vệ phóng xạ, 1960 (Số 115)

ILC, Kỳ họp lần thứ 45, 1961

- C.116 Công ước sửa đổi các điều khoản cuối, 1961 (Số 116)

ILC, Kỳ họp lần thứ 46, 1962

- C.117 Công ước về chính sách xã hội (mục đích và tiêu chuẩn cơ bản), 1962 (Số 117)
- C.118 Công ước về đối xử công bằng (trong bảo hiểm xã hội), 1962 (Số 118)

ILC, Kỳ họp lần thứ 47, 1963

C.119 Công ước về che chắn máy móc, 1963 (Số 119)

ILC, Kỳ họp lần thứ 48, 1964

C.120 Công ước về vệ sinh (trong thương mại và văn phòng), 1964 (Số 120)

C.121 Công ước về quyền lợi thương tật việc làm, 1964 [Mục I được sửa đổi năm 1980] (Số 121)

C.122 Công ước về chính sách việc làm, 1964 (Số 122)

ILC, Kỳ họp lần thứ 49, 1965

* C.123 Công ước về độ tuổi lao động thiếu (đối với công việc dưới lòng đất), 1965 (Số 123)

C.124 Công ước về khám sức khỏe cho lao động trẻ (đối với công việc dưới lòng đất), 1965 (Số 124)

ILC, Kỳ họp lần thứ 50, 1966

C.125 Công ước về chứng chỉ năng lực của ngư dân, 1966 (Số 125)

C.126 Công ước về điều kiện ăn ở của thuyền viên (ngư dân), 1966 (Số 126)

ILC, Kỳ họp lần thứ 51, 1967

C.127 Công ước về trọng lượng tối đa, 1967 (Số 127)

C.128 Công ước về trợ cấp người khuyết tật, người già và người sống sót, 1967 (Số 128)

ILC, Kỳ họp lần thứ 53, 1969

C.129 Công ước về thanh tra lao động (trong nông nghiệp), 1969 (Số 129)

C.130 Công ước về trợ cấp y tế và ốm đau, 1969 (Số 130)

ILC, Kỳ họp lần thứ 54, 1970

C.131 Công ước về cố định lương tối thiểu, 1970 (Số 131)

C.132 Công ước về nghỉ được trả lương (Sửa đổi), 1970 (Số 132)

ILC, Kỳ họp lần thứ 55, 1970

C.133 Công ước về điều kiện ăn ở của thuyền viên (Điều khoản bổ sung), 1970 (Số 133)

C.134 Công ước về phòng ngừa tai nạn (đối với thuyền viên), 1970 (Số 134)

ILC, Kỳ họp lần thứ 56, 1971

C.135 Công ước về đại diện của người lao động, 1971 (Số 135)

C.136 Công ước về Benzen, 1971 (Số 136)

ILC, Kỳ họp lần thứ 58, 1973

C.137 Công ước về công việc tại bến tàu, 1973 (Số 137)

C.138 Công ước về độ tuổi lao động tối thiểu, 1973 (Số 138)

ILC, Kỳ họp lần thứ 59, 1974

C.139 Công ước về Ung thu nghề nghiệp, 1974 (Số 139)

C.140 Công ước về nghỉ đi học được trả lương, 1974 (Số 140)

ILC, Kỳ họp lần thứ 60, 1975

C.141 Công ước về Tổ chức của người lao động nông thôn, 1975 (Số 141)

C.142 Công ước về phát triển nhân sự, 1975 (Số 142)

C.143 Công ước về lao động di cư (Khoản bổ sung), 1975 (Số 143)

ILC, Kỳ họp lần thứ 61, 1976

C.144 Công ước về tham vấn ba bên (về các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế), 1976 (Số 144)

ILC, Kỳ họp lần thứ 62, 1976

- C.145 Công ước về tiếp tục việc làm (thuyền viên), 1976 (Số 145)
- C.146 Công ước về thuyền viên nghỉ phép được hưởng lương, 1976 (Số 146)
- * C.147 Công ước về buôn bán bằng tàu (Tiêu chuẩn tối thiểu), 1976 (Số 147)

ILC, Kỳ họp lần thứ 63, 1977

- C.148 Môi trường làm việc (Ô nhiễm không khí, tiếng ồn và độ rung), 1977 (Số 148)
- C.149 Công ước về nghề y tá, 1977 (Số 149)

ILC, Kỳ họp lần thứ 64, 1978

- C.150 Công ước về quản trị lao động, 1978 (Số 150)
- C.151 Công ước về quan hệ lao động (trong Dịch vụ công), 1978 (Số 151)

ILC, Kỳ họp lần thứ 65, 1979

- C.152 Công ước về An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (đối với công việc tại bến tàu), 1979 (Số 152)
- C.153 Công ước về thời giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi (vận chuyển đường bộ), 1979 (Số 153)

ILC, Kỳ họp lần thứ 67, 1981

- C.154 Công ước về thương lượng tập thể, 1981 (Số 154)
- * C.155 Công ước về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, 1981 (Số 155)
- C.156 Công ước về người lao động và các trách nhiệm gia đình, 1981 (Số 156)

ILC, Kỳ họp lần thứ 68, 1982

- C.157 Công ước về duy trì các quyền bảo hiểm xã hội, 1982 (Số 157)
- C.158 Công ước về chấm dứt việc làm, 1982 (Số 158)

ILC, Kỳ họp lần thứ 69, 1983

- C.159 Công ước về phục hồi chức năng và việc làm (đối với người khuyết tật), 1983 (Số 159)

ILC, Kỳ họp lần thứ 71, 1985

- C.160 Công ước về thống kê lao động, 1985 (Số 160)
- C.161 Công ước về các dịch vụ y tế lao động, 1985 (Số 161)

ILC, Kỳ họp lần thứ 72, 1986

- C.162 Công ước về Amiăng, 1986 (Số 162)

ILC, Kỳ họp lần thứ 74, 1987

- C.163 Công ước về phúc lợi cho thuyền viên, 1987 (Số 163)
- C.164 Công ước về bảo vệ sức khỏe và chăm sóc y tế (đối với thuyền viên), 1987 (Số 164)
- C.165 Công ước về bảo hiểm xã hội (đối với thuyền viên) (Sửa đổi), 1987 (Số 165)
- C.166 Công ước về việc hồi hương của thuyền viên (Sửa đổi), 1987 (Số 166)

ILC, Kỳ họp lần thứ 75, 1988

- C.167 Công ước về an toàn và sức khỏe trong xây dựng, 1988 (Số 167)
- C.168 Công ước về thúc đẩy việc làm và bảo vệ khỏi thất nghiệp, 1988 (Số 168)

ILC, Kỳ họp lần thứ 76, 1989

- C.169 Công ước về người bản địa và bộ lạc, 1989 (Số 169)

ILC, Kỳ họp lần thứ 77, 1990

- C.170 Công ước về hóa chất, 1990 (Số 170)

C.171 Công ước về làm việc ban đêm, 1990 (Số 171)

ILC, Kỳ họp lần thứ 78, 1991

C.172 Công ước về điều kiện làm việc (trong khách sạn và nhà hàng), 1991 (Số 172)

ILC, Kỳ họp lần thứ 79, 1992

C.173 Công ước về bảo vệ các quyền yêu cầu của người lao động (trong trường hợp người sử dụng lao động mất khả năng thanh toán), 1992 (Số 173)

ILC, Kỳ họp lần thứ 80, 1993

C.174 Công ước về phòng ngừa các tai nạn lao động nghiêm trọng, 1993 (Số 174)

ILC, Kỳ họp lần thứ 81, 1994

C.175 Công ước về công việc bán thời gian, 1994 (Số 175)

ILC, Kỳ họp lần thứ 82, 1995

C.176 Công ước về an toàn và sức khỏe trong hầm mỏ, 1995 (Số 176)

ILC, Kỳ họp lần thứ 83, 1996

C.177 Công ước về công việc tại nhà, 1996 (Số 177)

ILC, Kỳ họp lần thứ 84, 1996

C.178 Công ước về thanh tra lao động (đối với thuyền viên), 1996 (Số 178)

C.179 Công ước về tuyển dụng và sắp đặt công việc cho thuyền viên, 1996 (Số 179)

C.180 Công ước về thời giờ làm việc của thuyền viên và bố trí lao động trong ngành đóng tàu, 1996 (No. 180)

ILC, Kỳ họp lần thứ 86, 1997

C.181 Công ước về các cơ quan dịch vụ việc làm tư, 1997 (Số 181)

ILC, Kỳ họp lần thứ 87, 1999

C.182 Công ước về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999 (Số 182)

ILC, Kỳ họp lần thứ 88, 2000

C.183 Công ước bảo vệ thai sản, 2000 (Số 183)

ILC, Kỳ họp lần thứ 89, 2001

C.184 Công ước về an toàn và sức khỏe trong nông nghiệp, 2001 (Số 184)

ILC, Kỳ họp lần thứ 91, 2003

C.185 Công ước về hồ sơ nhận dạng thuyền viên (Sửa đổi), 2003 (Số 185)

ILC, Kỳ họp lần thứ 94, 2006

♦ MLC – Công ước về lao động hàng hải, 2006

ILC, Kỳ họp lần thứ 96, 2006

C.187 Công ước về khung thúc đẩy an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, 2006 (Số 187)

ILC, Kỳ họp lần thứ 97, 2007

♦ C.188 Công ước về làm việc trong đánh bắt hải sản, 2007 (Số 188)

ILC, Kỳ họp lần thứ 100, 2011

◆ C.189 Công ước về lao động giúp việc gia đình, 2011 (Số 189).